LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ SƠN TRÀ
(1930 - 2015)

ĐẢNG BỘ HUYỆN HƯƠNG SƠN
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ SƠN TRÀ

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ SƠN TRÀ
(1930 - 2015)

SƠN TRÀ, 2017

BAN CHỈ ĐẠO

PHẠM ĐÌNH QUANG
Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã - Trưởng ban

LÊ THỊ THANH MAI
Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Phó trưởng ban

LÊ VĂN BẰNG
Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã - Phó trưởng ban

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU

LÊ BÁ THIỆU *Đảng viên*
NGUYỄN HỮU ƯỚC *Đảng viên*
LÊ MẠNH HOÀN *Nguyên Bí thư Đảng ủy*
LÊ ĐỨC HẠNH *Nguyên Bí thư Đảng ủy*
NGUYỄN ĐỨC QUANG *Nguyên Bí thư Đảng ủy*
LÊ XUÂN TRÌ *Nguyên Bí thư Đảng ủy*
VĂN ĐÌNH TUYẾT *Nguyên Bí thư Đảng ủy*
LÊ VĂN TÂN *Nguyên Bí thư Đảng ủy*

BAN BIÊN SOẠN

LÊ BÁ THIỆU - *Đảng viên*
NGUYỄN VĂN LÂM - *Cử nhân Lịch sử*

LỜI NÓI ĐẦU

Trải qua quá trình lịch sử, xã Sơn Trà đã có những thay đổi về tên gọi, địa giới hành chính. Từ xa xưa, vùng đất này thuộc "Trại Đầu" (làng ở Trại Đầu - Sơn Long do quá trình mở rộng địa bàn của các hộ dân theo cha con Trạng nguyên Sử Hy Nhan và Sử Đức Huy về khai hoang lập nên). Về sau đất đai khai khẩn ngày càng rộng, cư dân ngày càng đông, năm Cảnh Hưng thứ 37 (1776) nơi đây được gọi là làng Liệt Đồn, đến năm Tự Đức thứ 21 (1868) đổi thành xã Đôn Mỹ, rồi Mỹ Long, đến 1954, xã Mỹ Long chia thành 2 xã Sơn Long và Sơn Trà. Tên gọi Sơn Trà có từ đó cho đến nay.

Từ ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930), dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân làng Đôn Mỹ đã thành lập tổ chức nông hội, nhằm thu hút những phần tử tích cực rèn luyện. Qua thử thách trong gian khổ đấu tranh, tháng 12-1930, một số hội viên được kết nạp vào Đảng và chi bộ Đôn Mỹ cũng được thành lập. Có chi bộ lãnh đạo như tiếp thêm sức mạnh, nhân dân Đôn Mỹ cùng nhau đoàn kết đấu tranh, đánh đổ chế độ thực dân phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân. Sau cách mạng tháng Tám thành công, để củng cố tổ chức, bảo vệ chính quyền, ngày 3-2-1946 chi bộ liên xã Đôn Mỹ - Dỹ Long

được thành lập, đến đầu tháng 3-1960 được tổ chức lại thành Đảng bộ. Đó là những sự kiện đánh dấu sự phát triển của tổ chức Đảng, là nhân tố quan trọng quyết định việc tổ chức, lãnh đạo quần chúng nhân dân tham gia góp phần vào thắng lợi của 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Bước vào thời kỳ đổi mới, nhân dân Sơn Trà tiếp tục phát huy truyền thống cần cù, năng động, sáng tạo trong lao động sản xuất; cùng nhau đoàn kết xây dựng quê hương ngày một ấm no, hạnh phúc. Những năm gần đây, cùng với sự phát triển chung của tỉnh, xã Sơn Trà đang có những bước chuyển quan trọng: Chính trị ổn định, kinh tế - xã hội đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, an ninh - quốc phòng được giữ vững, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ không ngừng được nâng cao.

Để gìn giữ, tôn vinh và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của quê hương, thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28-8-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và chủ trương của Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Huyện ủy Hương Sơn về việc đẩy mạnh nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng bộ địa phương và thể theo nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, Ban Chấp hành Đảng bộ xã chỉ đạo biên soạn cuốn "Lịch sử Đảng bộ xã Sơn Trà (1930 - 2015)".

Ban Chấp hành Đảng bộ xã xin chân thành cảm ơn sự chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy Hương Sơn, sự giúp đỡ của các bậc lão thành cách mạng, của cán bộ, đảng viên

cùng đại diện các tầng lớp nhân dân đã tham gia đóng góp ý kiến vào bản thảo, cung cấp thông tin tư liệu để chúng tôi hoàn thành cuốn sách. Chúng tôi xem việc xuất bản và ra mắt cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ xã Sơn Trà (1930 - 2015)" là thắng lợi lớn của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc xã nhằm đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân trong xã và con em Sơn Trà khắp mọi miền đất nước, qua đó tiếp tục bồi đắp, giáo dục tinh thần yêu quê hương, nâng cao ý thức trách nhiệm cho các thế hệ cán bộ, đảng viên nói riêng và nhân dân Sơn Trà nói chung để không ngừng phát huy truyền thống, chung tay góp sức xây dựng xã Sơn Trà ngày càng giàu mạnh, văn minh.

Sau một thời gian dài sưu tầm, nghiên cứu tài liệu và tổ chức biên soạn, hội thảo, cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ xã Sơn Trà (1930 - 2015)" đã liên tục được bổ sung, thẩm định tính chính xác của các sự kiện, nhân vật lịch sử. Tuy nhiên, không tránh khỏi một số hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi mong bạn đọc đóng góp ý kiến, để cuốn sách ngày càng được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ SƠN TRÀ

MỞ ĐẦU

KHÁI QUÁT VỀ VÙNG ĐẤT - CON NGƯỜI XÃ SƠN TRÀ

I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý, địa hình

Xã Sơn Trà nằm ở phía Đông huyện Hương Sơn, Phía Bắc giáp xã Sơn Hà, phía Nam giáp xã Ân Phú (Vũ Quang), phía Tây giáp xã Sơn Bình, phía Đông giáp xã Sơn Long.

Sơn Trà là xã thuộc vùng 1 huyện Hương Sơn, có địa hình đồi núi thấp, đỉnh núi cao nhất là núi Mồng Gà (350m) nằm trong dãy núi Đại Hàm chạy từ Nầm đến xã Sơn Trà và giáp với núi Mồng Ác của xã Ân Phú. Dãy Mồng Gà là nơi có "Giếng Thần", "Động Tiên", "Bàn chân Thần" và chuyện con Nguộc (Ngọc)... làm cho địa danh Mồng Gà thêm linh thiêng. Ngoài ra, còn có những ngọn núi thấp, có cư dân sinh sống: rú Pheo, rú Cựa Háp, rú Con, rú Dóoc, rú Lái, rú Miệu, rú Làng Bạc, rú Cọi, rú Hương. Đặc điểm

tự nhiên của hệ núi Sơn Trà là đá Garanit. Đất đai ở sườn núi chủ yếu là đá ong, sét nặng, vùng đồng bằng là đất pha cát và đất đỏ ba gian.

Nhìn tổng thể phía sau xã là đồi núi Mồng Gà, ở giữa là những cụm dân cư ở trên đồi núi thấp xen lẫn với ruộng đồng, tiếp đó là những cánh đồng trải rộng đến tận Hói Vàng - Mò O, đi trở ngược hơn 1 km là Vũng Díu, Bàu Thai.

Xã Sơn Trà có diện tích tự nhiên là 711,12 ha, trong đó có 512,21 ha đất nông nghiệp, diện tích đất phi nông nghiệp 155,29 ha, đất chưa sử dụng 43,63 ha. Dân số có 803 hộ, 3.070 nhân khẩu.

Sơn Trà không có sông, chỉ có hói bàu nhỏ là nơi dự trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Toàn xã có 7 hói, bàu: Cây Sắn, Nhà U, bàu Cóc, bàu Đá, Rú Cầu, Hói Vàng (là nơi phân chia địa giới cánh đồng của Sơn Trà và Sơn Tân), bàu Thai (là nhánh sông Ngàn Phố qua cầu Cửa Khâu, đoạn chảy qua Sơn Bình, Sơn Hà gọi là bàu Hàn, đoạn kéo dài do lâu ngày bị bồi đắp ngắt quãng gọi là bàu Thai trên đất Sơn Trà). Phần đồng ruộng thấp trũng, bậc thang xen giữa các đồi, chủ yếu đất thịt nhẹ; cánh đồng Nhà U, Nhà Sở, có đất sét nặng; vùng Đàng Vại, vùng 4, Cồn Chăm, Đồng Cụt có ruộng đất pha cát.

Nguồn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp chủ yếu lấy từ trạm bơm bàu Thai, bàu Cóc.

Xã có Quốc lộ 8A đi qua, với chiều dài 2,7 km - con đường nối Việt Nam và nước bạn Lào. Chính nhờ có Quốc

lộ 8A chạy qua xã nhà mà kinh tế, văn hóa, và tầm nhìn của nhân dân được nâng cao. Cùng với hệ thống đường liên xã dài 6,7 km, đường liên thôn dài 6,4 km rất thuận lợi cho nhân dân đi lại và phát triển kinh tế.

2. Khí hậu, thời tiết

Sơn Trà nói riêng và Hương Sơn nói chung đều chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm quanh năm, sự phân biệt 4 mùa khá rõ rệt. Tuy nhiên, do đặc điểm địa lý, địa hình nên khí hậu ở Sơn Trà cũng có những đặc thù riêng, hình thành một vùng tiểu khí hậu phía Bắc sông Ngàn Sâu. Mùa xuân tháng giêng trời vẫn còn rét, mùa hạ tháng năm có gió nồm rất nóng gắt, mùa Thu tháng tám thường có mưa to, gió mạnh, nước lũ dâng ngập, mùa đông tháng mười, thường rét buốt hơn so với các vùng khác. Đặc biệt, Sơn Trà nằm trong vùng chịu ảnh hưởng của những mùa mưa, lưu lượng mưa hàng năm phân bố không đều, hạn hán và lũ lụt thường hay xảy ra. Từ đặc điểm khí hậu đó, nhân dân trong vùng đã có nhiều kinh nghiệm trong cơ cấu mùa vụ, thực hiện nghiêm túc lịch thời vụ, nuôi trồng những cây con thích nghi với thổ nhưỡng và khí hậu.

II. ĐẶC ĐIỂM VỀ KINH TẾ

Sơn Trà là xã thuần nông. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 diện tích nông nghiệp ở Đôn Mỹ là 275 ha (550 mẫu), bình quân đầu người hơn 4 sào ruộng đất (hơn 2.000m^2), số ruộng đất đó bị địa chủ chiếm tới 192,5 mẫu (35%), phú nông chiếm 55 mẫu (10%), ruộng công điểm chiếm 52 mẫu (10%), địa chủ ngoài xã chiếm 70 mẫu

(13%). Số còn lại 176 mẫu chiếm 32% là ruộng đất của đông đảo người nông dân trong xã, họ có nhà ở, có vườn tược, ruộng đất canh tác và trâu bò dụng cụ làm ăn.

Sơn Trà xưa có nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ rất nổi tiếng, sản phẩm tơ lụa được các vùng miền ưa chuộng (nghề này nay không còn). Nghề trồng mía kéo mật cũng là một nghề mà một thời sản phẩm của Sơn Trà cung cấp cho các xã vùng Đức Thọ, Thạch Hà, chợ Vinh (Nghệ An).

Hiện nay, hoạt động kinh tế chủ yếu của người dân Sơn Trà vẫn là sản xuất nông nghiệp, diện tích trồng lúa hàng năm là 162 ha, bà con đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, các giống lúa cũ được thay thế bằng các loại giống mới có năng suất và chất lượng cao hơn. Bên cạnh đó, trồng màu và chăn nuôi đã trở thành thế mạnh của Sơn Trà, hàng năm đậu, lạc, ngô được trồng khoảng 62 ha, trong đó lạc (21 ha), ngô (39 ha), còn lại trồng khoai lang; chăn nuôi: trâu, bò, lợn, gà, hươu ngày một phát triển. Theo thống kê của xã vào năm 2015, đàn trâu, bò 845 con, lợn 1.465 con, hươu 261 con, thỏ 2.000 con, gia cầm 17.000 con.

III. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH DÂN CƯ, LÀNG XÓM

1. Sự trình hình thành dân cư

Theo sử sách ghi lại khi quân Minh chiếm đóng nước ta (1407) hai cha con Trạng Sử, người cha là Sử Hy Nhan đậu Trạng nguyên năm 1363 và người con là Sử Đức Huy đậu Trạng nguyên năm 1381, người làng Bình Lãng Thượng,

huyện Phỉ Lộc (nay là xã Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh) đã không chịu cộng tác với tướng giặc Minh và bảo với mọi người ở quê: "Muốn sống thì lên núi mà ở, muốn chết thì làm đầy tớ người Minh", rồi cùng gia nhân (32 hộ) chạy trốn lên đất Đỗ Gia dựng trại ở ẩn dưới chân núi Mồng Gà lập thành ấp Trại Đầu (xã Sơn Long ngày nay). Ấp Trại Đầu dần được mở rộng và phát triển về hai phía chân núi Mồng Gà lập thành các làng. Dựa theo sổ sách mà quan Hàn Lâm Đại Chiếu Lê Học Cung, tức cụ Hàn Thăng và sổ sách của quan Chánh tổng Lê Thỉ thì đến năm 1776 dưới Triều vua Lê Hiển Tông, xã có tên gọi mới là xã Liệt Đồn. Đến năm 1868 (năm Tự Đức thứ 21) xã Liệt Đồn được đổi tên là xã Đôn Mỹ, gồm các làng: Đông, Đoài, Hoa, Giáp, Ất, Nguyệt. Khi các cụ làng Đôn Mỹ di dời xây dựng xong Đền Cả ở địa điểm mới, địa điểm đền hiện nay..

Lịch sử các dòng họ đến định cư ở Đôn Mỹ, đó là dòng họ Lê Hầu, Lê Quận Công, họ Phạm, họ Nguyễn, họ Phan, họ Đoàn, họ Thái… các dòng họ đều ở các nơi khác hoặc từ Long Ốc, Sủng Ốc, hoặc Bình Mỹ (Sơn Châu, Sơn Hà, Sơn Bình), Tùng Ảnh (Đức Thọ).

Để quản lý chặt chẽ dân cư ở các làng, quan làng ở xã lại phân chia các làng theo xóm đặt tên từng xóm theo một địa danh vùng đất ở nơi đó nên Đôn Mỹ thời xưa có 11 xóm: Pheo, Thai, Hiu, Cùa (Kim Lân Cù Sơn), Loan (Phi Loan Sơn), Hội, Hương, Trè, Ri, Đu (xóm Hầu) và Tràng. Dựa theo sổ sách của một số người cao tuổi trong xã, dân số xã Đôn Mỹ vào năm 1930 khoảng trên 1.000 người, năm 1936 là 1.200 người, năm 1945 là 1.400 - 1.500 người. Năm

1949, xã Đôn Mỹ và Dỹ Long hợp thành xã Mỹ Long, đến tháng 9-1954 chia thành xã Sơn Long và Sơn Trà. Ngày 12-6-2012, từ 10 thôn sát nhập thành 5 thôn, được gọi theo số tự nhiên, từ thôn 1 đến thôn 5. Đến năm 2015, dân số xã là 3.070 người[1].

2. Các di tích lịch sử - văn hóa

Xã Đôn Mỹ xưa (xã Sơn Trà ngày nay) không có giáo dân. Người dân nơi đây chịu ảnh hưởng về tư tưởng Nho giáo, nếp sống văn hoá người Đôn Mỹ xưa dựa vào sự tôn kính thần linh, việc lễ tế Đền Cả ngày xưa có phần lễ tế thần núi Kê Quan Sơn và tế tại đình làng. Đình làng - một biểu tượng gắn bó chứng tích không gian văn hóa làng, Đình làng Đôn Mỹ xã Sơn Trà trải qua các thời kỳ lịch sử, là nơi tụ họp và thực hiện những quy định gọi là lệ làng, nơi diễn ra các lễ hội làng.

Làng Đôn Mỹ xưa kia rất nghèo, nhưng làng đã xây dựng một ngôi Đình to đẹp nằm ở vị trí gần như trung tâm làng thuộc mé đồi Long Hội Sơn. Trong Đình, hạ kẻ được chạm trổ rất tinh vi, cột đình to cao bằng gỗ lim, phía thượng điện được sơn son thếp vàng, vẽ rồng chầu trên ván gỗ ghép kín, nơi cất giữ những gương sắc vua ban qua các triều đại. Không gian đình rộng, thoáng, có bàn tế bằng gỗ lim. Trước cổng đình có cây bàng to che phủ sân đình. Phía ngoài cổng đình còn có cây đa mà ở cội cây ba bốn người dang tay ôm không xuể. Phía trái đình có miếu thờ và xa hơn có đền thờ quan Hầu đại vương Lê Hữu Dung, phía

(1) Số liệu năm 2015.

sau đình là khu dân cư làng Bàu.

Dựa theo niên biểu ghi ở hạ đình thì Đình làng Đôn Mỹ được hoàn thành vào năm 1896 - đời vua Thành Thái thứ 8.

Ngày xưa để có tiền xây dựng Đình làng và các công trình khác trong địa phương, Hội đồng kỳ mục[1] làng Đôn Mỹ chủ trương thu hoa lợi ruộng đất (52 mẫu) và thu qua bán ngôi, trong làng ai mua ngôi được làng miễn trừ phu phen, không phải đi tuần phiên canh gác. Người nào mua ngôi nhiều tiền được làng cho ngồi mâm trên mỗi khi làng tế và ngôi hậu khi chết được làng thờ cúng.

Đình làng Đôn Mỹ, nơi chứng kiến bao biến cố lịch sử trong làng. Đầu năm 1930 tổ chức tự vệ đỏ (36 người) và nông hội đỏ (60 hội viên)[2] được thành lập và hoạt động tại Đình làng. Thông qua các cuộc họp bàn ở Đình làng, tổ chức nông hội đỏ đã chia 52 mẫu ruộng công cho dân cày và chia một số lúa tịch thu của người giàu trong làng cho các hộ dân nghèo. Người nông dân nghèo làng Đôn Mỹ trong cao trào Xô Viết đã được chia ruộng, ban ngày họ chăm lo sản xuất đồng ruộng, ban đêm về tại Đình làng tham gia sinh hoạt nông hội thật là vui và ấm cúng.

Cũng từ đầu năm 1930, Hội đồng kỳ mục làng Đôn Mỹ biết không thể chống lại trào lưu cách mạng đã phải nằm im, chúng ngầm móc nối với quan Tây đồn Tứ Mỹ chờ đợi

(1) Hội đồng kỳ mục gồm những người quan lại có chức vụ cao đang làm việc hay đã về hưu người trong làng và hào lý đương chức trong làng.

(2) Lịch sử Đảng bộ huyện Hương Sơn Tập 1, trang 36.

thời cơ chống lại cách mạng. Quan Tây đồn Tứ Mỹ cho lính về tại Đình làng hăm doạ những ai tham gia hoạt động cộng sản. Ngày 18-6-1930, 15 lính Tây Đồn Tứ Mỹ về tại Đình làng rồi đi thẳng tới nhà ông Thái Sua ở xóm Hầu châm lửa đốt nhà với lý do nhà ông để cho tổ chức cộng sản Đôn Mỹ họp bàn chống lại chính quyền. Đám cháy cùng một lúc thiêu trụi 62 nóc nhà của dân quanh đó, hơn 200 nhân khẩu do nạn cháy gây ra lâm vào cảnh sống màn trời chiếu đất. Mặt khác, quan Tây đồn Tứ Mỹ cùng với bọn tay sai bắt bớ nhiều người đưa về Đình làng tra khảo mà chúng gọi là những người tham gia hoạt động cộng sản. Trong số người bị bắt trong cao trào cách mạng 1930-1931 ở làng Đôn Mỹ có ông Lê Lương, Lê Thơi bị kẻ địch tra tấn đến khi chết mà không khai một lời nào về tổ chức Chi bộ cộng sản Đôn Mỹ (hiện mộ ông Lê Lương được cải táng tại Nghĩa trang Liệt sỹ Nầm), ông Thái Mợi bị kẻ địch đem đi giam cầm ở nhà tù Ban Mê Thuột - Đắc Lắc, kẻ địch cũng bắt nhiều người trong đội tự vệ đỏ giam cầm tại nhà tù ở thị xã Hà Tĩnh những năm 1930-1931.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Đình làng Đôn Mỹ vừa là trụ sở làm việc của Uỷ ban cách mạng, vừa là nơi mở các lớp bình dân học vụ, lớp học ban ngày, lớp học ban đêm, nhanh chóng thanh toán nạn mù chữ cho dân và cả những lớp vỡ lòng còn gọi là lớp vỡ dạ.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc, Đình làng Đôn Mỹ là địa danh chứng kiến sự tiễn đưa của 581 người con của làng gia nhập quân đội. Đầu tiên là trung đội du kích làng gia nhập Vệ quốc đoàn

vào năm 1947. Trong đội du kích có số người gia nhập trung đoàn 57 do đồng chí Lê Khánh Khang (người Sơn Lễ) làm trung đoàn trưởng. Trong đội du kích hồi năm 1947 có 3 người tham gia chiến đấu trận Điện Biên Phủ (1 người hy sinh ở trận đánh đồi Him Lam đó là đồng chí Hồ Thụ). Đình làng Đôn Mỹ cũng là nơi tập trung tiễn đưa 362 người đi dân công hoả tuyến, 25 người đi thanh niên xung phong. Trong kháng chiến từ các mặt trận gửi về qua Đình làng, nơi làm việc của Uỷ ban kháng chiến hành chính xã sau là Ủy ban hành chính rồi Ủy ban nhân dân, những tin vui mà con em trong làng lập công và những tin dữ lần lượt có 98 người hy sinh tại các mặt trận trong nước và nước ngoài.

Tháng 3-1960, Đình làng Đôn Mỹ là nơi chứng kiến sự ra đời Đảng bộ Sơn Trà với hơn 144 đảng viên.

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử theo dòng chảy thời gian, Đình làng Đôn Mỹ là địa danh ẩn chứa bao câu chuyện xẩy ra với làng từ chuyện vui, chuyện buồn, chuyện đã làm được và những chủ trương của Đảng bộ đã và đang làm trong quá trình xây dựng và phát triển xóm làng đi tới ấm no hạnh phúc cho người dân. Đình làng Đôn Mỹ quả là một biểu tượng truyền thống mang tính cộng đồng, bởi tại Đình làng luôn luôn nhộn nhịp, đông người. Từ năm 2000 trở đi Ủy ban nhân dân xã Sơn Trà chuyển dời nơi làm việc tại trụ sở mới (cạnh Đền Cả), trả lại Đình làng Đôn Mỹ cho dân làng.

Đền Cả thuộc xã Sơn Trà - huyện Hương Sơn, còn có tên gọi là Điện Kim Sơn, cách ngã ba Nầm khoảng 3 km về

phía Đông, gần Quốc lộ 8A. Đền được xây dựng trên một khu đất rộng dưới chân núi Mồng Gà.

Đền Cả có cấu trúc khép kín gồm nhà thượng điện, trung điện và hạ điện. Các tòa nhà được xây dựng trong những thời điểm lịch sử khác nhau. Ngôi nhà hạ điện được chạm trổ rất tinh vi, thể hiện phong cách độc đáo kiến trúc nghệ thuật thời Hậu Lê. Hai bên nhà trung điện có tượng hộ pháp uy nghi, trước đền có đôi voi chầu rồi miếu thờ và xa là cổng đền. Trong đền còn lưu giữ chừng 20 hiện vật các loại và nhiều đồ thờ cúng.

Dựa theo hồ sơ di tích, đền thờ Đức Thánh Cả ở Sơn Trà ghi nhớ công lao của những người đã tiên phong mở cõi đánh giặc ngoại xâm, giữ yên sự hưng thịnh thái bình cho muôn dân trăm họ. Đền thờ các vị thần: Kê Quan Sơn, Trà Sơn công chúa, Đệ tam Thánh mẫu, Mạo Sơn, Kim Quy Sơn, Kiều sơn, Cao Sơn, Cao Các, danh tướng Lê Hữu Dung, cha con Cao Hữu Sơn. Lễ hội Đền Cả được tổ chức vào ngày 15-6 âm lịch hàng năm. Trước cách mạng tháng Tám 1945, cứ mỗi lần đến ngày lễ hội là nhân dân trong Tổng Dỹ Ốc cùng các xã lân cận về dự rất đông.

Từ xa xưa ở chung quanh đền có nhiều cây cổ thụ, gồm nhiều loại cây gỗ quý, cây dó trầm, các loại cây dùng làm dược liệu, hương liệu, lá nón … và có nhiều loài chim, kể cả chim công. Người dân trong vùng mỗi khi ốm đau đều đến bái tạ thần rồi hái lá cây quanh đền về làm thuốc chữa bệnh, trong quá khứ đã có rất nhiều người chữa khỏi bệnh nên người dân trong vùng cho là thần ở đền rất linh thiêng.

Theo tư liệu lịch sử thì vào cuối năm 1885, Đền Cả là một địa điểm trú quân của nghĩa quân Phan Đình Phùng (các ngã vào đền rất hiểm trở) bởi khi đó, cụ Phan chủ trương cho binh lính lui quân về chân núi Mồng Gà để bảo toàn lực lượng. Đền Cả cũng là nơi tập luyện của đội Tự vệ đỏ (36 người) và tổ chức Nông hội đỏ (60 hội viên) trong thời kỳ diễn ra cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930-1931.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đền Cả cũng có lúc là nơi tập kết lương thực, vũ khí, vận chuyển sang nước bạn Lào. Máy bay Mỹ có một số lần thả pháo sáng thăm dò khu vực đền và ném bom xuống một vị trí gần đền như đêm 17-8-1968.

Đền Cả đã có 2 lần trùng tu, tôn tạo vào năm 1900 và 2005. Năm 1926, Ban lễ nghi đền tổ chức rước 14 đạo sắc vua ban. Ngày 20-01-2006, Đền Cả được UBND tỉnh Hà Tĩnh xếp hạng Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh.

Đền Cả là niềm tự hào của người dân Đôn Mỹ xưa, người dân Sơn Trà ngày nay.

3. Tín ngưỡng, phong tục tập quán, lễ hội

Về tín ngưỡng: Vốn là một vùng quê thuần nông, chủ yếu gắn với sản xuất nông nghiệp lúa nước, Sơn Trà tồn tại chủ yếu loại hình tín ngưỡng và thờ cúng gia tiên. Để tỏ lòng biết ơn, làm tròn đạo hiếu với ông bà tổ tiên, những người đã khuất, hầu hết các gia đình đều lập bàn thờ gia tiên. Các dòng họ thì thờ thuỷ tổ. Vào dịp tết, giỗ tổ, ngày rằm tháng giêng, rằm tháng bảy hàng năm, con

cháu từ mọi miền Tổ quốc đều về tham dự. Bên cạnh việc thờ cúng tổ tiên, nhân dân Sơn Trà còn thờ thổ công - vị thần trông coi gia cư, định đoạt phúc họa cho gia đình. Thổ thần còn gọi là gia thần - không phải là tổ tiên, gồm thổ công, thổ kì. Thờ gia thần trong gia đình thực chất là thờ trời đất, nên một số gia đình có dựng trước sân hay trong vườn một cây hương thờ. Song đa số nhân dân chỉ quen gọi là thổ công và chỉ nhớ có thổ công, trong thổ công bao hàm cả thổ địa, thổ kì và cả thần bếp (táo quân). Tục thờ thần thành hoàng làng được phổ biến từ xưa tại Sơn Trà - thờ vị thần có công lớn với dân. Thổ công là thần trông coi không gian bao quanh gia đình. Thờ thần Thổ địa là thần long mạch. Thổ kì là thần trông coi việc trồng trọt, chăn nuôi, chợ búa.

Gắn liền với tín ngưỡng là phong tục tập quán. Về Phong tục cưới hỏi. Thời phong kiến, việc dựng vợ gả chồng không được tự do tìm hiểu mà theo kiểu "*cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy*". Thường thì "*nữ thập tam, nam thập lục*" thì bố mẹ bắt đầu tìm mai mối, thậm chí có người chưa sinh con nhưng hai bên gia đình đã ngầm hôn ước. Phần lớn trong những gia đình khá giả, đám cưới mới được tiến hành đúng thủ tục như: Bắn tin làm mối, định ngày ăn hỏi, nạp lễ, xin cưới, nạp cheo, lễ cưới, lễ lại mặt.

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, nhất là từ khi có Luật Hôn nhân và Gia đình, nhân dân Sơn Trà tích cực xây dựng đời sống mới, các tục như cheo làng và quan niệm "*bố mẹ đặt đâu*

con ngồi đấy" không còn phù hợp với nếp sống văn hoá mới. Những đôi trai gái đến tuổi dựng vợ gả chồng được tự do tìm hiểu và cha mẹ chỉ góp ý, tác thành cho họ. Khi hai bên cha mẹ đồng ý, thường có lệ: Dạm ngõ, ăn hỏi, nạp tài và lễ cưới.

Về tang lễ: Sơn Trà nói riêng và người dân trong vùng nói chung nếu trong gia đình chẳng may có người qua đời thì thực hiện đầy đủ các bước như trong sách *Thọ mai gia lễ* ghi: Lễ khâm lượm, lễ nhập quan, lễ thiết linh, lễ thành phục, lễ cúng cơm, lễ tế thổ công, lễ tập đòn, lễ đưa tang, lễ hạ huyệt, lễ thành phần, lễ chầu tổ, lễ tế ngu, lễ ba ngày, lễ 50 ngày, lễ 100 ngày…"*Hữu quan trọng quan, vô quan trọng lão*", "*Kính lão đắc thọ*"… là những nguyên tắc xử thế trong phong tục trọng lão truyền thống của người dân Sơn Trà.

Về mừng thọ: Trong gia đình, họ tộc có người thọ từ 60 tuổi trở lên cứ 5 năm một lần vào dịp lễ Tết hoặc ra tháng Giêng, con cháu, họ hàng từ khắp nơi hội tụ về tổ chức mừng thọ. Ngày nay, phong tục trọng lão vẫn được người dân Sơn Trà duy trì nhưng thường là từ tuổi 70. Vào những ngày đầu năm, xã quy định Yến lão, cứ mỗi độ Tết đến xuân về, cấp ủy, chính quyền đều tổ chức mừng lão cho các cụ tại nhà văn hóa thôn.

Về lễ tết: Cùng chung nền văn hoá với cộng đồng người Việt, vào những ngày lễ tết hàng năm được người dân tổ chức và chuẩn bị rất chu đáo. Vào dịp tết Nguyên Đán hằng năm, dù đi đâu, làm gì vào dịp này con cháu, thành

viên trong gia đình cũng đều về sum họp đầy đủ. Những gia đình khá giả thì tổ chức ăn tết đến hết rằm tháng giêng (15-1 âm lịch - tết Thượng Nguyên), còn những gia đình nghèo thì cũng tổ chức ăn đủ ba ngày tết, sau đó là những ngày ăn chơi, mừng tuổi đến sau ngày mồng 5 hoặc mồng 10 mới bắt đầu làm việc.

Sau tết Nguyên Đán là tết Thượng Nguyên hay còn gọi là rằm Tháng Giêng (15-1 âm lịch), nhân dân thường có câu ca: "*Cả năm được rằm tháng bảy, cả thảy được rằm tháng giêng*", thường các con cháu có gia đình ở xa, không về quê trong dịp Tết Nguyên Đán thì Rằm tháng Giêng nhất định sẽ về cúng tổ tiên. Sau tết Thượng Nguyên là tết Thanh Minh (3-3 âm lịch), ngày trước vào tết Thanh Minh con cháu các dòng họ thường tập trung đông đủ để tổ chức đi tảo mộ, sau này thời gian tảo mộ thường được các dòng họ chuyển đến trước tết Nguyên đán. Tết Đoan Ngọ (5-5 âm lịch), còn có tên khác là tết Đoan Dương dân gian thường gọi là "tết mồng năm", "tết diệt sâu bọ". Con trai, con gái có nhà riêng thì về nhà tết cha mẹ, học trò thì tết thầy, bệnh nhân thì tết thầy thuốc… lễ vật tuỳ vào khả năng, lòng thành của mỗi người. Vào dịp tết Trung Nguyên (15-7 âm lịch) hầu hết các dòng họ thờ Thuỷ tổ thường tổ chức tế lễ, dân làng thường cúng chúng sinh xá tội vong nhân cho những linh hồn không nơi nương tựa. Vào ngày tết Trung thu (15-8 âm lịch) hàng năm, chính quyền, đoàn thể và nhân dân thường tổ chức vui trung thu cho các cháu thiếu niên nhi đồng. Từ

sau Cách mạng tháng Tám, vào dịp 2-9, ở Sơn Trà còn tổ chức cho nhân dân vui tết Độc lập mừng ngày Quốc khánh của đất nước.

Lễ hội: Trước đây vào dịp đầu năm nhân dân tổ chức vui tết rất nhộn nhịp. Các trò chơi dân gian như: đánh đu, cờ người, cờ thẻ, kéo co, leo cột chuối, đi cầu tre... Trong năm vào các ngày (7-1 âm lịch) nhân dân làm lễ khai hạ và hạ điền (5-5 âm lịch) để cầu mong làm ăn yên ổn, mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, nhà nông phát tài.

Các truyền thống khác: Sơn Trà là một xã vốn có truyền thống tương thân, tương ái. Tinh thần "Lá lành đùm lá rách" được thực hiện thông qua các phong trào do Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát động: Hũ gạo kháng chiến, công trái quốc gia, giúp đỡ tận tình các gia đình có người ốm đau, bệnh tật già yếu, người qua đời…

Ngoài việc biết ơn tổ tiên thì việc tôn trọng người già, yêu thương con trẻ, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ là một phẩm chất đáng quý của các thế hệ con cháu.

IV. TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ

1. Truyền thống cần cù trong lao động, sản xuất

Sơn Trà vốn là một địa phương "chưa nắng đã hạn, chưa mưa đã lụt", chính thời tiết khí hậu nơi đây có phần khắc nghiệt, để thích nghi với điều kiện đó, người dân nơi đây đã hình thành tính cần cũ, nhẫn nại trong lao động, sản xuất. Ngoài thâm canh cây lúa, người dân Sơn Trà

còn trồng nhiều chuối, cam, bưởi, mít và nhiều loại cây đặc sản khác có giá trị về kinh tế như cây chè. Từ đó đến nay, vườn cho một nguồn thu nhập quan trọng của các hộ nông dân.

Trải qua các thế hệ, người dân Sơn Trà đã luôn đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, biến đồng đất khô cằn, hoang hóa hoang thành ruộng đất cày cấy, đất cằn cối trở thành phì nhiêu. Mạnh dạn, táo bạo trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển thêm nhiều mô hình trang, gia trại tạo nên hoa thơm trái ngọt, bốn mùa xanh tốt, trĩu quả là những thành quả đã nói lên phần nào quá trình lao động của họ.

Ngày nay, truyền thống lao động, sản xuất không ngừng được bồi đắp để nhân dân Sơn Trà bền bỉ vươn lên tạo dựng cuộc sống mà là làm giàu quê hương.

2. Truyền thống hiếu học

Đôn Mỹ xưa là vùng đất hiếu học, từng có nhiều người đỗ đạt cao làm quan đến bậc Đại thần. Thời kỳ vua Lê Y Tông, Lê Hiển Tông (1735-1796) có cụ Lê Đình Quỳ được nhà vua cử đi sứ tại Trung Quốc, Lê Quận Công (Hồng Sơn Quận Thượng) và một người được phong tước hầu: Hậu Tham Nghị thừa Chánh Sứ Lê Hữu Dung và một người vốn là học trò trường Quốc Tử Giám, ông Thái Doãn Chí.

Đời Nguyễn, có Cử nhân Phan Văn Tuyển (khoa thi Canh Ngọ-1894), làm quan Huấn Đạo; Nguyễn Đình Liên

(khoa thi Canh Tý-1900), được bổ làm quan ở Thanh Hoá. Có nhiều tú tài Nho học: Ông Lê Khắc Cẩn (khoa thi Giáp Ngọ-1834), Lê Khắc Nhượng (khoa thi Tân Dậu-1861), Lê Học Cung (Hàn Lâm Đại Chiêu Lê Học Cung - còn gọi là Lê Doãn Thăng). Thời Tân học 40 người đỗ Tiểu học, có 2 người vào học ở trường Y sĩ Đông Dương, đó là Bác sỹ Lê Kiệu (sinh 1905), từng làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thanh Hóa (1948-1951), sau đó vào miền Nam, rồi sang Pháp và Y sĩ Lê Duệ, sau 1945 làm việc ở bệnh viện tỉnh Thanh Hóa, sau đó vào miền Nam.

Sau 1945, xã mở 3 - 4 lớp tại đình làng để xóa mù chữ cho nhân dân trong vùng. Đến 1947, xã mở trường cấp 1, rồi đến 1959 lại có trường cấp 2. Đến nay, xã đã có 2 cấp học: mầm non, tiểu học.

Hiện nay, có hàng trăm con em xã Sơn Trà đã và đang theo học các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Có nhiều người có học vấn cao như: Giáo sư Lê Phong Sừ (Phong Lê) - nguyên Viện trưởng Viện Văn học Việt Nam và Tiến sĩ Phạm Xuân Quý (ngành Lâm sinh), hiện công tác tại trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh; Tiến sĩ Lê Sanh; Tiến sĩ Đoàn Tuấn; Thiếu tướng Nguyễn Khắc Ngọ - Nguyên Phó Cục trưởng Cục Tuyên huấn, Tổng Cục Chính trị, Bộ Quốc phòng.

3. Truyền thống yêu nước

Kể từ lúc con người bắt đầu quần tụ nơi đây, người dân Đôn Mỹ đã thể hiện tinh thần yêu nước nồng nàn, ý

chí đấu tranh bất khuất chống lại sự áp bức và ngoại xâm. Trong phong trào Cần Vương (cuối thế kỷ XIX), Tôn Thất Thuyết đã hộ giá vua Hàm Nghi xuất bôn, hạ chiếu Cần Vương, kêu gọi sĩ phu, văn thân, hào mục đứng lên giúp vua cứu nước.

Xã Đôn Mỹ do vị trí địa lý không cách xa lưu vực sông Ngàn Phố, Ngàn Sâu, bến Tam Soa và huyện Đức Thọ. Do đó, Đôn Mỹ chịu ảnh hưởng trực tiếp những biến động xã hội trong vùng, những trận chiến chống Pháp trước năm 1900. Ví như trận phục kích của nghĩa quân cụ Phan Cát Xu tại bến đò Long Ốc. Cụ Phan Cát Xu người làng Đông Thái (Đức Thọ) phò vua Hàm Nghi năm 1886.

Tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương là cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885-1896) do cụ Phan Đình Phùng (làng Đông Thái - Đức Thọ) và Cao Thắng (Tuần Lễ - nay là Sơn Lễ - Hương Sơn) lãnh đạo. Lực lượng nghĩa quân đã giao tranh với binh lính Pháp nhiều trận trong vùng hạ Hương Sơn, Đức Thọ. Ở thời điểm đó đã có nhiều người dân Đôn Mỹ gia nhập nghĩa quân, đóng góp lương thực, thực phẩm cho cuộc khởi nghĩa của cụ Phan, ông Nguyễn Huy Giao người làng Đôn Mỹ chỉ huy hàng trăm dân binh và người trong làng gia nhập nghĩa quân, hết lòng phục vụ cuộc khởi nghĩa của cụ Phan. Và tinh thần quật khởi của cuộc khởi nghĩa này đã ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng chống Pháp của người dân Đôn Mỹ, người dân Dỹ Long.

Trong những năm đầu thế kỷ XX, các luồng tư tưởng yêu nước mới, đặc biệt là tư tưởng cách mạng vô sản đã

tiếp tục được truyền đến Đôn Mỹ. Người dân đã biết đến Cách mạng Tháng Mười ở nước Nga, biết đến Lênin, biết đến Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên do nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc thành lập và nhiều sự kiện chính trị trong nước, thế giới. Khi xu hướng cách mạng vô sản ngày càng thắng thế, những năm 1929-1930, ở Đôn Mỹ, mặc dù trình độ nhận thức của nhân dân còn nhiều hạn chế, nhưng đã có một số người sớm giác ngộ, tích cực hoạt động... Những người này về sau chính là những cán bộ cốt cán của quê hương trong phong trào cách mạng 1930-1931 và cuộc vận động đấu tranh giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám năm 1945.

Dưới sự cai trị của thực dân phong kiến, người dân nơi đây phải chịu cuộc sống cơ cực do sự bóc lột của địa chủ phong kiến và cả thực dân. Nạn sưu cao, thuế nặng và phu phen tạp dịch đã làm cho nhân dân lâm vào cảnh khổ cực, lầm than. Chúng đầu độc nhân dân về văn hóa, o ép về kinh tế, đặt ra nhiều thứ thuế, khoản phụ thu. Điển hình là thuế thân, loại thuế đánh vào công dân nam từ 18 tuổi đến 59 tuổi. Ngoài ra, thuế ruộng đất cũng bị đánh nặng. Về tô, người dân phải cống khoảng 50% thu hoạch cho chủ khi nhận ruộng của chúng phát canh. Nhà nghèo phải vay mượn tiền của địa chủ thì chịu phần lãi suất rất cao. Đến năm trả không hết, nợ lại thêm chồng chất, đời cha không trả thì đời con trả.

Sống trong bối cảnh xã hội như vậy, người dân Đôn Mỹ càng ấp ủ và hun đúc tinh thần đấu tranh, chờ khi có thời

cơ đến sẽ bùng lên. Sự xuất hiện của các hội yêu nước và tư tưởng mới trong huyện đã tạo điệu kiện cho nhân dân đứng lên đấu tranh đòi quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc.

Trải qua nhiều thế hệ, các giá trị văn hóa, văn minh đã lắng đọng, tích tụ trở thành những giá trị vô giá ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người dân trên vùng đất Sơn Trà. Truyền thống văn hóa, các phong tục tập quán tốt đẹp cùng đồng hành với Đảng bộ và nhân dân trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

CHƯƠNG I

CHI BỘ ĐÔN MỸ RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO CÁC PHONG TRÀO CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

I. NHÂN DÂN ĐÔN MỸ DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ CỦA PHONG KIẾN, THỰC DÂN

Sau khi đặt ách thống trị lên đất nước ta, thực dân Pháp đã thi hành chính sách cai trị hà khắc về mọi mặt.

***Về chính trị*:** Chúng thực hiện triệt để chính sách chia để trị: chia nước ta thành 3 kỳ: Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, từng bước thâu tóm mọi quyền lực, biến vua quan Nam triều thành bù nhìn, tay sai. Ở Hương Sơn lúc này, chúng dùng chính sách tàn bạo với hệ thống đồn bốt dày đặc như đồn Linh Cảm, đồn Phố Châu, đồn Voi Bổ,... chúng xây dựng nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng đặt ra bộ máy thống trị hoàn chỉnh từ Toàn quyền, vua quan triều đình đến tận xã xóm với đầy đủ các chức sắc, tăng cường quyền

kiểm soát, đàn áp các phong trào yêu nước của nhân dân ta. Vì vậy, đã làm mâu thuẫn giữa nhân dân với chính quyền phong kiến thực dân trở nên sâu sắc.

Năm 1931, chính quyền thống trị bỏ cấp phủ, huyện Hương Sơn trực thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Ở cấp huyện, đứng đầu là một viên quan huyện. Dưới có một lại mục, một lệ mục, 2 thừa phái thừa hành công vụ và 10 tên lính lệ. Về an ninh thì có bang bá, lục sự chuyên môn điều tra bắt bớ những người yêu nước. Trung gian là cấp tổng, đứng đầu là chánh tổng dùng triện công, phó tổng dùng triện tư. Cấp xã thì có lý trưởng, phó lý và ngũ hương (hương bộ, hương bản, hương kiểm, hương mục, hương dịch). Giúp việc cho hương lý có trương tuần, hương điếm, seo mõ canh gác điếm, tuần tra, thu sưu thuế, bắt phu, bắt lính, rao việc làng.

Dưới ách thống trị của nhà nước bảo hộ, người dân Đôn Mỹ bị tước đoạt mọi quyền lợi làm người, không được hưởng quyền tự do dân chủ, dân không được lập hội, báo chí bị kiểm duyệt gắt gao, phụ nữ không được bình đẳng với nam giới. Người phụ nữ bị phân biệt đối xử, không được bàn bạc việc nhà, việc họ, việc làng, không được ghi tên sổ làng, sổ họ, lấy chồng tuyệt đối phải gọi theo tên chồng, nghiêm cấm đến đình làng và đền thờ các vị anh hùng, người có công với quê hương đất nước.

Về kinh tế: Dưới chế độ thực dân phong kiến mỗi người đàn ông từ 18 - 59 tuổi phải đóng 2,5 đồng tiền thuế thân. Hào Lý địa phương thu thêm 1 đồng để làm lệ phí thù lao (1 đồng bạc Đông Dương đổi 8,5 quan tiền đồng và cứ 3 đồng bạc Đông Dương mua được 1 tạ gạo).

Vậy chi một người đàn ông phải đóng 3,5 đồng thuế thân. Nếu người đàn ông nào không nộp thuế hay không có tiền nộp thuế đều bị bọn hào lý, địa chủ kiêm quan làng đòi lên đình làng đánh đập hay bắt giam mà không có sự nhân nhượng, thương tiếc. Cực chẳng đã nhiều người nông dân buộc phải cầm cố hay bán ruộng vườn. Bởi vậy, mà dưới chế độ phong kiến đông đảo người dân không có ruộng cày.

Người nông dân chủ yếu là "trâu thuê, ruộng rẽ" vì phần lớn vườn tược, ruộng đất bị bọn địa chủ chiếm hữu. Bọn địa chủ phát canh thu tô, bóc lột thậm tệ người cày ruộng rẽ. Tỷ lệ địa tô chiếm 40-50% sản lượng. Ngoài địa tô chính, người dân cày ruộng rẽ còn bị bóc lột "Tô phụ" "Lao dịch" giúp chủ như đạp lúa, trục lúa, cuốc cỏ vườn, gánh đất, nhặt phân, đào ao v.v…

Số người nông dân không thuê được ruộng cày phải trực tiếp làm thuê cuốc mướn cho nhà địa chủ, hưởng thù lao công ngày rẻ mạt. Trong xã hội cũng có những người nông dân và con em họ được những gia đình giàu có thuê ở hàng năm lấy tiền thù lao một lần, gọi là con ở. Họ bị địa chủ đối xử như là một công cụ biết nói, không có quyền hành gì trong gia đình mà nhiều lúc còn bị mắng chửi, đòn roi, ăn uống cơm khoai xô bồ sống kham khổ thân người.

Người nông dân Đôn Mỹ xưa ngoài làm ruộng còn có một số gia đình làm thêm nghề phụ như trồng bông dệt vải, trồng dâu nuôi tằm, tơ tằm của người Đôn Mỹ được người Nam Kim (Nam Đàn ưa chuộng sang mua với giá cao hơn các địa phương khác), nghề làm thợ mộc và đặc

biệt là nghề trồng mía kẹo mật. Mật mía người Đôn Mỹ đem bán ra chợ Choi, Gôi, chợ Hạ, chợ Thượng và có khi xuôi thuyền ra Vinh bán.

Tuy vậy, các nghề nói trên, dưới chế độ cũ không được khuyến khích giúp đỡ phát triển, mà phải chịu thuế khoá nặng nề nên những người nông dân vừa làm ruộng, vừa làm nghề phụ cũng chẳng khá giả gì cho lắm, giá hàng nông sản lại rẻ mạt. Vậy nên gia cảnh họ cũng phải chịu thiếu thốn đói khổ.

Những chính sách của nhà nước thực dân phong kiến đã bao đời vẫn giữ thế độc canh về nông nghiệp, lệ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, kỹ thuật canh tác lạc hậu nên năng suất lúa chỉ đạt lúc cao nhất là 7 - 8 tạ thóc 1 ha + 1 vụ lúa. Khi người dân đau ốm không có thuốc, không có trạm xá điều trị vì thế người chết vì dịch bệnh, sốt rét, thương hàn xẩy ra liên miên. Trong làng xã không có trường học nên hầu hết người nông dân là những người mù chữ, cuộc sống tối tăm, mù mịt. Đã thế bọn hào lý và địa chủ quan làng còn phạt nặng những ai tự nấu rượu hay cất giữ rượu mình nấu cho dù có 1 chai (hay loong) rượu mà chúng cho đó là rượu lậu đều bị phạt rất nặng. Ví như ở xóm Ri có anh Lê Hiên chỉ vì có 1 chai rượu dấu kín trong nhà, bị Hào Lý bắt được phải chịu phạt tịch biên nhà cửa, lấy đi 3 sào ruộng, 2 con bò của gia đình vào tháng 6-1936. Ông Nguyễn Đình Cư cũng bị tịch thu nhà cửa, ruộng vườn chỉ vì có vài loong rượu tự nấu trong nhà.

Về xã hội: nạn cờ bạc, rượu chè, mê tín dị đoan, đồng bóng, bói toán rộ lên cùng với các hủ tục lạc hậu được

hương lý dung túng, khuyến khích. Hàng năm, nạn bắt lính, bắt phu diễn ra nhiều cảnh đau lòng. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa, chúng mở rộng việc xây dựng đồn điền, khai thác mỏ, mở rộng đường bộ, đường sắt, hải cảng, sân bay để chuyên chở tài nguyên về nước Pháp. Hàng trăm trai tráng ở xã Đôn Mỹ phải đi lính, đi phu khai khẩn đất hoang phục dịch chủ đồn điền Sông Con, Voi Bổ, Tân Ấp… làm đường ở Mường Xén miền tây Nghệ An, Thà Khẹt, Lạc Xao nước Lào. Một số trai tráng bị bắt, sung vào lính khố đỏ, lính thợ, bị đưa sang Pháp, sang châu Phi làm bia đỡ đạn ngoài mặt trận hoặc lao động khổ sai tại một số đồn điền, nhà máy của quân đội Pháp.

Tất cả những thủ đoạn bóc lột dã man của thực dân - phong kiến đã làm nhân dân sống điêu đứng, tối tăm, nghèo đói, nhiều người phải vào rừng núi đào củ mài, củ nâu để ăn, sống qua ngày đoạn tháng. Những người khai khẩn đất hoang làm ruộng rẫy sản xuất, đều bị chúng cướp đoạt vì theo chúng định đoạt hoang mạc là sở hữu của chính phủ bảo hộ. Hàng trăm người phải bỏ quê hương đi nơi khác, làm thuê cho địa chủ các tổng trong huyện Hương Sơn và huyện Đức Thọ, huyện Can Lộc. Trong xã hội có biết bao gia đình đói khổ phải bỏ làng đi ăn mày, ăn xin hay va vấp cờ bạc, rượu chè bê tha rồi trộm cướp. Năm nào cũng có người chết đói, chết dịch bệnh, nhất là bệnh sốt rét, thương hàn, bệnh gan. Nạn đói năm Ất Dậu (1945), làng Đôn Mỹ có đến hơn 100 người bị chết đói, có gia đình chết không còn ai như gia đình ông Do, gia đình ông Chúc Hài và bà

Quán ở xóm Thai. Sau này nhiều người qua khỏi nạn đói kể lại "Làng mạc không có tiếng chó sủa, tiếng gà gáy". Đồng ruộng một màu bạc trắng, không còn hoa màu cây cỏ ngoài đồng có thể dùng cứu đói. Những tháng giáp hạt nhiều người đói lả, đi đứng liêu xiêu quanh quẩn để tìm một thứ gì đó có thể ăn được. Người chết đói mỗi lúc một nhiều nhất là tháng cuối giáp hạt (tháng 3 âm lịch). Cái đói năm Ất Dậu ở Đôn Mỹ buộc nhiều người phải bỏ làng đi sang Lào, Thái Lan kiếm sống nơi đất khách quê người.

Lại có một số người đi theo từng nhóm một như nhóm ông Nguyễn Chiu Huệ đi sang Lào mang theo mâm thau, nồi đồng để đổi lấy gạo và cám về cứu đói, khi đi 5 người, khi về chỉ còn 3 người.

Giữa lúc nạn đói làm cho nhiều người bị đói lả, đỉnh đói giáp hạt có một số anh em thanh niên gọi là tổ chức Thanh niên Phan Anh như Phan Diệm, Nguyễn Phan Viên, Nguyễn Đình Thuật, Lê Hoàng tổ chức quyên góp gạo của những người giàu như bà Lê Thị Nghị, Lê Tiếu, Lê Căn, Lê Cứ… rồi đưa về đình làng nấu cháo, phát chẩn vào buổi chiều hàng ngày cho người dân. Tuy là bát cháo loảng, nhưng cũng đã cứu cơ được nhiều người mà nếu không có thì họ sẽ chết đói.

II. CHI BỘ ĐẢNG RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1931

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời trên cơ sở hợp nhất 3 tổ chức cộng sản là: Đông Dương Cộng sản Đảng (Bắc kỳ), An Nam Cộng sản Đảng (Nam kỳ) và

Đông Dương Cộng sản liên đoàn (Trung kỳ) tại Hương Cảng (Trung Quốc) dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Đến cuối tháng 3-1930, Đảng bộ lâm thời Hà Tĩnh cũng được thành lập tại bến đò Thượng Trụ (xã Thiên Lộc - Can Lộc).

Tại Hương Sơn, tháng 4-1930, đồng chí Nguyễn Kính (tức Liễn) một cán bộ Đảng Cộng sản Việt Nam được phái về trực tiếp gặp lãnh đạo tổ Tân Việt ở huyện Hương Sơn để bàn kế hoạch xây dựng tổ chức cộng sản. Qua thẩm tra lý lịch, qua nghiên cứu quá trình công tác và thành tích cống hiến của từng đảng viên, 17 trong 37 đảng viên Tân Việt của toàn huyện được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Các đồng chí này được phân công về các địa phương xây dựng cơ sở Đảng. Lần lượt nhiều chi bộ Đảng được thành lập như: Thịnh Xá, Phố Châu - Tình Diệm, Đông Trung, Tứ Mỹ, Đông Tràng, Phúc Nghĩa, làng Đông, Yên Nghĩa, Xuân Trì, Thọ Lộc, An Bài với tổng số 44 đảng viên. Đối với các làng chưa đủ điều kiện thành lập chi bộ đảng thì tổ chức nông hội như Gôi Mỹ, Đôn Mỹ, Đồng Lộ, Hàm Lại, Yên Đồng, Bảo Thịnh đã thu hút những phần tử tích cực rèn luyện họ trở thành những đảng viên sau này. Kể từ ngày có Đảng làm hạt nhân lãnh đạo, các tổ chức quần chúng của Đảng như nông hội đỏ, tự vệ đỏ được xây dựng với nhịp điệu nhanh hơn.

Xã Đôn Mỹ có một số con em học tập tại trường Dỹ Long. Tại ngôi trường này, vào năm 1930 có tổ chức Sinh hội hoạt động. Họ viết nhiều truyền đơn kêu gọi người dân Đôn Mỹ đứng lên tham gia biểu tình đấu tranh chống lại

bọn thực dân Pháp xâm lược, xoá bỏ chế độ phong kiến Nam Triều, ủng hộ Đảng Cộng sản. Tuy rằng đa số người nông dân Đôn Mỹ không biết chữ nhưng sự tuyên truyền miệng cũng đã thức tỉnh người dân nghèo Đôn Mỹ phải tham gia hành động đòi lại quyền sống con người. Họ tự hỏi vì sao người nông dân lao động cứ mãi chịu đói nghèo truyền kiếp. Phải chăng là do chế độ chiếm hữu ruộng đất bất công mà có. Phải chăng chế độ thực dân phong kiến là chỗ dựa để hào lý, địa chủ kiêm quan làng thả sức ức hiếp, bóc lột người nông dân, xã hội thực dân phong kiến đã hết sức lỗi thời. Đó là lý do làm cho lòng người thêm căm phẫn, những người đảng viên cộng sản đến với họ thật đúng với nguyện vọng của họ. Bởi vậy, đông đảo người dân Đôn Mỹ khi được những người cộng sản tuyên truyền giác ngộ họ nhận ra được hướng đi tốt đẹp của mình nên họ hăng hái tham gia ủng hộ cách mạng. Vào quý II năm 1930, đông đảo nông dân Đôn Mỹ hăng hái gia nhập đội tự vệ đỏ (lớp trẻ) và nông hội đỏ. Đội tự vệ đỏ 36 người, Nông hội đỏ có đến 60 hội viên.

Ngày 01-5-1930, đội tự vệ đỏ, nông hội đỏ ở Đôn Mỹ đứng ra tổ chức một cuộc mít tinh tại Đình làng thu hút đông đảo bà con trong xã tham gia. Họ biểu tình thị uy qua vài đoạn đường trong xã rồi quy tụ tại Đình làng. Đại diện 2 tổ chức đòi Hương Lý, quan làng phải từ chức, phải giao lại quyền điều hành trong xã cho nông hội. Chính quyền Hương lý không dám chống lại và cam kết bàn giao mọi quyền hành cho nông hội quản lý.

Hơn nữa dư âm của những cuộc biểu tình của nhân

dân Thanh Chương, Nam Đàn, Đức Thọ, Can Lộc, Hưng Nguyên và các xã trong vùng như Tứ Mỹ, Thịnh Xá… càng khích lệ ý thức đấu tranh của người dân Đôn Mỹ. Xã Đôn Mỹ ngày nào cũng vang tiếng trống mõ tuyên truyền cổ động.

Thắng lợi trong cuộc mít tinh ngày 01-5-1930 cùng với những quyết nghị của tổ chức nông hội thông qua các buổi họp bàn tại Đình làng đã động viên nông dân trong xã. Tổ chức nông hội đỏ đã chia 52 mẫu ruộng công cho nông dân. Trong cao trào Xô Viết 1930, người nông dân Đôn Mỹ ban ngày chăm lo sản xuất, tham gia chia lại ruộng đất công, bàn định những việc cụ thể cần làm, đội tự vệ đỏ lo luyện tập quân sự, ban đêm họ về tại Đình làng tham gia sinh hoạt nông hội, thật là đông vui, ấm cúng, ai cũng mong muốn cuộc đời có được tự do như thế. Cán bộ nông hội ngày đêm quên mình lo tính mọi việc cho dân. Lòng tin của quần chúng đối với Đảng, với tổ chức nông hội biểu hiện rõ qua hành động của mỗi người đối với công việc của nông hội. Hai tiếng *"cách mạng"* có ý nghĩa thiêng liêng và là khẩu hiệu hành động của quần chúng. Phong trào quần chúng lên cao đã lôi kéo những người thuộc cả gia đình kinh tế khá giả vào cuộc đấu tranh của nông dân, ủng hộ cách mạng, trật tự trị an trong xóm làng được ổn định.

Tuy nhiên lớp địa chủ kiêm quan làng vẫn tức tối với mưu đồ chống lại nông hội. Quan Tây đồn Tứ Mỹ (gọi là đồn Rú Trụn) biết được hoạt động của đội tự vệ đỏ, nông hội đỏ ở Đôn Mỹ, chúng cho lính về tại Đình làng đe doạ những ai tham gia hoạt động cộng sản.

Theo lời các cụ cao niên kể lại, đại ý như sau: lớp thanh niên trai làng Đôn Mỹ đều gia nhập tự vệ đỏ, lớp nông dân tá điền vào nông hội đỏ, họ hăng hái tham gia mọi công việc do nông hội phân công nhất là chia lại ruộng công cho người nông dân. Lúc Tây đồn Trụn về đốt nhà họ liều mình chữa cháy, khi đám cháy được dập tắt họ giúp bà con dựng lại nhà bằng tranh tre.

"*Hồi đó tôi vào chơi với người cậu là ông Phạm Tạo ở gần nhà ông Thái Sua xóm Hầu, xã Đôn Mỹ, hai cậu cháu đang chuyện trò chợt nhìn ra ngõ tôi thấy có nhiều lính kéo tới bủa vây nhà ông Thái Sua. Tôi chạy ra đường gặp nhiều người từ nhà ông Thái Sua tháo chạy về nhà thờ họ Phạm. Bọn lính quát tháo bắt người nhưng rồi chẳng bắt được ai cả. Tôi chạy đến nhà ông Thái Sua thấy người lính Pháp đang bật diêm đốt nhà thì bà Thái Sua ôm giữ tên lính Pháp và hét to: Bà con ơi Tây Đồn Rú Trụn về đốt nhà tôi! Bà con ơi! làng nước ơi! Sau khi đốt nhà ông Thái Sua, lúc đó là buổi sáng mặt trời đã lên cao vào ngày 18-4 âm lịch (1930) tốp lính rút về đình làng (tất cả có 15 người). Dân tình chạy loạn khóc than thảm thiết. Thiệt hại của dân về sau tôi mới biết, đám cháy cùng một lúc thiêu trụi 62 nóc nhà của dân quanh vùng, trong đó có 2 người bị chết cháy, có 2 nhà thờ họ cũng bị cháy thiêu trụi hết cả đồ thờ cúng và một số tài sản, trâu, bò, lợn, gà, lúa, gạo cũng bị cháy. Đám cháy đã làm cho 200 người phải sống trong cảnh màn trời chiếu đất*".(1) Tổ chức tự vệ đỏ, nông

(1) Theo lời kể của ông Phạm Ca người xóm 5, xã Sơn Long.

hội đỏ cùng với các gia đình bị cháy thu dọn các nhà dân bị cháy, giúp họ dựng tạm nhà tre che chắn nơi ở tạm và còn quyên góp lương thực ủng hộ các gia đình bị nạn để có cơm cháo sống qua ngày, động viên họ chăm lo sản xuất để tự cứu đói.

"Ngày 18-4 âm lịch (1930) lính Tây đồn Rú Trụn về đốt nhà ông Thái Sua vì chúng nghi nhà ông Thái Sua để cho tổ chức những người cộng sản họp bàn, đám cháy lan ra làm cháy nhiều nhà dân. Những năm 1930-1931 lính Tây Đồn đã bắt nhiều người mà chúng nói là đã tham gia hoạt động, trong đó có đồng chí Lê Lương đưa về tra khảo tại nhà tù thị xã Hà Tĩnh lúc đó".(1)

Căm thù bè lũ cướp nước, căm thù giặc Tây đồn và bọn quan tay sai, nông hội đỏ làng Đôn Mỹ lại tổ chức biểu tình rầm rộ cùng với đoàn biểu tình từ các xã lân cận theo đường liên hương vượt đò Choi đến phá nhà quan đại thần Hiệp Niêm, thị uy lực lượng vào sáng 19-9-1930, đoàn biểu tình bị kẻ địch đàn áp, có một số người chết.

Hưởng ứng đợt biểu tình thị uy đòi quan lại sưu thuế, chống khủng bố, chống bắt bớ người. Đông đảo người nông dân Đôn Mỹ lại tham gia biểu tình cùng với đoàn biểu tình các xã trong vùng vào đêm 21-9-1930. Sáng 22-9-1930 đoàn biểu tình kéo về bao vây huyện lỵ Phố Châu đưa yêu sách cho Huyện trưởng đòi giảm sưu thuế, chống khủng bố đàn áp, chống bắt bớ người biểu tình. Cuộc biểu tình bị lính đồn Phố Châu xả súng bắn vào đoàn biểu tình.

(1) Theo lời kể của Thầy giáo Lê Mưu người xã Sơn Bình.

Tháng 11-1930, Tỉnh ủy Hà Tĩnh cử một cán bộ về phụ trách Hương Sơn và thành lập Huyện ủy lâm thời gồm các đồng chí Trần Chí Tín, Nguyễn Đình Xứng, Nguyễn Mật, Đinh Nho Khoách, do đồng chí Trần Chí Tín làm Bí thư.

Tháng 12-1930, nhiều phần tử ưu tú được kết nạp vào Đảng, một số chi bộ mới được thành lập gồm Đôn Mỹ, Gôi Mỹ và đồn điền Hà Tân.

Nhờ có chi bộ làm hạt nhân lãnh đạo mà phong trào cách mạng ở Đôn Mỹ phát triển nhanh, một lần nữa tổ chức nông hội đỏ đứng ra tổ chức ổn định đời sống cho dân, tập trung một số lúa của người giàu chia cho những hộ nông dân nghèo, nhất là những gia đình bị cháy nhà cửa, điểm canh gác của địch qua các ngã đường liên xã trở thành trạm gác của ta. Những người cộng sản trong chi bộ, trong đội tự vệ đỏ, nông hội đỏ là những người lao động ủng hộ cách mạng hàng ngày phải đấu tranh trực diện chống lại sự khủng bố đàn áp của kẻ thù một cách quyết liệt, một cuộc đấu tranh của những người nông dân tay không vũ khí chống lại bạo lực cường quyền có súng đạn trong tay. Đứng trước sự khủng bố bắt bớ của kẻ thù, của bọn quan lại phong kiến, ngày 01-5-1931 tổ chức nông hội đỏ lại tổ chức biểu tình thị uy nhằm chống lại hành động vô cớ bắt người, chống khủng bố đàn áp của kẻ thù.

Phong trào đấu tranh cách mạng 1930-1931 ở xã Đôn Mỹ bị kẻ địch đàn áp tàn bạo, nào là cho lính Tây đồn (lính đồn Tứ Mỹ, đồn Linh Cảm) về đốt nhà dân, đe doạ người dân tham gia biểu tình, ly gián người dân với những người

đảng viên cộng sản và những người trong đội tự vệ đỏ, nông hội đỏ.

Đồng chí Lê Văn Lương khi bị kẻ địch nhiều lần lùng bắt, đồng chí có dặn vợ hãy bồng bế con đi xa làng Đôn Mỹ. Khi bị giặc bắt, bị kẻ địch tra tấn cực hình, đồng chí vẫn không khai một lời nào về chi bộ cộng sản. Đồng chí kiệt sức, hi sinh trong nhà tù Hà Tĩnh ngày 2-8-1931, hiện mộ đồng chí được đưa về an táng tại Nghĩa trang liệt sỹ Nầm - Hương Sơn.

Đồng chí Lê Thơi (còn có tên khác là Lê Hữu Dụng) là một người rất xông xáo, tích cực xây dựng phong trào nông hội ở xã nhà. Đồng chí cũng bị lính Tây Đồn và địa chủ kiêm quan làng bắt đi giam tại nhà tù Hà Tĩnh.

Đồng chí Thái Mợi là người đã cắm lá cờ đỏ Búa liềm ở đỉnh núi Mồng Gà kêu gọi dân làng biểu tình đấu tranh đòi giảm sưu thuế, trả lại ruộng đất cho dân cày chống khủng bố đã bị kẻ địch bắt giam tại nhà tù thị xã Hà Tĩnh rồi đưa đi giam tại nhà tù Ban Mê Thuột (Đắc Lắc).

Vào năm 1931, kẻ địch còn bắt bớ nhiều người trong đội tự vệ đỏ, nông hội đỏ đưa về giam tại nhà tù thị xã Hà Tĩnh. Đó là các ông: Nguyễn Chúc, Nguyễn Đình Cư, Thái Sua, Lê Chín, Đoàn Thiều, Phan Đam, Phan Hưu, Phạm Chuyên, Văn Tạo… Thời hạn giam tù có người 6 tháng, có người một năm mới được thả về.

Làng Đôn Mỹ với tổ chức đội tự vệ đỏ, nông hội đỏ vào những năm 1930-1931 đã tổ chức 5 cuộc biểu tình lớn, có 2 cuộc biểu tình hoà đồng với các cuộc biểu tình đấu tranh

của các xã lân cận buộc hào lý cùng địa chủ quan làng phải thừa nhận sự tồn tại và hoạt động của các tổ chức cách mạng dưới sự hướng dẫn dìu dắt của những người cộng sản. Tổ chức tự vệ đỏ, nông hội đỏ Đôn Mỹ chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, hơn một năm hoạt động nhưng đã để lại trong tâm trí mọi người dân một sự cảm tình sâu sắc, một niềm hy vọng khi đã có Đảng lãnh đạo. Đó là những tấm gương hy sinh cao cả của một số đồng chí đảng viên trong chi bộ trước sự tra tấn dã man của kẻ thù đã để lại cho người dân Đôn Mỹ lòng mến phục, tin yêu, lúc này đấu tranh là lẽ sống để giành lại quyền làm người, quyền sống. Với quan điểm đó mà sau vụ cháy các ông Đoàn Tính, ông Tổng Tuệ, ông Trần Bảy và một số người Long Hạ kéo đến đồn Linh Cảm đòi quan Tây đồn bồi thường thiệt hại cho dân Đôn Mỹ. Ngay sau đó một tốp lính khố đỏ của đồn kéo đến hiện trường quan sát, rồi những ngày sau lính đồn Linh Cảm tổ chức phát gạo cứu tế cho dân Đôn Mỹ. Trong xã có một số người hay chữ như ông Phạm Cúc, Nguyễn Đình Cư viết đơn kiện quan Tây đồn Tứ Mỹ và nói rằng quan Tây Đồn nêu lý do để đốt nhà dân là không có căn cứ, người dân bị oan, bị thiệt hại nhà cửa tài sản phải được đền bù. Quan Tây đồn Tứ Mỹ sau thời gian ngắn đã buộc phải đền bù thiệt hại cho dân. Số tiền mà quan Tây đồn Tứ Mỹ, Linh Cảm đền bù cho dân lại thông qua Hương lý lúc đó. Mỗi một nhà dân bị cháy lúc đó chỉ được đền bù 3 đồng bạc Đông Dương.

Những năm 1934-1935, những địa chủ kiêm quan làng Đôn Mỹ tìm mọi cách thu lại ruộng công điền của dân. Mặt

khác, chúng còn ăn chặn tiền đóng thuế của dân trên diện tích 52 mẫu ruộng. Quan huyện lúc đó là Nguyễn Phương Lãm thụ lý đơn kiện của dân và cách chức Lý trưởng Đôn Mỹ, bổ nhiệm Lý trưởng mới ông Nguyễn Văn Sàn vào năm 1936 và buộc Hương lý, địa chủ kiêm quan làng phải trả 52 mẫu ruộng công điền cho nông dân Đôn Mỹ.

III. CHI BỘ ĐẢNG PHỤC HỒI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾN TỚI GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Tham gia phong trào đòi dân sinh dân chủ 1936 - 1939

Sau khi phong trào 1930-1931 tạm lắng, phong trào cách mạng ở Hương Sơn gặp tổn thất nghiêm trọng và bước vào giai đoạn khó khăn nhất kể từ khi Đảng ra đời. Kẻ thù thực hiện chính sách khủng bố trắng với mục tiêu quét sạch các tổ chức Đảng, bắt giữ đảng viên. Những kết quả mà nhân dân Hương Sơn vừa giành được đã bị địch phá hủy. Bọn chúng lấy lại toàn bộ ruộng đất công vừa được chia cho dân nghèo, duy trì trật tự xã hội cũ. Trên thực tế nhiều chi bộ ở Hương Sơn không còn hoạt động. Mặc dù gặp khó khăn nhưng cán bộ, đảng viên và nhân dân Hương Sơn vẫn giữ vững niềm tin và ý chí đấu tranh, tìm mọi cách hoạt động bí mật, chờ ngày khôi phục lại tổ chức.

Tháng 3-1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội đã đề ra ba nhiệm vụ chủ yếu của Đảng trong thời gian trước mắt là: củng cố và phát triển Đảng; tranh thủ quần chúng rộng

rãi; chống chiến tranh đế quốc. Thành công của Đại hội đánh dấu sự khôi phục của Đảng và của phong trào cách mạng trong nước. Tháng 7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc) đề ra chủ trương mới phù hợp với hoàn cảnh cách mạng hiện tại, đó là thực hiện các khẩu hiệu "tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình, chống chiến tranh phát xít". Từ đó, làng Đôn Mỹ nói riêng, toàn huyện Hương Sơn nói chung bước vào giải đoạn đấu tranh mới; giai đoạn vận động dân chủ 1936-1939.

Tiêu biểu cho phong trào đấu tranh của nhân dân Đôn Mỹ trong giai đoạn này là các vụ kiện hương lý để đòi lại quyền lợi đã bị cướp giật. Ở đâu bọn hương lý cũng bị nhân dân kêu kiện vì tội chiếm ruộng công, ăn cướp tiền lúa công, phụ thu lạm bổ. Kết quả, phong trào chưa thu được các quyền lợi về kinh tế nhưng đã làm cho bọn hào lý một phen mất vía, hoảng sợ.

Nhìn chung, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ 1936-1939 ở Đôn Mỹ diễn ra theo chủ trương chung của toàn huyện. Tuy các phong trào đó phát triển chưa mạnh, quy mô nhỏ nhưng đã thu được một số thành quả thiết thực về chính trị, kinh tế cho nhân dân. Đặc biệt qua các cuộc đấu tranh này đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho Đảng về phương pháp lãnh đạo, huy động quần chúng, tôi luyện thêm tinh thần, bổ sung một số hình thức, phương pháp đấu tranh mới cho nhân dân. Đây được xem là cuộc tổng diễn tập lần thứ hai để tiến tới Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám 1945 sau này.

2. Quá trình chuẩn bị lực lượng, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945 ở Đôn Mỹ

Giữa lúc phong trào cách mạng đang dần được phục hồi và có nhiều khởi sắc thì ngày 01-9-1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Trước tình hình đó, ngày 12-9-1939, toàn quyền Đông Dương đã chỉ thị cho Khâm sứ Trung kỳ ra Nghị định: cấm việc hội họp trong nhân dân, cấm sách báo công khai, cấm tuyên truyền về cộng sản… Tiếp đó, triều đình phong kiến tay sai lại ra lệnh giải tán các phường, hội tương tế, ái hữu… Các địa phương trong cả nước trở lại sống trong bầu không khí ngột ngạt, căng thẳng. Hầu hết các đảng viên đều bị bắt giam, các phường hội được thành lập đã phải giải tán hoặc cấm hoạt động. Nguy hiểm hơn, thực dân Pháp còn bắt nhân dân ta đi lính O.N.S làm bia đỡ đạn cho chúng trên các chiến trường châu Âu.

Mặt khác, thực dân Pháp còn ra sức vơ vét công sức, của cải của dân ta bằng nhiều hình thức khác như: tăng thuế cũ, đặt ra thuế mới. Chúng bắt nhân dân kê khai gạo, thóc, hàng hóa hiện có để khi cần sẽ trưng thu; lập "nghĩa thương trợ chiến", một hình thức gây quỹ chiến tranh hậu cần tại chỗ, tổ chức lạc quyên sổ số… để thu hết những đồng xu cuối cùng trong nhân dân.

Trước tình hình bộ máy thống trị của thực dân Pháp ngày càng phát xít hóa, theo Chỉ thị của Trung ương Đảng để bảo toàn lực lượng chúng ta phải rút vào hoạt động bí mật. Cùng thời gian này, các đồng chí Hồ Hảo, Lê Hữu

Quán được phân công đi các nơi liên lạc với tổ chức Đảng cấp trên để khôi phục lại các chi bộ Đảng. Nhờ sự cố gắng của các đồng chí nên khi chi bộ ghép đồn điền Sông Con, Cẩm Lĩnh (Sơn Quang và Sơn Lĩnh) được thành lập gồm 4 đảng viên (01-1939). Sau đó các chi bộ Phúc Nghĩa, An Bài, Hữu Bằng, Phố Châu được xây dựng, tổng số đảng viên có 18 đồng chí trong đó có 3 nữ.

Tháng 4-1940, Huyện ủy lâm thời huyện Hương Sơn được thành lập do đồng chí Hồ Hảo làm Bí thư, phụ trách quân sự và các đồng chí Hồ Hùng, Nguyễn Liên. Lúc này, hệ thống tổ chức cơ sở Đảng được nối thông suốt từ Trung ương đến địa phương. Tranh thủ thuận lợi đó, Huyện ủy Hương Sơn đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kêu gọi tập hợp lực lượng. Do không bắt được liên lạc với Huyện ủy Lâm thời do Hồ Hảo làm Bí thư nên đồng chí Trần Bình ở Tứ Mỹ và một số đồng chí ở các làng lân cận như Xa Lang, Yên Đồng, Bảo Thịnh cũng thành lập Huyện ủy lâm thời, do đồng chí Trần Bình bí thư, Nguyễn Mật, Trần Đoàn, sau bổ sung thêm Nguyễn Thanh Sơn vào cấp ủy và bắt mối liên lạc với Tỉnh ủy Hà Tĩnh. Thế là Hương Sơn lúc này có hai Huyện ủy và chịu sự lãnh đạo trực tiếp của hai cấp khác nhau, nhóm thượng huyện do Xứ ủy trực tiếp lãnh đạo, nhóm hạ huyện do Tỉnh ủy Hà Tĩnh trực tiếp lãnh đạo. Sau khi được thành lập, hai huyện ủy lâm thời đã tập trung công tác phát triển cơ sở đảng và bổ sung đảng viên mới, tập trung lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân.

Ngày 23-9-1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, thực dân Pháp nhanh chóng đầu hàng vô điều kiện, nhân

dân Việt Nam phải chịu cảnh "một cổ hai tròng". Không chịu ngồi yên khi phát xít Nhật và thực dân Pháp cấu kết bóc lột nhân dân, tại Hương Sơn, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, một số phong trào đấu tranh của nhân dân diễn ra. Tiêu biểu là việc tổ chức hai vụ giết chết tên Việt gian phản động Cu Trử (đêm 14, rạng ngày 15-5-1941) và Hồ Dũng Tài (vào sáng 15-5-1941), tịch thu được 14 khẩu súng các loại, 700 viên đạn khiến cho bọn thống trị cầm đầu hoang mang, bọn tay sai thì mất vía, tên nào cũng lo canh cánh cho số phận của mình. Đây là sự kiện làm chấn động cả Hà Tĩnh lúc bấy giờ.

Sau cuộc bạo động đó, bọn thực dân Pháp và phong kiến tay sai hoảng hốt tiến hành một chiến dịch khủng bố trắng, kéo dài hàng năm với địa bàn rộng lớn với khắp vùng thượng huyện. Tên tri phủ Triều phong - Trần Mậu Trinh, một tên tay sai đắc lực khét tiếng được điều về Hương Sơn làm tri huyện. Bang tá, đốc đoàn, phu đoàn, lính khố xanh, khố đỏ, lính tập, lính lệ được tăng cường, ngày đêm sục sạo, canh phòng để truy bắt cộng sản, những đồn canh được thiết lập.

Tháng 1-1941, Nguyễn Ái Quốc trở về nước sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5-1941, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 8 tại Pác Bó (Cao Bằng), dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị chủ trương thực hiện khẩu hiệu "Độc lập dân tộc", thành lập Mặt trận Việt Minh để tập hợp toàn dân đấu tranh. Phong trào Việt Minh ở Hương Sơn phát triển mạnh và lan nhanh

ra các xã. Ở Đôn Mỹ đã thành lập các tổ chức dưới dạng đoàn thể cứu quốc như Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Nông dân cứu quốc… Các đoàn thể nói trên đã tập hợp nhân dân vào mặt trận chung, chuẩn bị lực lượng cho những ngày sôi sục cách mạng sắp tới.

Vào đầu năm 1945, nhân dân Đôn Mỹ trải qua nạn đói khủng khiếp. Hơn 100 người dân Đôn Mỹ bị chết đói, người không bị chết đói thì cũng xác xơ thân người, lòng người căm ghét chế độ thực dân phong kiến đến tột cùng.

Ngày 9-3-1945, Nhật hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương, chớp thời cơ, ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Bản Chỉ thị nêu rõ kẻ thù nguy hiểm nhất của dân tộc ta lúc này là phát xít Nhật, chủ trương phát động cao trào kháng Nhật cứu nước, chuẩn bị thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền.

Cuối tháng 7-1945, Hội nghị cán bộ Việt Minh ở Hương Sơn được tổ chức, quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa huyện và hội nghị cũng đã chủ trương thành lập Ủy ban khởi nghĩa ở các xã.

Ở Đôn Mỹ, với sự giúp đỡ của bà Hồ Thị Lan (người Sơn Bằng) uỷ viên khởi nghĩa do huyện phái về, Uỷ ban khởi nghĩa xã được thành lập gồm các ông: Phan Thiều, Nguyễn Phan Viên, Nguyễn Đình Dục, Nguyễn Đình Thuật, Lê Đình Nhiễu. Tiếp đó, Uỷ ban khởi nghĩa cử ra Uỷ ban cách mạng lâm thời gồm các ông: Nguyễn Đình

Thuật - Chủ tịch Uỷ ban; Lê Ba - Phó chủ tịch; Thái Mợi - uỷ viên.

(Khi Nhật đảo chính Pháp (đêm 9-3-1945), ông Thái Mợi thừa cơ vượt ngục từ nhà tù Ban Mê Thuột - Đắc Lắc trở về làng).

Không khí ngày khởi nghĩa giành chính quyền ở xã không rầm rộ, nhưng cũng không buồn tẻ. Hào Lý và quan lại trong xã không hoạt động, ai ai cũng nhận biết một điều gì đó, một sự thay đổi khác thường trong địa phương, một cuộc biến động xã hội và khi ông Nguyễn Đình Dục treo lá cờ đỏ sao vàng trên nóc nhà Đình làng với sự có mặt của nhiều người thì mọi người mới nhận biết rằng đó là một sự thay đổi chính quyền. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở làng Đôn Mỹ không có xô xát đổ máu, một cuộc khởi nghĩa giành chính quyền từ tay Hương lý, chính quyền của chế độ thực dân phong kiến đã sụp đổ, chính quyền mới đại diện cho người dân lao động được thiết lập.

Tháng 8-1945, Uỷ ban cách mạng lâm thời xã Đôn Mỹ triệu tập Lý tưởng, Phó lý, Hương kiểm, Hương bộ, Hương mục tới Đình làng nộp con dấu và bàn giao sổ sách. Cuộc họp diễn ra suôn sẻ không có phản ứng từ phía Hào lý, ông Lê Khải lý trưởng bàn giao con dấu và sổ sách cho Uỷ ban cách mạng. Ông Nguyễn Đình Thuật thay mặt Uỷ ban cách mạng lâm thời tiếp nhận con dấu và hồ sơ bàn giao.

Ông Nguyễn Đình Thuật - Chủ tịch Uỷ ban cách mạng lâm thời tuyên bố xoá bỏ các thứ thuế do chế độ thực dân phong kiến đặt ra và nêu lên những chủ trương chính sách

của mặt trận Việt Minh, của Uỷ ban cách mạng lâm thời trong thời gian trước mắt. Những người trong bộ máy chính quyền cũ, những quan lại trong xã hết quyền điều hành việc xã, không được có thái độ chống lại cách mạng và các ông cũng không nên chần chừ do dự mà phải tỏ thái độ ủng hộ chính quyền cách mạng, cách mạng yêu cầu các ông tuỳ theo khả năng sức lực của mình mà phục vụ cách mạng. Đó là hành động biết tội lập công, Mặt trận Việt Minh khuyến khích các ông lập công, biết hối cãi. Đồng chí Châu Đen - một đại diện của Uỷ ban cách mạng lâm thời huyện về dự họp bàn giao ở xã. Ông có tát vào mặt một ông quan có thái độ không bằng lòng về một cán bộ được bầu làm Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Việt Minh xã, cái tát cảnh tỉnh những ai chống đối cách mạng. Sau đó Uỷ ban cách mạng lâm thời quyết định lấy Đình làng là địa điểm làm việc hàng ngày của Uỷ ban, gọi là Trụ sở Uỷ ban cách mạng lâm thời xã.

Thắng lợi của cách mạng tháng Tám ở Đôn Mỹ có ý nghĩa hết sức to lớn, góp phần cùng cả nước xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến trên đất nước ta. Mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc, dân chủ và tự do. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám là kết quả của 15 năm đấu tranh kiên cường của nhân dân Đôn Mỹ dưới sự lãnh đạo của Đảng, tạo tiền đề vật chất và tinh thần để nhân dân ta bước sang giai đoạn mới.

CHƯƠNG II

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG VÀ CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

I. BƯỚC ĐẦU CỦNG CỐ TỔ CHỨC ĐẢNG, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (1945 - 1946)

Cách mạng tháng Tám thành công, chế độ thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật bị lật đổ. Chế độ phong kiến hà khắc tồn tại hàng ngàn năm bị xoá bỏ, đất nước bước sang một kỷ nguyên mới: độc lập và dân chủ.

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt toàn thể quốc dân Việt Nam đọc bản Tuyên Ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với lời khẳng định: "*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập và thực sự đã trở thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ*

vững nền tự do độc lập ấy". Đây mãi mãi là mốc son chói lọi, mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Nhà nước công nông đầu tiên xuất hiện ở Đông Nam Á. Từ đây, cả nước bước vào thời kỳ mới, củng cố và giữ gìn nền độc lập dân tộc, xây dựng chế độ xã hội mới.

Mặc dù vậy, chính quyền cách mạng non trẻ cũng phải đương đầu với muôn vàn khó khăn do hậu quả của nạn đói khủng khiếp mà thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra. Đường lối lãnh đạo của Đảng đã đi vào lòng quần chúng qua sự trải nghiệm trước và trong Cách mạng tháng Tám, song do đời sống vật chất còn quá nhiều khó khăn nên họ vẫn hoang mang, lo lắng. Trong xã hội, những kẻ bị mất đặc quyền đặc lợi về kinh tế, chính trị trước đây tỏ thái độ bất mãn, cấu kết chặt chẽ với bọn phản động để chống phá cách mạng. Đặc biệt nghiêm trọng là trình độ dân trí của nhân dân vô cùng thấp, đa số bà con bị mù chữ, các hủ tục lạc hậu còn tồn tại khá phổ biến trong thôn xóm.

Trước những khó khăn của đất nước, nhiệm vụ cấp bách của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời là: phải bảo vệ thành công thành quả cách mạng; chống mọi âm mưu làm tổn hại chính quyền; vận động nhân dân tích cực tham gia sản xuất để cứu đói; đoàn kết toàn dân ủng hộ các đoàn thể cách mạng trong Mặt trận Việt Minh, mở các lớp bình dân học vụ, dạy chữ để nâng cao trình độ văn hoá cho nhân dân trong xã. Để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng trên thì trước hết phải khôi phục tổ chức Đảng, xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng thật vững chắc.

1. Xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền

Sáng 10-9-1945, Uỷ ban cách mạng lâm thời tổ chức một cuộc họp lớn bao gồm đủ các tầng lớp nhân dân tham gia. Tại cuộc họp đại diện Mặt trận Việt minh xã nêu những việc làm cụ thể trước mắt:

1. Phát động người dân chăm lo sản xuất, sản xuất nhiều rau màu, khoai vụ đông nhằm khắc phục nạn đói.

2. Cử một số người đứng ra thành lập các tổ chức trong xã: Thường trực văn phòng ông Phạm Lương:

- Phụ trách khối thanh niên tuyên truyền: Nguyễn Đình Liệu;

- Phụ trách khối phụ nữ: chị Nguyễn Thị Du;

- Phụ trách công tác xoá mù chữ: ông Nguyễn Ngọc Minh;

- Tổ chức đội du kích, dân quân tự vệ: ông Nguyễn Đình Dục và Thái Mợi;

3. Động viên mọi người thực hiện nếp sống lành mạnh bỏ tệ cờ bạc, phân biệt giới tính…, động viên các gia đình tham gia phát quang đường sá, động viên các gia đình khá giả trong xã hưởng ứng "Tuần lễ vàng" của Chính phủ từ ngày 18-9 đến ngày 25-9.

Để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, chỉ một ngày sau khi tuyên bố độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời ngày 3-9-1945, thấy rõ tính cấp bách phải củng cố cơ sở pháp lý của nhà nước mới, Chủ tịch Hồ

Chí Minh đã đề nghị sớm tổ chức tổng tuyển cử và ban hành Hiến pháp.

Ngày 6-1-1946, vượt qua mọi hành động chống phá của kẻ thù, hơn 90% cử tri trong cả nước đi bỏ phiếu, bầu được 333 đại biểu khắp Bắc - Trung - Nam vào Quốc hội, tượng trưng cho khối đoàn kết toàn dân tộc. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhân dân ta được thực hiện quyền công dân, bầu những đại biểu chân chính của mình vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước.

Ở Hương Sơn, Huyện ủy lâm thời đã bắt tay ngay vào việc tổ chức, xây dựng lại hệ thống Đảng, chính quyền. Trên cơ sở quán triệt chủ trương của Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, tháng 12-1945, Đại hội Đảng huyện Hương Sơn được tổ chức tại đồn điền Sông Con[1]. Tham dự Đại hội có khoảng bốn chục đại biểu, các đại biểu đã bàn và quyết định những vấn đề quan trọng như:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển, củng cố tổ chức Đảng, chú ý các địa phương chưa có chi bộ, chưa có đảng viên.

- Củng cố, mở rộng Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc, củng cố chính quyền, tiến hành hợp xã theo chủ trương của tỉnh, hoàn thành tốt công tác bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

- Củng cố lực lượng vũ trang, quyết tâm cùng các đơn

(1) Lịch sử Đảng bộ huyện Hương Sơn (1945 - 1975), tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2001, tr22.

vị của tỉnh phòng ngự vững chắc biên giới, bảo đảm an ninh trật tự xã hội.

- Xây dựng nền tài chính của huyện.

- Đẩy mạnh các cuộc vận động sản xuất, tiết kiệm, bình dân học vụ, xây dựng đời sống mới lên cao hơn nữa.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, **ngày 3-2-1946 chi bộ liên xã Đôn Mỹ - Dỹ Long được thành lập do đồng chí Phan Thiều làm Bí thư**. Đôn Mỹ có 4 đảng viên gồm Phan Thiều, Nguyễn Phan Viên, Nguyễn Đình Dục, Thái Mợi. Dỹ Long có 5 đảng viên gồm: Đoàn Ngọc Dư, Thái Diệm, Cù Ngọc Ân, Phạm Ca, Phạm Táo. Đến ngày 7-7-1946, Dỹ Long thành lập chi bộ riêng tại nhà cụ Đoàn Ngọc Mai (bố đồng chí Đoàn Ngọc Dư).[1]

Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là nhân tố quan trọng trong xây dựng chế độ mới vì lực lượng vũ trang là công tác hàng đầu của chính quyền vô sản. Vì vậy, sau khi dành chính quyền, ngày 10-5-1946, xã Đôn Mỹ thành lập Uỷ ban phòng thủ gồm 5 người do ông Lê Đình Nhiễu làm Chủ tịch, Lê Hoàng - Phó Chủ tịch.

Đến ngày 28-12, thực hiện chủ trương của tỉnh Hà Tĩnh, Uỷ ban cách mạng lâm thời huyện Hương Sơn đã xoá bỏ cách gọi tổng, thôn cũ (5 tổng, 55 thôn) thành lập đơn vị xã, cả huyện có 15 xã, xã Đôn Mỹ giữ nguyên địa giới như cũ.

(1) Lịch sử Đảng bộ xã Sơn Long (1930-2015), Nxb Lao động, 2015, tr.45.

Trong buổi đầu cách mạng, cán bộ Việt Minh, cán bộ Uỷ ban cách mạng lâm thời hoạt động vì trách nhiệm được phân công. Cán bộ từ trụ sở về nhà ăn uống sinh hoạt dựa vào gia đình mà gia đình cũng chỉ có rau cháo, khoai sắn là nguồn lương thực chính, họ không có lương bỗng hay chế độ gì. Mỗi người cán bộ lúc này làm việc rất hăng say từ người cán bộ xã đến người cán bộ thôn xóm. Mọi việc làm khi đã có sự bàn bạc nhất trí là hành động theo sự phân công. Công việc từng cán bộ đều làm đến nơi đến chốn, tự giác cao, họ không có sự nề hà, né tránh. Các cuộc họp nghe cán bộ phổ biến là họ nhớ để làm không có ghi chép, không ghi vào biên bản, ai nấy đều làm tròn nhiệm vụ được giao.

Ủy ban cách mạng lâm thời cũng đã thống kê số liệu nhân khẩu toàn xã để chuẩn bị tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân xã. Theo số liệu thống kê số nhân khẩu toàn xã là 1.668 người.

Giữa tháng 4-1946, xã đã tổ chức bầu cử hội đồng nhân dân khoá I. Sau đó, Hội đồng nhân dân xã họp phiên đầu tiên, cuộc họp bầu ra các chức danh của Uỷ ban hành chính gồm: Ông Lê Đình Huyền - Chủ tịch uỷ ban; ông Lê Ba - Phó chủ tịch; ông Thái Mợi - Uỷ viên phụ trách quân sự; ông Phạm Lương - Uỷ viên văn phòng. Hội đồng nhân dân xã cũng ra Nghị quyết cụ thể:

- Tận dụng đất đai để sản xuất, đây là một nhiệm vụ cơ bản đảm bảo đời sống người dân;

- Tổ chức huấn luyện quân sự, toàn xã thành lập một

trung đội du kích được huấn luyện trang bị đại đạo, súng kíp, lựu đạn;

- Tổ chức làm giao thông;

- Phát huy vai trò các tổ chức yêu cầu tăng cường đoàn kết theo tinh thần "Kiến quốc" của trên.

2. Phát động phong trào thi đua "diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm", xây dựng đời sống mới ở nông thôn

a. "Diệt giặc đói"

Nhằm khắc phục những hậu quả bần cùng do chính sách cai trị thực dân, phong kiến, mà trước mắt là nạn đói năm 1945 do thực dân Pháp, phát xít Nhật gây ra, Trung ương Đảng, Chính phủ và Mặt trận Việt Minh đã áp dụng mọi biện pháp để cải thiện đời sống vật chất cho nhân dân.

Ngay sau khi giành được chính quyền, Chính phủ đã ra các Sắc lệnh, Nghị định xoá bỏ các thứ thuế do chính quyền thực dân Pháp và triều đình phong kiến đặt ra; vận động các chủ ruộng, chủ nợ tạm hoãn thu tô, thu nợ lãi cho nhân dân, đem các loại ruộng đất công (công điền) của làng xã chia cho những gia đình thiếu ruộng đất canh tác để họ có điều kiện cải thiện cuộc sống. Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể cứu quốc đã phát động toàn dân đẩy mạnh tăng gia lao động sản xuất, thực hiện lời kêu gọi khẩn thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa!". Thực hiện khẩu hiệu trên, bao đất hoang, cồn bãi, đầm lầy lâu đời đều được nhân dân khai phá biến thành đất canh tác.

Đồng thời với đẩy mạnh tăng gia sản xuất, Đảng và Chính phủ phát động phong trào thực hành tiết kiệm. Trong điều kiện người cày thiếu ruộng đất canh tác, thiếu sức kéo, thiếu công cụ sản xuất thì dù cố gắng đến đâu cũng không bù được sự thiếu hụt về lương thực.

Thực hiện chủ trương của cấp trên, Ủy ban cách mạng lâm thời phát động người dân chăm lo sản xuất, sản xuất nhiều rau màu, khoai vụ đông nhằm khắc phục nạn đói.

Song song với phong trào tăng gia sản xuất, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và noi gương Người, xã đã vận động các gia đình, mỗi người nhịn ăn một bữa và mỗi ngày bớt một nắm gạo bỏ vào "hũ gạo tiết kiệm" để cứu giúp những gia đình bị đói. Với tấm lòng "thương người như thể thương thân", "một miếng khi đói bằng một gói khi no", "lá lành đùm lá rách", mọi người đã san sẻ cùng nhau từng hạt gạo, củ khoai, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng chết đói. Lúc này, tình làng nghĩa xóm được trỗi dậy hơn bao giờ hết. Ngoài ra, xã còn vận động nhân dân trồng các loại rau màu ngắn ngày như: khoai, ngô, bầu… trên những phần diện tích đất có thể gieo trồng được; kêu gọi mọi gia đình nghiêm túc thực hiện chủ trương của Chính phủ triệt để không nấu rượu để tiết kiệm lương thực.

Nhờ phong trào tăng gia sản xuất, tiết kiệm nên cuộc sống của người dân Đôn Mỹ ngày càng đỡ khổ hơn trước, những tháng "giáp hạt", sự thiếu đói không còn gay gắt như trước Cách mạng tháng Tám nữa.

b. "Diệt giặc dốt"

Hơn 90% dân số mù chữ là hậu quả của chính sách cai trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật để lại cho nước ta sau Cách mạng tháng Tám. Do vậy, ngay sau khi cách mạng thành công, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi toàn dân xóa nạn mù chữ, diệt giặc dốt. Hưởng ứng lời kêu gọi đó, tại xã Đôn Mỹ, mỗi xóm cử ra một trưởng ban bình dân học vụ, các ủy viên là cán bộ Phụ nữ, Nông hội, Thanh niên. Ban bình dân học vụ xã do ông Nguyễn Ngọc Minh làm trưởng ban. Trên tinh thần người biết chữ dạy cho người không biết chữ, các lớp học quốc ngữ được tổ chức khắp mọi thôn xóm, cụm gia đình. Từ nam nữ thanh niên đến ông già bà lão, trẻ em đều hăng hái học chữ. Có những biện pháp hữu hiệu bắt buộc mọi người phải học để "thoát nạn mù chữ" của thời bấy giờ là: "Ngăn đường vào chợ". Những người đi chợ dù nam hay nữ, khi vào chợ bị ngăn lại trước cổng để giáo viên kiểm tra đọc, viết, tính toán, nếu "đọc thông, viết thạo" thì được vào chợ mua bán. Nếu không được thì phải quay trở về hoặc phải "luồn" "qua một chỗ cửa thấp phải cúi lom khom" thẹn thùng xấu hổ.

Nhờ thực hiện tốt các biện pháp trên, đến cuối năm 1946 đông đảo người dân Đôn Mỹ đã biết đọc, biết viết, thoát khỏi mù chữ.

Phong trào xây dựng "đời sống mới" cũng được đẩy mạnh trong nhân dân. Với chủ trương cải cách tập quán hủ bại, các hủ tục lạc hậu của chế độ phong kiến dần được

xoá bỏ. Khẩu hiệu nam nữ bình quyền được thực hiện bước đầu. Mọi người dân đều thắt chặt đoàn kết, dồn tâm lực và khả năng đóng góp vào công cuộc kiến thiết quốc gia, bảo vệ nền độc lập của nước nhà.

II. BẢO VỆ HẬU PHƯƠNG, CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1946 - 1954)

1. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19-12-1946)

Với dã tâm quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, sau khi đánh chiếm Sài Gòn - Gia Định, Pháp mở rộng chiến tranh ra toàn miền Nam, Nam Trung Bộ và tiến hành xâm lược Lào, Campuchia. Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra những chủ trương sáng suốt, vận dụng những sách lược hết sức mềm dẻo để giữ vững chính quyền, tranh thủ mọi thời gian hòa hoãn để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. Chúng ngang nhiên phá hoại Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 và Tạm ước ngày 14-9-1946, trắng trợn gửi tối hậu thư đòi tước khí giới của quân đội, tự vệ và công an ta. Khả năng hòa hoãn không còn nữa. Ngày 18-12-1946, Ban thường vụ Trung ương Đảng đã họp và quyết định phát động nhân dân toàn quốc kháng chiến chống giặc Pháp xâm lược. Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Hưởng ứng Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch, sau buổi mít tinh vào chiều ngày 25-12-1946, có

nhiều thanh niên trong xã lúc đó xin đăng ký gia nhập lực lượng vũ trang, gia nhập đội quân cảm tử trực tiếp ra mặt trận tham gia kháng chiến.

Cuối tháng 2-1947, Chi bộ Đảng ở Đôn Mỹ được thành lập từ việc tách chi bộ liên xã Đôn Mỹ - Dỹ Long do đồng chí Phan Thiều làm Bí thư.

Ngày 01-3-1947, toàn Đảng bộ huyện được học tập Thư của Hồ Chủ tịch gửi, học tập chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng. Trong quá trình học tập, từng chi bộ, đảng viên đã tiến hành phê bình, kiểm điểm khắc phục những tư tưởng, nhận thức và biểu hiện sai lầm như địa phương chủ nghĩa, bè phái, hẹp hòi ích kỷ… Tư tưởng, nhận thức và năng lực lãnh đạo của Đảng bộ được nâng lên..

Mọi công việc kháng chiến từ cuối năm 1946 đến cuối năm 1947 đều do Ủy ban kháng chiến điều hành, chỉ đạo song song với Ủy ban hành chính. Công việc tuy trôi chảy nhưng không khỏi có khi dẫm đạp, lúng túng giữa việc hành chính và việc kháng chiến. Đến tháng 7-1947, Trung ương chủ trương sáp nhập Ủy ban hành chính với Ủy ban kháng chiến các cấp thành Ủy ban hành chính kháng chiến (trong đó cấp huyện có 7 ủy viên; cấp xã có 5 ủy viên). Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến xã Đôn Mỹ sáp nhập thành Ủy ban hành chính kháng chiến ông Lê Đình Huyên làm Chủ tịch. Một tháng sau, Uỷ ban hành chính kháng chiến lại đổi thành Ủy ban hành chính kháng chiến để khẳng định tư tưởng, ý thức kháng chiến trước hết, quân sự trên hết.

Năm 1947, một năm mở đầu thời kỳ Kháng chiến kiến quốc với những chủ trương giải pháp rất thiết thực được đông đảo người dân nhiệt tình ủng hộ. Người dân Đôn Mỹ thầm biết ơn ông Chủ tịch hồi đó, ông Lê Đình Huyên (cụ Xứ) đã rất tâm huyết với công việc xã nhà.

Cũng tháng 7-1947, cơ quan Xã đội ra đời do ông Nguyễn Toàn làm xã đội trưởng. Tháng 10-1947, cơ quan công an xã ra đời do ông Thái Dượng làm trưởng ngành, ông Lê Cúc phó công an xã, về sau ông Hồ Hoà được cử làm trưởng ngành công an xã thay đồng chí Thái Dượng gia nhập quân đội.

Với chủ trương "Tiêu thổ kháng chiến" xã đã cử những người đi tham gia phá hoại đường 8 có khi làm cả ban đêm. Công tác huấn luyện dân quân du kích được tiến hành khẩn trương. Trung đội dân quân du kích xã do Nguyễn Toàn làm trung đội trưởng, Nguyễn Đình Dục làm trung đội phó, xã còn thành lập đội Thanh niên cảm tử khoảng 20 người, xã còn trích 3 mẫu ruộng để tổ chức dân quân du kích sản xuất làm quỹ và ruộng đó gọi là ruộng xã binh ở khe Hối.

Năm 1947, các anh thanh niên cảm tử được ban quân sự cấp trên về lấy điều bổ sung cho quân đội thường trực, đó là những người như Lê Thưởng, Lê Lợi, Phạm Tương, Nguyễn Ngoạn, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Cường, Hồ Thụ, Phạm Châu, Lê Dượng, Nguyễn Văn Toàn, Lê Văn Đệ, Lê Văn Ky, Lê Đán, Nguyễn Đình Vọ…

Dựa theo Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ họp tại Đông Mỹ vào quý 3 năm 1947 có nêu vấn đề các chi bộ

cần làm tốt công tác phát triển đảng viên mới ngoài những công tác trọng tâm khác như công tác bố phòng, tiêu thổ kháng chiến, xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển sản xuất, huy động thuế … Từ đó, đến cuối tháng 8-1947 Chi bộ Đôn Mỹ kết nạp thêm 18 đảng viên mới, lớp đảng viên này thực sự làm nòng cốt cho các phong trào toàn xã.

Tháng 5-1947, chi đoàn thanh niên Đôn Mỹ được thành lập do đồng chí Lê Văn Hành làm Bí thư. Tháng 12-1947, Hội "Mẹ chiến sĩ" Đôn Mỹ ra đời do bà Nguyễn Thị Du làm Hội trưởng.

Trong năm 1947, xã huy động sức dân mua một số gỗ bắc 4 cầu bằng những tấm phiến, gỗ lim mỗi cầu 3 phiến gỗ gồm các cầu: cầu Đá, cầu Cóc, cầu Nhà U, cầu Cửa Trộ tạo thuận lợi cho việc đi lại của người dân không phải lội qua Hói Bàu như trước, xã còn huy động người đắp đường Cây Du, đường Đồng Trà, đường Lối Con.

Giữa năm 1947, xã đã huy động sức dân xây dựng 5 phòng học ở vị trí nhà thánh xã. Đầu tháng 9-1947, trường cấp I Đôn Mỹ ra đời. Hiệu trưởng nhà trường là thầy giáo Hà Huy Thiềm, các giáo viên có thầy Lê Hữu Tín, thầy Nguyễn Phan Viên, thầy Phạm Khiêm. Ngoài ra Đình Làng cũng được xây bao và xây cổng Đình Làng.

2. Hưởng ứng phong trào thi đua ái quốc, tích cực củng cố hậu phương vững mạnh, chung sức chiến đấu với Bình Trị Thiên (tháng 5-1948 đến 1950)

Bị thất bại trong chiến dịch tấn công Việt Bắc thực dân Pháp phải từ bỏ "chiến lược đánh nhanh thắng nhanh sang

đánh lâu dài", "lấy người Việt đánh người Việt". Chúng thực hiện kế hoạch bình định vùng tạm chiếm và phá hoại vùng tự do của ta.

Giặc Pháp ra sức càn quét Bình Trị Thiên trong khói lửa. Thanh - Nghệ - Tĩnh đã trở thành một vùng tự do rộng lớn hậu phương cho chiến trường. Ngày 10-6-1948, Hồ Chủ tịch điện cho Thanh - Nghệ - Tĩnh "chung sức chiến đấu với Bình - Trị - Thiên". Hương Sơn được xem là một vùng an toàn trong chiến khu Đức - Hương - Hương của tỉnh. Đồng bào Bình - Trị - Thiên, nhân dân Lào tản cư đến ngày một đông.

Do nhận thức được "Tản cư là kháng chiến", "Đón nhận người tản cư cũng là kháng chiến", đầu tháng 9-1948 Mặt trận Liên Việt xã kêu gọi nhân dân trong xã đóng góp nguyên vật liệu tranh tre cùng với sự cắt cử người đi làm nhà đón người tản cư từ Bình - Trị - Thiên ra. Cuối tháng 9, Đôn Mỹ với sự đóng góp của người dân đã xây dựng được 3 gian nhà rộng thoáng đón người tản cư tại khu vực trang trại Khe Hối. Việc làm của người dân Đôn Mỹ được Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Hương Sơn biểu dương.

Để tăng cường tiềm lực cho kháng chiến, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch quyết định phong trào thi đua ái quốc. Lời kêu gọi của Bác ngày 01-5-1948 nêu rõ "Thi đua là yêu nước. Yêu nước thì phải thi đua". Thực hiện chủ trương của Trung ương, của tỉnh và của huyện Hương Sơn, Chi bộ Đôn Mỹ phát động phong trào thi đua yêu nước trong toàn Đảng, toàn dân xã nhà với nội dung:

- Thi đua xây dựng chi bộ tự động công tác, chi bộ kiểu mẫu;

- Thi đua làm tốt công tác bố phòng, xây dựng "Làng Cự Nẫm"[1], luyện quân lập công, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng;

- Đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm, đảm bảo tự túc ăn mặc và có chi viện cho kháng chiến, đẩy mạnh phong trào bình dân học vụ, xây dựng đời sống mới, quyết tâm thanh toán nạn mù chữ sớm nhất.

So với những ngày đầu kháng chiến, Chi bộ Đôn Mỹ thời gian này đã lớn mạnh hơn rất nhiều. Chi bộ đã kết nạp thêm 11 đồng chí đảng viên mới. Tuy Đảng chưa ra hoạt động công khai nhưng Đảng đã chiếm được lòng tin của người dân, dân nghe và làm theo Đảng. Người dân biết nói đi họp đoàn thể là đi họp Đảng.

Chi bộ đã tập trung lãnh đạo, động viên toàn dân chăm lo sản xuất, cấy hết diện tích 1.150 mẫu, đảm bảo sản xuất 2 vụ lúa trong năm để đảm bảo tự túc ăn mặc và có chi viện phục vụ kháng chiếng, thực hành tiết kiệm, xây dựng đời sống mới. Vụ chiêm năm 1948, năng suất lúa đạt 70 kg/sào, sản lượng lúa toàn xã ước tính 623 tấn nên đời sống người dân được cải thiện và góp phần cung cấp cho kháng chiến.

Chia sẻ với Bình - Trị - Thiên khói lửa. Dưới sự chỉ đạo của chi bộ, Ủy ban kháng chiến hành chính xã Đôn

(1) Một làng chiến đấu kiểu mẫu của tỉnh Quảng Bình.

Mỹ đã tổ chức 3 đợt huy động người dân đi dân công hoả tuyến theo tinh thần "Chung sức chiến đấu với Bình - Trị - Thiên". Hàng trăm người dân Đôn Mỹ tham gia đi dân công hoả tuyến với thời gian 3 đến 5 tháng. Người đi dân công với gồng gánh hàng hoá, gạo, vũ khí cho chiến trường, các khoá dân công đều phải vượt qua đèo Mụ Dạ, dốc U Bò, Ba Rền trên các dãy núi đá cheo leo vượt 300 - 400 km đường rừng hiểm trở mới đến được các địa điểm tập kết hàng cho mặt trận. Nhiều người đi về, sức khoẻ giảm sút, ốm thời gian dài.

Theo yêu cầu nhiệm vụ cách mạng ở giai đoạn này, theo chủ trương của cấp trên bộ máy chính quyền các xã cũng được tăng cường, chấn chỉnh đảm đương nhiệm vụ to lớn hơn, chủ trương sáp nhập xã nhỏ thành xã lớn, cuối năm 1948, hai xã Đôn Mỹ và Dỹ Long được sáp nhập thành một xã lớn là Mỹ Long. Chi bộ Đảng lúc này gồm có 110 đảng viên (trong đó xã Đôn Mỹ có 54 đồng chí) do đồng chí Thái Diệm làm Bí thư; đồng chí Phạm Bân được chỉ định làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính; đồng chí Thái Đăng Quỳ - Phó Chủ tịch.

Sau khi Chi bộ Đảng, chính quyền xã được thiết lập đã lãnh đạo nhân dân thực hiện phong trào thi đua có hiệu quả.

Trong nông nghiệp, nhờ chủ trương của chi bộ khai phá thêm diện tích đất đồi để trồng sắn, phục hoá đất bãi bồi Hói Bàu trồng rau màu, khoai lang và trồng mía. Diện tích trồng mía mỗi năm một mở rộng như ở các cánh đồng Nhà Rải, Cồn Véo, Đồng Quỵt, Đồng Du. Diện tích khai hoang

phục hoá lên tới gần 10 ha. Đời sống người dân được ổn định dần và có tiến bộ.

Công tác phát triển Đảng cũng được chú trọng, từ tháng 2 đến tháng 5-1949, chi bộ đã bồi dưỡng cảm tình Đảng và tổ chức lễ kết nạp lớp "Đảng viên 19-5" thêm 41 đồng chí đưa tổng số đảng viên Chi bộ Đôn Mỹ lên tới 104 đồng chí. Đến cuối năm 1949, chi bộ kết nạp thêm 20 đảng viên. Lớp "Đảng viên 19-5" là lớp đảng viên trẻ, năng nổ trong các công tác. Họ xứng đáng là những người đi tiên phong trong phong trào kháng chiến kiến quốc ở địa phương.

Chi bộ Đôn Mỹ được Huyện uỷ Hương Sơn biểu dương về nhiều mặt từ lãnh đạo phát triển sản xuất đến làm cầu cống, đắp đường đi lối lại, trật tự an ninh, xây dựng trường cấp 1 bằng gạch ngói, xây bao trụ sở tại Đình Làng, động viên dân công đi phá hoại đường 8... Huyện uỷ kết luận chi bộ Đảng Đôn Mỹ đã thực sự là một chi bộ đạt theo cách gọi "Chi bộ tự động công tác".

Triển khai cuộc vận động "một năm xây dựng dân quân" do tỉnh phát động với 5 yêu cầu: Mở rộng tổ chức, đẩy mạnh huấn luyện, sẵn sàng tác chiến, tự túc ăn mặc, tự túc vũ khí. Toàn xã tổ chức 2 đội dân quân nam tuổi từ 18-45 do các đồng chí cấp ủy hay đảng viên chỉ huy. Ngoài công tác huấn luyện trung đội vẫn phải luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, ứng phó với mọi tình huống. Toàn xã còn lập một đội lão dân quân, mỗi xóm có 1 tiểu đội dân quân do đồng chí tổ trưởng Đảng làm chính trị viên, tổ chức trong đội dân quân ở Mỹ Long do chưa có chế độ rõ

ràng nên kinh phí hoạt động dựa vào số lúa thu nhập trên 3 mẫu ruộng xã binh do xã cấp. Về vũ khí, trên cấp một phần vũ khí chủ yếu là đại đao, lựu đạn và một số đao kiếm do cá nhân tự tạo. Mùa thu năm 1949, số thanh niên xã Mỹ Long phấn khởi tình nguyện gia nhập Vệ Quốc đoàn do Tỉnh đoàn tổ chức. Số thanh niên ghi tên của xã đã vượt quá con số dự tính của cấp trên.

Tháng 2-1949, chi bộ Đôn Mỹ và chi bộ Dỹ Long hợp thành chi bộ Mỹ Long. Chi bộ liên xã Mỹ Long tổ chức Đại hội lần thứ I, gồm 110 đảng viên. Đại hội đề ra những chủ trương mới nhằm động viên nhân dân 2 xã đẩy mạnh công cuộc "kháng chiến kiến quốc" ở địa phương. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành gồm 6 đồng chí, do đồng chí Thái Diệm được bầu làm Bí thư chi bộ, đồng chí Cù Ngọc Ân trực đảng, đồng chí Phạm Bân được bầu làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính, chi bộ chia ra thành từng tổ Đảng để tiện sinh hoạt.

Đại hội đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ chính trị một năm ở xã đã đạt những thành tích xuất sắc về tuyển quân, về thu nộp thóc thuế, về thực hiện hiện các chỉ tiêu sản xuất, đặc biệt là năng suất sản lượng lúa, có bước tăng trưởng, hoạt động của các tổ chức đoàn thể đạt chất lượng cao như số người tham dự các cuộc họp đoàn thể gần như đầy đủ, đông vui, đã bàn định các nhiệm vụ là thực hiện ngay. Tuy vậy, vẫn còn những công việc chưa đạt yêu cầu cụ thể là chỉ đạo giảm tô.

Tháng 3-1950, tổ chức Mặt trận Liên Việt 2 xã sáp nhập thành Mặt trận Liên Việt xã Mỹ Long và cử ông Thái

Văn Chánh làm Chủ tịch Mặt trận, ông Lê Khải làm Phó ban Mặt trận xã.

Ngày 16-5-1950, dưới sự điều hành của Mặt trận Liên Việt, xã đã tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân xã khoá II tại 2 địa điểm bầu cử. Kết quả đã bầu 25 người vào Hội đồng nhân dân xã mới. Tiếp đó, Hội đồng nhân dân xã họp đã bầu ông Phạm Ngân làm Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính; ông Thái Đăng Quỳ làm Phó chủ tịch; uỷ viên uỷ ban gồm ông Lê Thái, Phạm Linh, Nguyễn Cảnh….

Ban công an xã do ông Nguyễn Mân làm trưởng ngành, ông Cù Thiện, Lê Thi, Lê Cúc ban viên.

3. Củng cố hậu phương, góp sức cùng cả nước đánh bại thực dân Pháp xâm lược (1951 - 1954)

Sau thắng lợi của chiến dịch Biên giới (9-1950), tình hình chiến tranh ở Đông Dương thay đổi có lợi cho ta. Tháng 2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được tiến hành. Đại hội quyết định đưa Đảng ra công khai hoạt động và lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Đại hội xác định mục tiêu cách mạng Việt Nam lúc này là: tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược và đánh bại can thiệp Mỹ, giành thống nhất, độc lập hoàn toàn, bảo vệ hoà bình thế giới. Sau Đại hội II, uy tín của Đảng càng được nâng lên, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và đường lối kháng chiến do Đảng vạch ra.

Chi bộ và Uỷ ban kháng chiến hành chính xã Mỹ Long tổ chức lễ mít tinh lớn tại sân vận động Dỹ Long chào mừng sự thành công của Đại hội Đảng toàn quốc, chào

mừng sự ra đời của Đảng lao động Việt Nam, tạo khí thế và niềm tin của người dân đối với Đảng, niềm tin thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Tháng 02-1951, chi bộ Mỹ Long tiến hành Đại hội lần II, tham dự Đại hội có 128 đảng viên. Đại hội bầu cấp ủy gồm 5 đồng chí. Đồng chí Thái Diệm được bầu làm Bí thư; ông Phạm Linh làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính.

Sau Đại hội chi bộ các tổ chức đoàn thể trong xã cũng được hình thành. Cán bộ được các tổ chức bố trí theo yêu cầu công việc và năng lực của từng người, mặt trận kêu mọi người đoàn kết, tránh sự chia rẽ và tránh hoạt động rời rạc, hoang mang, lo sợ do máy bay địch đã 2 lần đánh phá vùng Long Hạ vào tháng 9-1951 làm chết 10 người, trường Dỹ Long cũng bị địch đánh sập.

Về phát triển trường lớp, cả 2 trường cấp I của Đôn Mỹ và Dỹ Long đều tăng số lớp, học 2 ca, ca sớm và ca chiều.

Ở trong vùng từ tháng 9-1951, trường cấp 2 Bình Mỹ và trường cấp 2 Mỹ Long hợp nhất thành trường cấp 2 Nguyễn Huệ. Huyện còn mở thêm trường cấp 2 Hồ Tùng Mậu. Việc học tập của con em trong xã Mỹ Long được thuận lợi, tất cả con em đều được đến trường học tập.

Xã Mỹ Long có gần 20 ngôi đền chùa, chi bộ Mỹ Long có chủ trương hợp tự đền chùa. Sau một thời gian để các tổ chức góp ý nên hay không, Ủy ban kháng chiến hành chính tổng hợp ý kiến và đi đến nhất trí, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong năm đơn giản thủ tục lễ hội, người

dân không phải lo lễ cúng xôi thịt như trước kia, lại còn tiết kiệm được thời gian không phải tham dự nhiễu lễ hội. Các đền chùa được hợp tự về tại Đền Cả Đôn Mỹ. Đây là một ngôi đền to đẹp, rộng thoáng, cây cối um tùm, ngôi đền có cả thượng điện, trung điện, hạ điện rất uy nghiêm bề thế trong xã. Tuy vậy, việc làm trên cũng đã xảy ra chuyện khó lường, các ngôi nhà đền khác phải bán đi, cây cối xung quanh các đền đều bị huỷ hoại dẫn đến xóa sổ các di tích mà người xưa có công tạo dựng.

Trong thời gian này cuộc kháng chiến diễn biến theo chiều hướng có lợi cho ta. Hưởng ứng chiến dịch *"Lê Hồng Phong*" do tỉnh phát động từ tháng 5 đến tháng 10, Chi bộ Mỹ Long đã tổ chức nhiều cuộc họp chi bộ và kể cả triển khai các cuộc họp liên tịch, các cuộc họp của các tổ chức trong xã với quyết tâm "Hà Tĩnh không được thiếu người, thiếu của, không được thiếu một thứ gì cung cấp cho kháng chiến" và với tinh thần đó xã Mỹ Long đã huy động 5 đợt tuyển quân, qua các đợt tuyển quân xã nhà có tới gần trăm thanh niên nhập ngũ. Mặt khác, xã đã huy động các đợt đi dân công san lấp sửa chữa lại đường 8, huy động đóng lúa thuế đạt và vượt mức chỉ tiêu trên giao.

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội chi bộ lần II. Chi bộ họp tháng cuối năm đánh giá:

- Đảm bảo con số tuyển quân do huyện giao.

- Xã đã cắt cử hàng trăm người đi dân công hoả tuyến vào Bình Trị Thiên, Trung Lào, Tây Bắc. Số người đi dân công Ban y tế xã khám phân loại sức khoẻ A, B, C được

học tập điều lệ dân công, được mệnh danh là "Chiến sĩ" có vinh dự như bộ đội chiến đấu. Toàn xã có 49 người loại B đi làm kho thóc cho tỉnh 10 ngày.

- Về sản xuất, xã động viên người dân học tập kỹ thuật sản xuất lúa, khoai, hoa màu, chăn nuôi theo gương anh hùng lao động Hoàng Hanh để đạt hiệu quả cao trong sản xuất, chăn nuôi, xã đã tổ chức các cuộc họp bình xét những cá nhân, những gia đình tích cực thi đua sản xuất giỏi và cũng nêu chủ trương của Chi bộ đưa ra hình thức sản xuất lập theo tổ nhóm đổi công.

- Về chủ trương thu thuế nông nghiệp bằng thóc. Quán triệt chủ trương thu thuế nông nghiệp của Tỉnh và những hướng dẫn của ban thuế huyện Hương Sơn. Chi bộ Mỹ Long thống nhất thu thuế nông nghiệp theo hướng dẫn của trên. Thu thuế theo luỹ tiến về lợi tức, nghĩa là người nhiều ruộng phải nộp thuế cao hơn người có ít ruộng. Đây là một chủ trương mới nhằm dịch chuyển một phần ruộng đất của địa chủ về tay người nông dân làm cho khoảng cách giữa người giàu, người nghèo giảm dần. Thực hiện chủ trương này là thực hiện sự công bằng xã hội trong thời chiến.

Thuế do người nông dân nộp được gánh gòng vào địa điểm kho xóm 4 ở Bình Mỹ. Việc chuyển thóc thuế vào kho đi hằng 3-4 km cũng thật là mệt nhọc với người dân nhưng ai nấy cũng rất phấn khởi vì mình đã góp một phần mồ hôi công sức phục vụ giai đoạn tổng phản công của quân ta trên các chiến trường.

- Mặt khác nhiệm vụ động viên người đi dân công đắp

đê La Giang trong thời hạn 2 tháng từ tháng 6 đến tháng 7-1952 cũng là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Chủ trương của Chi bộ là lấy đủ số lượng người (Đôn Mỹ 96 người) và đối tượng huy động phần đông là nữ kể cả người trên 40 tuổi. Chi bộ cử đồng chí Nguyễn Đình Lương làm đội trưởng dân công đắp đê La Giang.

Xã cũng đã huy động nhiều đợt với TNXP đi dân công hoả tuyến, đi dân công đắp sửa lại đường 8.

Tháng 3-1952, Chi bộ Mỹ Long tổ chức Đại hội lần III tại nhà đồng chí Phạm Kiểm, tham dự đại hội có 103 đảng viên[1]. Đại hội đã tiến hành kiểm điểm lại mặt mạnh, mặt yếu của chi bộ từ khi sáp nhập xã đến nay. Về mặt mạnh, chi bộ đã xây dựng được mối đoàn kết, thống nhất trong toàn bộ đảng viên và nhân dân, hoàn thành các nhiệm vụ tại địa phương và của trên giao. Bên cạnh những mặt mạnh thì chi bộ còn bộc lộ những hạn chế là: công tác tuyên truyền, giáo dục để quán triệt tinh thần tích cực chuyển sang tổng phản công chưa sâu sắc nên có tư tưởng chủ quan; khi bị địch đánh phá thì một số đảng viên dao động, sợ địch, ngại hi sinh gian khổ. Đại hội bầu cấp ủy gồm 9 đồng chí. Đồng chí Thái Diệm được bầu làm Bí thư; đồng chí Thái Đăng Quỳ làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính.

Sau Đại hội, chi bộ đã có hướng khắc phục những tồn tại, khẳng định lại lập trường kháng chiến; thực hiện đúng theo Nghị quyết của Tỉnh ủy (ngày 20-3-1952) là:

(1) Vì một số đảng viên đã chuyển sinh hoạt đi làm ăn xa.

tập trung vào nhiệm vụ mấu chốt xây dựng Đảng để hoàn thành 2 nhiệm vụ: *phục vụ tiền tuyến, bảo vệ hậu phương; đẩy mạnh sản xuất đủ cung cấp cho mặt trận và cải thiện đời sống nhân dân.*

Trong năm 1953, Tỉnh uỷ Hà Tĩnh mở nhiều lớp chỉnh đốn Đảng, chỉnh quân nhằm khắc phục những tư tưởng hoang mang, sợ địch, sợ gian khổ của một số cán bộ, đảng viên. Chi bộ Mỹ Long tổ chức sinh hoạt hàng tháng theo định kỳ và sinh hoạt bất thường để đảng viên trong Chi bộ học tập các quan điểm đấu tranh giai cấp, quan điểm chiến tranh nhân dân, chống ảo tưởng hoà bình, tư tưởng tả khuynh, hữu khuynh, những âm mưu mới của địch và việc bảo vệ hậu phương.

Công tác tuyên truyền giáo dục đảng viên, cán bộ và quần chúng nhân dân được xúc tiến mạnh hàng tuần vào chiều thứ 7, chủ nhật để làm cho mọi người nhận rõ tình hình nhiệm vụ chuyển giai đoạn cuộc kháng chiến, sự suy yếu của đế quốc Pháp và trong bước đường cùng Pháp phải dựa hẳn vào đế quốc Mỹ, âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ đối với cách mạng nước ta.

Chi bộ cũng đã tổ chức cho đảng viên tự kiểm điểm về quan điểm lập trường của mình, tư tưởng tác phong vô sản, chống biểu hiện chủ nghĩa cá nhân. Qua tự kiểm của từng đảng viên, những biểu hiện tư tưởng của đảng viên về sự mơ hồ đường lối chiến tranh nhân dân, đấu tranh giai cấp dần dần được khắc phục.

Đầu năm 1953, xảy ra đói giáp hạt do mất mùa vụ

lúa bát 1952. Trong sản xuất vụ chiêm 1953 nhân dân biết sử dụng phân phốt phát ngoài yếu tố phân chuồng, phân tiêu, tăng cường làm cỏ nên năng suất lúa vụ chiêm 1953 đạt sản lượng khá cao. Năng suất từ 80 - 90 kg/ sào nên ở Đôn Mỹ tổng sản lượng ước tính gần 800 tấn. Vụ lúa bát 1953 cũng đạt kết quả tốt. Được mùa lúa cả 2 vụ nhân dân phấn khởi và cũng tạo điều kiện cho xã huy động sức người, sức của đạt mức cao nhất cho cuộc kháng chiến.

Tháng 5 và tháng 9-1953, xã Mỹ Long đã huy động 200 người đi tiếp tế vận tải phương tiện chiến tranh, gạo cho mặt trận Bình Trị Thiên và Trung Lào. Ở thời điểm này, có người đã đi dân công hoả tuyến năm 1952 thì sang năm 1953 lại được huy động và trong 2 năm có người đi 3 đợt dân công. Đội TNXP xã nhà đi sửa chữa đường 8 vào đầu năm đã làm tốt phần việc trên huyện giao.

Tháng 4-1953, cơ quan Huyện đội được thành lập lại, xã có Ban chỉ huy xã đội.

Trong năm 1953 việc thực thi các nhiệm vụ bảo vệ hậu phương, nhiệm vụ huy động sức người, sức của cho kháng chiến. Sức của đó là việc tận thu thuế nông nghiệp 1952, thu thuế nông nghiệp 1953. Qua các phong trào ở các đoàn thể đã xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu với thành phần cơ bản cho đi học đối tượng và sau đó được kết nạp vào Đảng.

Rút kinh nghiệm các vụ sản xuất trước, vụ chiêm xuân

năm 1954, xã tuyên truyền cho người dân áp dụng biện pháp thâm canh như sử dụng phân phốt phát, phân bắc, tăng đợt làm cỏ, sục bùn. Về giống, xã chủ trương tổ chức cấy đại trà giống Ré Quảng, giống Ré Đen chỉ làm ở chân ruộng thấp, giống nếp bù, nếp sơn, giống khoai lang mới có từ các huyện phía trong đưa ra.

Trên chiến trường, ngày 13-3-1954 quân ta mở màn chiến dịch đánh vào Điện Biên Phủ. Tổ thanh niên tuyên truyền của xã đọc trên chòi phát thanh mỗi xóm, tin chiến thắng từ mặt trận trở về. Người dân chờ đón từng bản tin và rất phấn khởi khi quân ta thắng lớn ở các mặt trận trên chiến trường. Khi được tin ngày 07-5-1954 quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ thì người người, nhà nhà, xóm làng vui nhộn hẳn lên, họ reo hò phấn khởi. Đảng và nhân dân xã nhà vô cùng phấn khởi, tự hào là đã đóng góp phần công sức nhỏ bé của mình vào chiến thắng vĩ đại của đất nước. Ngày 9-5-1954, Ủy ban kháng chiến hành chính xã đã tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại sân vận động Dỹ Long để chào mừng thắng lợi, rồi tổ chức đốt lửa trại, biểu diễn văn nghệ mãi tận khuya mới giải tán.

Trải qua những năm tháng chiến tranh, xã Mỹ Long đã có nhiều người con ra đi đánh giặc, đi dân công hoả tuyến, đi phá đường làm công sự rồi lại đi sửa lại đường 8, đi dân công đắp đê La Giang, làm nghĩa vụ đóng thuế... Người dân Mỹ Long rất tự hào vì đã làm hết sức mình phục vụ kháng chiến chống xâm lược.

Đời sống các gia đình trong thời chiến tranh đều thiếu

thốn, nhất là những tháng ngày giáp hạt, rồi gió Lào, bão lụt hàng năm làm mất mùa lúa bát, nên vẫn có một số gia đình bị đói tạm thời, nhưng nhờ sự tương trợ của đoàn thể, nhờ có chi bộ Đảng lãnh đạo, nhờ có cách mạng nên những khó khăn ở từng thời điểm rồi cũng qua đi. Con em trong xã được đến trường học tập. Nhận thức của con người được nâng lên, nhân dân lao động được hưởng mọi quyền lợi mà bao đời không thể có. Mỹ Long rất tự hào về Đảng quang vinh, về cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, về Bác Hồ kính yêu đã đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Kết thúc 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, toàn xã có hơn 120 người nhập ngũ trong số đó có 12 người đã hy sinh anh dũng trên các chiến trường, 7 người là thương binh; Mỹ Long có 10 người tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ đó là Hồ Thụ, Nguyễn Cường, Lê Xảo, Phạm Châu, Nguyễn Văn Toàn, Phan Tương, Lê Văn Đệ, Lê Văn Ky, Lê Đán, Nguyễn Đình Vọ. Trong đó có 7 người đã hy sinh là: Hồ Thụ, Nguyễn Văn Toàn, Phan Tương, Lê Văn Đệ, Lê Văn Ky, Lê Đán, Nguyễn Đình Vọ.

- Toàn xã có hơn 200 lượt người đi dân công hoả tuyến vào Bình Trị Thiên, Trung Lào, Tây Bắc (có người đi 3 đợt dân công).

- Tham gia đào hầm hào, công sự ước tính khoảng 5000 ngày công.

- Đắp đê La Giang ước tính 5160 ngày công có đợt đi 2 tháng liền.

- Xoá mùa chữ cho 500 người.

- Làm 3 gian nhà gỗ cho người tản cư.

- Làm nghĩa vụ đóng thuế bằng thóc cho Nhà nước gần 1.200 tấn thóc kể từ 1949-1954, nhiều người được Nhà nước tặng huân chương, huy chương.

Ông Nguyễn Đình Thuật, nguyên Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời xã được Thủ tướng Chính phủ tặng Huy chương kháng chiến chống Pháp.

Những thành tích ấy càng thôi thúc cán bộ, đảng viên và nhân dân Mỹ Long quyết tâm vượt mọi khó khăn, thử thách để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ quê hương giai đoạn tiếp theo.

CHƯƠNG III

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

I. HOÀN THÀNH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, KHÔI PHỤC KINH TẾ VÀ CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954 - 1960)

1. Hoàn thành cải cách ruộng đất (1954 - 1957)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được ký kết (21-7-1954), hòa bình được lập lại trên toàn miền Bắc Việt Nam. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Ở Hương Sơn, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi đã mở ra một trang mới trong lịch sử của huyện nhà.

Hương Sơn bước vào giai đoạn lịch sử với nhiều thuận lợi và cũng không ít khó khăn. Thuận lợi là hòa bình được lập lại, tinh thần cách mạng của quần chúng lên cao. Khó khăn là hậu quả chiến tranh nặng nề, nền kinh tế còn lạc hậu, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Tuy vậy, Đảng bộ và nhân dân huyện nhà tiếp tục phấn đấu thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ khôi phục kinh tế, cải tạo XHCN và đi lên xây dựng CNXH, chi viện cho tiền tuyến.

Trong thời kỳ mới của cách mạng, Đảng ta chủ trương tổ chức lại đơn vị hành chính cơ sở để phục vụ cho những bước đi cách mạng tiếp theo. Triển khai quyết định của Trung ương Đảng, Hội đồng chính phủ nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà quyết định giải thể các xã lớn, chia thành các xã nhỏ hơn. Tháng 9 năm 1954, Hội đồng Chính phủ ra Thông cáo về việc đổi tên các Uỷ ban kháng chiến hành chính thành Uỷ ban hành chính[1]. **Cuối tháng 9-1954, xã Mỹ Long chia tách thành 2 xã Sơn Long và Sơn Trà** với địa dư như Dỹ Long và Đôn Mỹ trước đây. Xã Sơn Trà vẫn có 11 xóm như Đôn Mỹ cũ với dân số khoảng 2.000 người và 1 chi bộ Đảng gồm 134 đảng viên được sắp xếp sinh hoạt theo tổ Đảng.

Để ổn định bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng, **tháng 10-1954, Đại hội chi bộ Sơn Trà lần thứ I được tổ chức**. Tham dự Đại hội có 109 đảng viên. Trên tình hình thực tế ở địa phương, Đại hội đề ra

(1) Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, số 9 năm 1954, tr.88

phương hướng nhiệm vụ trong giai đoạn tới là: *Tiến hành khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định tổ chức Đảng, chính quyền, đẩy mạnh phát triển sản xuất*. Đại hội bầu đồng chí Lê Hữu Vọ làm Bí thư chi bộ, đồng chí Lê Dượng làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Cùng với toàn huyện Hương Sơn, cuộc vận động cải cách ruộng đất ở Sơn Trà diễn ra rầm rộ nhất từ giữa năm 1955 đến giữa năm 1956. Đó thực sự là một cuộc cách mạng làm thay đổi toàn bộ hoạt động của xã, là một cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt nhất ở nông thôn. Đồng thời với việc cải cách ruộng đất là thực hiện chỉnh đốn tổ chức.

Tháng 6-1955, đoàn cải cách của Liên khu 4 đã phái các đội cải cách đợt 4 về các xã ở huyện Hương Sơn, trong đó có xã Sơn Trà thực thi luật cải cách ruộng đất. Đội cải cách ruộng đất về xã Sơn Trà do đồng chí Mai làm đội trưởng, đồng chí Ban làm đội phó.

Đội về kiện toàn lại các tổ chức quân dân chính đảng trong xã và các thôn xóm, tổ chức nhiều cuộc sinh hoạt chi bộ học tập kiểm điểm theo luật.

Đội về "bắt rễ" "xâu chuỗi", "rễ" "chuỗi" là những người đã từng làm tôi tớ cho nhà địa chủ, họ được đội tập trung bồi dưỡng chính trị về ý thức giai cấp, về thực thi các bước cải cách, về phương pháp đấu tố. Họ được kết nạp vào Đảng và được chỉ định làm lãnh đạo, họ là chỗ dựa của đội cải cách.

Đội về cùng ăn, cùng ở, cùng làm với "rễ" "chuỗi" rồi qua họ tổ chức lực lượng phát động quần chúng nhân dân

đấu tố một cách quyết liệt với khẩu hiệu "có khổ nói khổ, nông dân vùng lên".

Các cuộc đấu tranh tập trung tại từng xóm và quan trọng là tập trung tại đấu trường toàn xã, người nông dân qua đấu tố đã vạch mặt bản chất bóc lột của giai cấp địa chủ quan lại, vạch trần những người mà đội gọi là "Quốc dân Đảng" hoạt động chống phá cách mạng, chống Đảng. Đây là một cuộc đấu tranh "long trời lở đất" mối thù giai cấp được khơi dậy, nhen nhóm, những gia đình bóc lột bị cô lập hoàn toàn. Có thể nói:

- Những tháng ngày thực thi kế hoạch cải cách ruộng đất đã "Rung chuyển đất trời", toà án nhân dân xã được thiết lập ngay từ đầu cuộc đấu tranh, đã quy những gia đình địa chủ, địa chủ ác, những quan lại, cường hào phản động trong xã rồi bắt họ đi cải tạo.

- Với tinh thần "ngày sản xuất, đêm đấu tranh", nông dân Sơn Trà tích cực tham gia đấu tranh, vạch trần những thủ đoạn áp bức, bóc lột của địa chủ. Qua cuộc phát động quần chúng nhân dân toàn xã đã quy được 14 hộ là gia đình địa chủ, 28 hộ thành phần phú nông, hơn 50 hộ thành phần trung nông, 406 hộ thành phần bần cố nông. Các gia đình địa chủ bị tịch thu ruộng đất, nhà cửa, vườn tược, tài sản và chia lại cho nông dân, những người với thành phần bần cố nông được chia thêm nhà cửa, trâu, bò, bàn, ghế, giường, tủ, nồi đồng, mâm thau… mà qua tố đã tịch thu của địa chủ. Người nông dân cả xã theo quy định của chính quyền xã lúc đó, được đi cắm thẻ nhận ruộng. Họ thực sự đã là người chủ ruộng đồng, bình quân 2 sào 10 thước ruộng cho

1 nhân khẩu, số nhân khẩu toàn xã cuối năm 1955 là 2.060 người, 498 hộ.

Cuộc cải cách ruộng đất đã thu được thắng lợi to lớn và rất cơ bản, mục tiêu của cách mạng Việt Nam nêu trong "Luận cương chính trị 1930" của Đảng ta là "người cày có ruộng" đã thực hiện được, mơ ước ngàn đời của người nông dân đã được đáp ứng, uy quyền của địa chủ phong kiến ở Sơn Trà ngự trị ở nông thôn bao đời nay bị thủ tiêu hoàn toàn, nông dân lao động được giải phóng vĩnh viễn khỏi ách áp bức bóc lột của địa chủ phong kiến, quan hệ sản xuất phong kiến cơ bản bị xóa bỏ hình thành quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, tạo điều kiện cho sức sản xuất phát triển.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện cải cách ruộng đất, cũng như những địa phương khác trên toàn quốc, Sơn Trà đã mắc phải một số sai lầm, các đội cải cách nặng về đấu tố, truy bức tư tưởng, máy móc trong việc phân định thành phần (đảm bảo tỷ lệ 5% là địa chủ), mở rộng quá mức đối tượng đấu tranh; những cán bộ, đảng viên rất trung thành với cách mạng có quá trình hoạt động rất tích cực, năng nổ cho Đảng, cho dân lại bị đình chỉ công tác, có người bị quy là phản động, có thời điểm làm tê liệt hoạt động của chi bộ lúc đó. Việc đấu tố tràn lan, có trường hợp quy thành phần không đúng với quy định của luật, gò bó, có khi đúng, sai, thật, giả không phân biệt, tình đồng chí trong Đảng, tình anh em trong họ hàng, tình làng nghĩa xóm bị giảm sút, làm lung lay gốc rễ đạo lý cổ truyền từ lâu ở xã nhà.

Nguyên nhân cơ bản của những sai lầm, khuyết điểm kể trên là "do không nắm vững tình hình đặc điểm của địa phương, do trình độ nhận thức của cán bộ bị hạn chế, phương pháp công tác của cán bộ chủ quan, áp đặt, giáo điều, không lắng nghe ý kiến của quần chúng, của tổ chức, các đoàn đội hoàn toàn không dựa vào các tổ chức của địa phương mà dựa vào "rễ, chuội" để phát động quần chúng và chỉnh đốn tổ chức. Những sai lầm trong nhận định đánh giá, trong phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo của ủy ban, cải cách ruộng đất từ Trung ương đến Khu ủy đã tạo cho cán bộ Đoàn đội Hà Tĩnh mắc khuyết điểm sai lầm" (1).

Nhận rõ những thành công và cả những sai lầm trong cải cách ruộng đất ở miền Bắc, tháng 10-1956, Hội nghị lần thứ 10 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định những thắng lợi và vạch rõ những sai lầm nghiêm trọng trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Hội nghị chủ trương: "*Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được... nhằm đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, ổn định nông thôn, gây tinh thần phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất*" (2).

Dưới ánh sáng Nghị quyết Trung ương 10, công tác sửa sai được tiến hành từ tháng 10-1956 với phương châm "trên trước, dưới sau; trong Đảng trước, ngoài

(1) Lịch sử Đảng bộ Hà Tĩnh tập II (1954 -1975), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1957, trang 15, 16.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.17, tr. 558.

Đảng sau; sửa sai chỉnh đốn tổ chức trước, sửa sai cải cách ruộng đất sau".

Trong những ngày toàn Đảng, toàn dân Hương Sơn đang tập trung công tác sửa sai, ngày 15-6-1957, tỉnh Hà Tĩnh tự hào và vinh dự được đón Bác Hồ về thăm. Lời Bác dặn: "đoàn kết tốt để sửa sai thắng lợi" có sức lan tỏa đến tận các cơ sở, là nguồn sức mạnh to lớn góp phần ổn định tư tưởng, củng cố đoàn kết trong Đảng và nhân dân Sơn Trà về mọi mặt. Ngày 12-9-1957, Ban Thường vụ Huyện ủy họp và quyết định "Tập trung vào việc lãnh đạo các cấp ủy vào công tác sửa sai là công tác quan tâm bậc nhất". Nhờ thực hiện đúng các chủ trương, phương pháp sửa sai của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, công tác sửa sai ở Sơn Trà tuy gặp nhiều khó khăn nhưng đã tiến hành đúng quy trình, đến hết quý I năm 1958, công tác minh oan, sửa sai thành phần cơ bản hoàn thành. Uỷ ban hành chính xã đã rà xét theo tiêu chuẩn, số hộ địa chủ từ 14 rút xuống còn 7 hộ, số hộ phú nông phú nông từ 28 rút xuống còn 10, số hộ địa chủ quy sai được trả lại thành phần phú nông được trả lại nhà cửa, trâu, bò, dụng cụ sản xuất và ruộng vườn. Chi bộ đề nghị lên Huyện uỷ trả lại danh dự Đảng tịch cho 18 đồng chí bị quy oan. Để kiện toàn lại tổ chức, **tháng 7-1956, Sơn Trà đã tổ chức Đại hội chi bộ lần thứ II** với sự tham gia của 113 đảng viên. Đại hội chỉ rõ: tiếp tục làm tốt công tác ổn định về tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đẩy mạnh sản xuất, từng bước củng cố và xây dựng chính quyền, các đoàn thể. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành

mới gồm 7 đồng chí. Đồng chí Lê Đức Tính được bầu làm Bí thư chi bộ, đồng chí Lê Dượng giữ chức vụ Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã, đồng chí Nguyễn Đình Tương làm trực Đảng.

2. Lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục phát triển kinh tế, văn hoá (1958 - 1960)

Sau khi cải cách ruộng đất cơ bản được hoàn thành, năm 1958, Đảng ta triển khai thực hiện chủ trương lớn là cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế. Tại kỳ họp diễn ra từ ngày 16 đến 29-4-1958, Quốc hội đã thông qua "Kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế" (1958-1960). Tiếp đó các Nghị quyết Trung ương lần thứ 14 (11-1958) và lần thứ 16 (4-1959) đã quyết định triển khai thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc mà ở nông thôn là cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể trong các hợp tác xã, nhằm "xóa bỏ chế độ người bóc lột người ở nước ta, đưa lại đời sống ấm no cho toàn dân ta"[(1)].

Bước vào thực hiện nhiệm vụ mới, chi bộ Đảng và chính quyền Sơn Trà chăm lo xây dựng, kiện toàn tổ chức, củng cố khối đoàn kết, nhất trí trong nội bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể. **Đầu tháng 4-1958, Đại hội chi bộ lần thứ III được tổ chức.** Tham dự Đại hội có 142 đảng viên. Đại hội đã đề ra phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ này là:

(1) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1996, tr.156.

Tiếp hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, xây dựn nếp sống mới, phát triển văn hóa. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 7 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Xước làm Bí thư chi bộ, đồng chí Phan Tiếp chi uỷ viên giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, đồng chí Lê Đình Dục chi uỷ viên Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính, đồng chí Lê Văn Ngân giữ chức vụ trực Đảng.

Sau Đại hội, việc đầu tiên chi bộ quan tâm chăm lo xây dựng củng cố khối đoàn kết nhất trí trong chi bộ làm hạt nhân đoàn kết trong các tổ chức quần chúng. Các tổ chức quần chúng được kiện toàn, niềm vui, niềm tin trong nhân dân được khơi dậy. Trong xã hội ai cũng chăm lo làm ăn trên thửa ruộng được chia của mình, các gia đình đang hướng tới những nếp sống mới lành mạnh, xoá bỏ các thủ tục lạc hậu xưa kia như rượu chè, cờ bạc...

Trong lĩnh vực sản xuất: Chi bộ lãnh đạo nhân dân tiến hành củng cố và phát triển các tổ đổi công để hỗ trợ nhau trong sản xuất, tăng sức mạnh lao động. Chi bộ đã ra nghị quyết giao trách nhiệm cho Nông hội phát động trong đó đảng viên làm nông nghiệp phải đi đầu trong việc xây dựng tổ đội công. Cả xã có đến 20 tổ đổi công được thành lập tổ đổi công theo thời vụ. Phong trào làm thủy lợi được đông đảo các hộ dân tham gia nhất là các buổi đắp sửa đường đi sản xuất ngoài đồng ruộng. Các hộ dân đã tìm mua giống lúa Nam Ninh, Ré Quảng cấy thí nghiệm rồi cấy đại trà. Giống mía Quảng Đen được bà con thay thế giống mía Quảng Trắng.

Chi bộ phân công các đảng viên thử nghiệm và phổ biến

cho các hộ dân về các yếu tố kỹ thuật cần được quán triệt áp dụng như cày sâu, bừa kỹ, gieo mạ thưa, cấy dày, xử lý giống, làm cỏ, sục bùn cho lúa. Công cụ cày 51 được phổ biến trong xóm làng. Chi đoàn thanh niên phổ biến cách ủ làm phân xanh, nhân giống bèo dâu. Những kinh nghiệm làm mía, chế biến đường cát, đường phèn của người Sơn Trà đã có tiếng trong toàn huyện.

Bắt đầu từ năm 1959, trạm y tế xã phổ biến phong trào "3 công trình" để dân biết áp dụng vệ sinh giếng nước, làm nhà tắm, nhà tiêu. Hội phụ nữ xã triển khai cuộc vận động làm nhà trẻ, nhóm trẻ vào năm 1960.

Năm 1957, xã nhà bị bão lụt lớn làm mất mùa lúa và hoa màu nên nhiều gia đình bị đói và cái đói dai dẳng cả năm 1958. Vụ chiêm xuân 1959 nhờ nông dân áp dụng các yếu tố kỹ thuật mới trong sản xuất nên được mùa lớn, năng suất đạt 1,2 tạ lúa/sào; sản lượng toàn xã ước tính 960 tấn lương thực.

Sự ổn định tình hình chính trị đã thúc đẩy mọi mặt công tác. Tháng 2-1959, theo chủ trương của chi bộ, sự giải thích vận động người dân của cấp uỷ và đảng viên nên các xóm bắt đầu xây dựng Hợp tác xã cấp thấp. Phong trào khai hoang trên đồi núi trọc để trồng sắn được các gia đình tham gia với diện tích 4-5 ha đất trồng sắn.

Do sự hoạt động tích cực năng nổ của các đồng chí đảng viên và thực tế các Hợp tác xã thành lập trước trong vùng thuộc 7 xã làm ăn có hiệu quả nên bà con nhận thấy rõ tổ đổi công theo từng vụ hay tổ đổi công

thường xuyên hay nhóm sản xuất chỉ là những tổ chức liên kết mang tính chất phường hội, vẫn bảo lưu chế độ tư nhân về tư liệu sản xuất, không tạo ra được quan hệ sản xuất XHCN và như vậy chưa thể xoá bỏ tận gốc tình trạng phân hoá giàu nghèo trong nông thôn. Vấn đề cơ bản là thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Thực tế những Hợp tác xã được tổ chức trước, những Hợp tác xã điển hình trong huyện đã thể hiện tính vượt trội của lối làm ăn tập thể và cũng thể hiện sức mạnh về làm thuỷ lợi đắp đập, ve bờ, tát nước ở những chân ruộng cao, bậc thang hoặc tính cộng đồng về khai hoang phục hoá diện tích… Vì vậy, mỗi khi người nông dân nhận ra cái lợi, cái bất lợi nếu không vào Hợp tác xã nên người nông dân phấn khởi hưởng ứng phong trào Hợp tác xã. Họ tự nguyện hiến ruộng đất đã được chia năm cải cách ruộng đất, trâu, bò, công cụ cày bừa gia nhập Hợp tác xã. Các Hợp tác xã nông nghiệp cấp thấp ở Sơn Trà lần lượt được tổ chức:

Năm 1959, Hợp tác xã xóm Pheo được tổ chức do ông Nguyễn Cẩn làm chủ nhiệm, Hợp tác xã có 2 đội sản xuất. Đầu năm 1960, Hợp tác xã xóm Thai, xóm Hiu được tổ chức do ông Nguyễn Đức Quang làm chủ nhiệm.

Đầu năm 1960, Hợp tác xã xóm Cừa, xóm Loan được tổ chức do ông Nguyễn Nghi làm chủ nhiệm. Cũng trong năm 1960, Hợp tác xã xóm Hầu được tổ chức do ông Lê Văn Hành làm chủ nhiệm. Rồi các Hợp tác xã xóm Tràng, xóm Hội, xóm Hương, xóm Trè lần lượt được tổ chức trong năm 1960.

Để có thêm diện tích sản xuất các Hợp tác xã còn lập các tổ đi phát rẫy khai hoang, trồng ngô.

Hợp tác xã xóm Thai cử 1 tổ hơn 10 xã viên đi khai hoang diện tích 3 ha đất trồng ngô ở Đượng Dẻ. Hợp tác xã xóm Cùa - Loan khai hoang đất ở Đượng Bù với diện tích 1,5 ha trên địa bàn xã Sơn Hồng. Hợp tác xã xóm Hầu, Tràng đi phát rẫy khai hoang đất trồng ngô ở Hương Điền, Hương Khê với diện tích 3 ha.

Tính đến cuối năm 1960, Sơn Trà đã có 80% số hộ dân gia nhập Hợp tác xã nông nghiệp. Thành tích đó là cả một quá trình giải thích vận động kiên trì của đội ngũ Đảng viên, tính gương mẫu của đảng viên, sự chỉ đạo kiên quyết của Chi uỷ Chi bộ.

Cùng với phong trào thi đua sản xuất các phong trào y tế, giáo dục cũng có nhiều tiến bộ. Bắt đầu từ năm 1959, Trạm y tế xã phổ biến phong trào "3 công trình " để dân biết áp dụng vệ sinh giếng nước, làm nhà tắm, nhà tiêu. Hội phụ nữ xã triển khai cuộc vận động làm nhà trẻ, nhóm trẻ vào năm 1960. Sơn Trà có trường cấp I bằng gạch ngói với số lượng 8 lớp do thầy giáo Nguyễn Phan Viên làm hiệu trưởng, trường cấp II Sơn Trà có 4 lớp (con em xã Sơn Trà và xã Sơn Long có chung 1 trường cấp II). Trường cấp II Sơn Trà do thầy Phạm Đình Thế làm hiệu trưởng. Tổng số học sinh 2 cấp ở Sơn Trà là 530 học sinh, học sinh xã Sơn Long học trường cấp II Sơn Trà là 260 học sinh.

Về tổ chức Đảng: Theo chỉ đạo của Huyện uỷ, các chi bộ được chuyển lên thành Đảng bộ. Chi bộ Sơn Trà được

chuyển thành Đảng bộ xã Sơn Trà. Về mặt tổ chức Đảng bộ chia thành 6 chi bộ, cứ 2 xóm thành lập 1 chi bộ và 1 chi bộ liên trường với 3 đảng viên. **Đầu tháng 3-1960, Đảng bộ Sơn Trà tổ chức Đại hội lần thứ I (nhiệm kỳ 1960-1963) tại Đình làng.** Tham dự Đại hội có 144 đảng viên. Nghị quyết đại hội ghi nhận công cuộc cải tạo các thành phần phi XHCN diễn ra nhanh chóng và đã thu được thắng lợi to lớn cơ bản nhất, đó là việc hướng người nông dân vào con đường làm ăn tập thể, vào Hợp tác xã.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 5 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Xước được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Đình Lương làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, đồng chí Lê Thị Hảo làm trực Đảng.

Sau Đại hội, Đảng uỷ chủ trương mở đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng và toàn dân gọi là đợt "Giáo dục đảng viên" mùa xuân năm 1960 với thời gian học tập trong 3 ngày. Sau cuộc học tập ở Đảng bộ là đợt giáo dục cho cán bộ ngoài Đảng và bà con xã viên về tình hình nhiệm vụ cách mạng giai đoạn 1961- 1965. Trước mắt là làm tốt công việc năm 1960, 1 năm chuyển giai đoạn từ cải tạo kinh tế 3 năm sang giai đoạn thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965).

Qua đợt sinh hoạt chính trị mùa xuân, mỗi cán bộ, đảng viên và mọi người dân đều nhận thức sâu sắc về con đường phát triển của xã hội ta. Miền Bắc tiến lên CNXH không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, miền Bắc đi lên xây dựng XHCN cùng với nhiệm vụ đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Tư tưởng của đảng viên và

nhân dân phải thông suốt là từ bỏ con đường làm ăn cá thể, hướng vào làm ăn tập thể, kinh tế tập thể, gắn cuộc sống của gia đình mình, bản thân mình vào kinh tế tập thể. Kinh tế phụ gia đình chỉ còn trên mảnh đất 5%. Tuy vậy, chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, cộng với đầu óc cá nhân, đã tồn tại hàng ngàn năm thì làm sao mà một lúc nhất thời được loại bỏ. Cuộc đấu tranh mà lúc đó gọi là cuộc đấu tranh "Ai thắng ai" giữa đầu óc tư hữu, nhỏ nhen vun vén, ích kỷ với tư tưởng tập thể, với lập trường của giai cấp công nhân, với thế giới quan Mác - Lênin và nhân sinh quan cộng sản sẽ còn diễn ra lâu dài quyết liệt.

Đảng uỷ luôn theo dõi từng bước chuyển biến của đảng viên cùng với việc tổ chức sinh hoạt chi bộ hàng tháng. Trong đó, có nội dung học tập các bài viết của Hồ Chủ tịch quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Một số đảng viên do tư tưởng thành phần chủ nghĩa, thành phần bần cố nông, mà đầu óc hẹp hòi, còn nhiều định kiến không đúng với tầng lớp trên thuộc thành phần bóc lột và con em của họ. Đảng uỷ nhận biết những luồng tư tưởng đó và tìm cách giáo dục.

Tháng 9-1960, Sơn Trà bị ảnh hưởng khá nặng của bão lụt, có hơn 200 gia đình bị ngập lụt, mùa màng lúa hè thu bị mất trắng, dồn bà con Sơn Trà vào thế đói khổ. Đảng uỷ chỉ đạo các chi bộ động viên các Hợp tác xã trồng nhiều khoai lang vụ đông để chống đói. Nhờ sự cố gắng sản xuất vụ đông của bà con xã viên và nhờ thóc dự trữ của các Hợp tác xã chia về các hộ gia đình.

Như vậy, những thành tích trong cải tạo và xây dựng của Sơn Trà, những thiếu sót và sai lầm từ khi kết thúc

chiến tranh chống Pháp đến hết năm 1960, Đảng uỷ đã biết cách tổng hợp rút ra những bài học kinh nghiệm, coi đó là cái nền, điểm xuất phát để Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà thực hiện thắng lợi Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) trong xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội xã nhà.

II. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 - 1965)

Tháng 9-1960, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng khai mạc tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã xác định đường lối cách mạng nước ta trong thời kỳ mới và thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) xây dựng bước đầu cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH và tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN.

Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, của huyện đã soi sáng con đường đi tới của Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà. Mặt khác, từ sau Đại hội Đảng bộ xã Sơn Trà tháng 3-1960 Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy được tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động, Uỷ ban hành chính xã, mặt trận, các đoàn thể, lực lượng dân quân đều được củng cố thêm một bước.

Tháng 4-1961, Trung ương Đảng mở cuộc vận động xây dựng chi bộ Đảng bộ 4 tốt, phát động phong trào thi đua học tập cách làm ăn của Hợp tác xã nông nghiệp "Đại phong" ở tỉnh Quảng Bình, còn gọi là gió "Đại phong", ngành giáo dục học tập bài học kinh nghiệm

trường Bắc Lý, tỉnh Hà Nam về thực hiện các nguyên lý giáo dục của Đảng.

Đảng uỷ triển khai cuộc vận động bằng việc giao chỉ tiêu phấn đấu cho mỗi Đảng viên, mỗi một chi bộ tổ Đảng phấn đấu đạt chỉ tiêu:

- 50% chi bộ đạt 4 tốt xuất sắc

- 60% đảng viên đạt 4 tốt xuất sắc.

- Không có đảng viên không được xếp loại.

Mặt khác, Đảng uỷ triển khai học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III. Thông qua nâng cao ý thức trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu của người đảng viên, thực hiện nghiêm kỷ luật Đảng, phân loại đảng viên theo định kỳ 6 tháng và cuối năm.

Tiếp đó Đảng uỷ triển khai việc thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ, xây dựng phong trào "3 ngọn cờ hồng".

Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ và sau một thời gian đóng cổ phần (2,5 đồng trên 1 cổ phần). Tháng 6-1963, Đại hội Hợp tác xã mua bán thu hút 40% cử tri tham gia. Đại hội bầu ông Lê Thái làm cửa hàng trưởng, ông Lê Đình Dục làm kế toán, cùng thời gian này Đại hội Hợp tác xã tín dụng với 52% số hộ tham gia do ông Lê Thuận làm chủ nhiệm.

Đối với ngọn cờ hồng Hợp tác xã nông nghiệp, học tập "Đại Phong" ở các biện pháp liên hoàn trong sản xuất, nước, phân, cần, giống. Dùng xe cải tiến thay sức người thực hiện các biện pháp du nhập giống mới và phát triển đàn trâu, bò, lợn và gia cầm.

Ngày 20-4-1963, Đại hội Đảng bộ Sơn Trà khóa II, (nhiệm kỳ 1963-1966) được tổ chức tại Đình làng. Tham dự Đại hội có 154 đảng viên. Đại hội đã kiểm điểm lại tình hình thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 1960-1963, nhận định những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà đã đạt được. Đồng thời, chỉ ra những mặt còn hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trên cơ sở những thành công và tồn tại đó, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho Đảng bộ trong nhiệm kỳ tới là: tiếp tục củng cố, phát triển hợp tác xã nông nghiệp, thực hiện tốt cải tiến hợp tác xã nhằm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp…

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 5 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Đình Lương được bầu giữ chức Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Lê Đức Tính giữ chức vụ Phó bí thư trực Đảng, đồng chí Lê Tam giữ chức Phó bí thư Đảng uỷ phụ trách chính quyền trực tiếp làm Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã.

Đại hội Đảng bộ xã lần thứ II thể hiện một tinh thần đoàn kết thống nhất cao trong Đảng bộ, tư tưởng tiến công cách mạng, không ngại gian khổ.

Sau Đại hội một phong trào thi đua sôi nổi rộng khắp trong toàn xã. Công cụ sản xuất được cải tiến, loại bỏ cày chìa vôi thay công cụ cày 51, cày 59, dùng đại trà xe Kiến An được Huyện uỷ đánh giá cao. Sơn Trà đã tăng diện tích trồng mía lên 20%, diện tích khai hoang trồng sắn, đặc biệt là công tác đắp đập làm thuỷ lợi.

Từ năm 1965, các Hợp tác xã tổ chức và quản lý các nghề phụ, lập tổ sửa chữa nông cụ, các tổ đội làm gạch. Hợp tác xã Mỹ Phong lập tổ sản xuất gạch ở Rú Cầu, tổ làm gạch ở Cồn Tia.

Dựa theo các văn bản hướng dẫn của huyện, năm nào xã nhà cũng tổ chức huấn luyện dân quân, tổ chức cho thanh đi khám tuyển, xã Sơn Trà là đơn vị luôn được Huyện đội biểu dương về thành tích tuyển quân đạt và vượt mức chỉ tiêu Huyện giao. Sơn Trà có 122 thanh niên đủ điều kiện nhập ngũ.

Năm 1965, các Hợp tác xã nhỏ lẻ chuyển lên Hợp tác xã liên xóm, các Hợp tác xã xóm Pheo, xóm Thai, xóm Cùa hợp nhất thành 1 Hợp tác xã gọi là Hợp tác xã Trà Mỹ. Đại hội xã viên bầu ông Nguyễn Đức Quang làm chủ nhiệm.

Các Hợp tác xã xóm Ri, xóm Hầu, xóm Tràng được hợp nhất thành 1 Hợp tác xã lấy tên là Hợp tác xã Hương Trà. Đại hội xã viên bầu ông Lê Hán làm chủ nhiệm.

Các Hợp tác xã xóm Hội, xóm Hương, xóm Trè được hợp nhất thành 1 Hợp tác xã lấy tên là Hợp tác xã Mỹ Phong. Đại hội xã viên bầu ông Lê Tài làm chủ nhiệm.

Như vậy tính đến giữa năm 1965 ở Sơn Trà có 3 Hợp tác xã cấp thấp liên thôn tổ chức xóm bị bãi bỏ, các tổ, các phân chi của các đoàn thể quần chúng, của dân quân, công an được tổ chức theo đơn vị đội sản xuất.

Hưởng ứng cuộc vận động thi đua năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi và phong trào làm thuỷ lợi năm 1964-1965 Hợp tác xã Mỹ Phong huy động lao động đắp

đập Khe Nác, mỗi ngày có đến 40 - 50 người làm trên công trường. Đập Khe Cấm khi được hoàn thành sẽ đảm bảo nước tưới cho Đồng Hung, Đồng Trởng, Cựa Trùa. Hợp tác xã Trà Mỹ tổ chức cho xã viên đắp đập Khe Tám. Lực lượng thanh niên, dân quân là đội quân chủ lực của 3 Hợp tác xã tổ chức làm thuỷ lợi. Huyện uỷ ra Nghị quyết chuyên đề với chủ trương hợp tác hoá với thủy lợi hoá, lấy thủy lợi là biện pháp hàng đầu để giải quyết vấn đề lương thực và yêu cầu các Hợp tác xã phải kiến thiết lại đồng ruộng cho phù hợp với dẫn nước, giữa năm 1964 Đảng uỷ mới lên bản đồ quy hoạch thủy lợi. Hưởng ứng chiến dịch thủy lợi "Bồng Sơn" do Huyện phát động, Đảng uỷ phân công đồng chí Nguyễn Đình Lương chuyên phụ trách lên hồ sơ quy hoạch thủy lợi, phân vùng phân thửa để vừa đắp giữ nước, vừa hình thành những con đường. Theo bản sơ đồ tính từ những cánh đồng giáp giới với đồng ruộng xã Sơn Long đến vùng đồng ruộng xã Sơn Bình có tất cả 33 con đường trục vùng, trong đó có 7 đường trục chính gồm:

- Đường trục Trà Ả từ ngõ ông Cảnh đến Trọt Rả dài 1,5 km.

- Trục giếng Hầu đến Rú Rã dài 1,5 km. Trục từ ngõ ông Ngơn đến Cồn Míu dài 1,7 km.

- Trục từ cửa Đình Làng tới cựa Vũng Díu dài 1,6 km.

- Trục từ Cầu Bùng đến Bàu Thai dài 1 km hay còn gọi là trục phụ nữ.

- Trục Hiu dài 800 m.

- Trục Khe Hối dài 1 km.

Tất cả có 26 đường vùng, vùng cách vùng 50 m.

Sau đó tổ chức cho dân làm rồi lắp đặt cái trạm bơm dầu dẫn nước tưới các cánh đồng cao hay bị hạn. Đó là một cố gắng lớn của Đảng bộ Sơn Trà trong những năm 1965-1966 Hợp tác xã kết hợp thủy lợi hoá.

Để thực hiện kế hoạch thủy lợi, tức là hình thành cho được 7 đường trục chính, 26 đường vùng ở tất cả các cánh đồng trong toàn xã.

Ban thủy lợi xã đã xác định phải thực thi nhiệm vụ trong nhiều năm. Được sự nhất trí của Ban Chấp hành Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Đình Lương đã thành lập đội thủy lợi xã, gọi là đội "202" chuyên làm thủy lợi, hưởng theo công điểm và có sự hỗ trợ của Ban nông nghiệp huyện. Mặt khác, đồng chí Nguyễn Đình Lương còn nhờ đội kỹ thuật sản xuất của huyện xác định chất đất thuộc từng cánh đồng để biết được thuộc tính đất đai các vùng. Sau một thời gian về sau, đội xác định thuộc tính đất đai ở một số vùng như sau:

- Vùng Đồng Tung (2 thửa), Đàng Dải, Đồng Quai, Cầu Vằn, những vùng ruộng tốt nhất toàn xã có độ PH từ PH_6 -PH_7.

- Các xứ đồng ruộng vùng 4, vùng 5, Đàng Vại, Cồn Chăm, Đồng Bến, Vùng Hói ở xa làng mạc, Hội Lau .. có độ $PH_{5,5}$ -PH_6.

- Những cánh đồng Cựa Trộ, Đồng Trưởng, Bàu Tắt, Đồng Bàu, Đồng Trà có độ PH_4 - $PH_{5,5}$.

- Các xứ đồng Khe Hối, Đồng Soi, Cựa Trùa, Cựa Háp, Đàng Bắt có độ chưa cao, độ PH từ $PH_{3,5}$ - $PH_{4,5}$.

- Các xứ đất màu ở các cánh đồng Đông Bến, Đông Dời, Đồng Tùng, Cồn Gịa còn mang tính kiềm, khó làm đất …

Từ năm 1962 -1965 xã cử 4 đợt dân công tham gia đắp đê Tân Long, mỗi đợt hơn 40 người góp phần hoàn thành đê Tân Long có đi qua địa phận xã (đê Tân Long dài 11,8 km).

Phong trào giáo dục xã nhà phát triển, ngoài các lớp phổ thông trường cấp II Sơn Trà còn mở 3 lớp học bổ túc với số học viên 78 người, 2 lớp 5 và 1 lớp 6. Phần đông là đoàn viên thanh niên 2 xã, cán bộ, đảng viên 2 xã. Nhiều người đã trưởng thành từ việc học tập ở trường Sơn Trà như chị Sâm sau làm cán bộ phụ nữ huyện, chị Nhơn sau đó được bầu làm Bí thư Huyện đoàn, anh Lê Cu và nhiều cán bộ của 2 xã cũng trưởng thành qua các lớp học bổ túc văn hoá tại trường cấp II Sơn Trà.

Từ năm 1963 trở đi diện tích trồng mía tăng lên, những cánh đồng Nhà Rải, Cồn Véo, Đồng Quỵt, Bãi Bàu đều trồng mía Quảng Trắng, năng suất đạt 52 tấn mía 1 ha. Người dân no đói nhờ có thêm mía mật. Năm 1965 các cụ phụ lão đã tổ chức nhiều đợt trồng cây bạch đàn 2 bên bờ đê, cả đê Cựa Háp, các bãi ven khe suối và quanh Đền Cả với số cây lên tới 5.000 cây đến 6000 cây.

Năm 1964, Huyện uỷ có chủ trương cải tiến Hợp tác xã theo nội dung 5 quản: Quản lý sản xuất, lao động, vật tư,

sản phẩm và tài vụ để xã viên có điều kiện làm chủ tham gia quản lý Hợp tác xã. Đó là một chủ trương lớn của Đảng bộ cần được bàn bạc, giải quyết ở kỳ đại hội tiếp theo.

Tháng 8-1964, đế quốc Mỹ dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ" mở đầu một giai đoạn leo thang chiến tranh. Đầu năm 1965, Mỹ ồ ạt ném bom miền Bắc. Sự lãnh đạo của Đảng bộ lúc này là phải kết hợp với tư thế vừa sản xuất, vừa chiến đấu, sẵn sàng đánh trả máy bay địch ở mọi lúc, mọi nơi.

Nhìn lại 10 năm hoà bình 1954-1964 tuy vấp váp nhiều khó khăn, phức tạp, chi bộ Sơn Trà và đến năm 1960 là Đảng bộ Sơn Trà đã lãnh đạo nhân dân hoàn thành cuộc phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, từng bước xoá bỏ lối làm ăn nhỏ lẻ, xây dựng Hợp tác xã, hình thành quan hệ sản xuất mới. Chặng đường 10 năm chúng ta đã hoàn thành công tác sửa sai cải cách ruộng đất. Tính cả năm 1965 xã đã hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp, 100% hộ dân vào Hợp tác xã, ruộng đồng cải tạo thành ô thửa để đắp giữ nước xây dựng kênh mương dẫn nước lắp đặt các máy bơm dầu 13 hay 18 mã lực. Các công trình thủy lợi Khe Cấm, Khe Tám được đắp chặn dòng bước đầu sử dụng nguồn nước tưới. Kỹ thuật canh tác có nhiều tiến bộ về giống, công cụ cải tiến, công tác bảo vệ trị an quốc phòng đảm bảo tốt. Công tác tuyển quân luôn dẫn đầu toàn huyện. Đảng bộ có thêm kinh nghiệm lãnh đạo các phong trào. Vai trò của chính quyền và các đoàn thể được phát huy mạnh mẽ.

Trong 2 năm 1964, 1965 nhờ áp dụng các biện pháp liên

hoàn trong sản xuất, du nhập một số giống lúa mới, nên năng suất và sản lượng tăng lên đạt tổng sản lượng 915 tấn thóc (1,3 tạ/sào) đặc biệt là mía tăng lên đáng kể. Nhờ đó mà thu nhập bình quân đầu người cao hơn 1963 lên 10% (85 kg đến 100 kg). Cuộc sống người dân mỗi năm một cải thiện, nhiều hộ dân sửa sang hay làm mới nhà gỗ bền vững hơn trước, có tới 11% nhà lợp ngói, con em lớn lên học hành không lo thiếu trường lớp, đã có nhiều em học tập giỏi, thi đậu Đại học. Từ năm học 1965-1966 các lớp học sơ tán vào xóm Ri, xóm Trè và xóm Long Trung. Lớp học chìm dưới mạng lưới hầm hào, học sinh đội mũ rơm đi học. Chiến tranh lan ra Miền Bắc, đa số học sinh Sơn Trà học xong cấp 3 đều gia nhập quân đội. Từ năm 1965 đến 1968 có đến hơn 100 học sinh Sơn Trà học xong cấp 3 đi làm nghĩa vụ quân sự.

Càng về sau, chiến tranh ngày càng ác liệt, Sơn Trà phải làm thế nào để năm nào cũng đủ quân số, đóng đủ thóc thuế, cân đủ lợn hơi theo chỉ tiêu cho Nhà nước, làm thế nào để đảm bảo đời sống người dân, tính mạng của cải người dân trong chiến tranh. Làm thế nào để Hợp tác xã kết hợp với thuỷ lợi hoá như Huyện uỷ nêu lên? Biết bao câu hỏi đặt ra để rồi cấp ủy, chính quyền phải tìm cách giải đáp.

III. XÂY DỰNG, CỦNG CỐ TIỀM LỰC HẬU PHƯƠNG, CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN (1965 - 1973)

1. Nhân dân Sơn Trà góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)

Giữa lúc nhân dân miền Bắc đang ra sức thi đua hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), đế quốc

Mỹ điên cuồng chuyển sang chiến lược "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc nhằm cứu vãn nguy cơ thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ cho máy bay đánh phá cửa sông Gianh (Quảng Bình), Vinh - Bến Thủy (Nghệ An), Lạch Trường (Thanh Hóa) và thị xã Hòn Gai (Quảng Ninh). Đến đầu tháng 2-1965, lấy cớ trả đũa quân giải phóng tiến công sân bay và doanh trại quân Mỹ ở Plâycu, chúng tăng cường dùng không quân, hải quân đánh phá liên tục, dữ dội miền Bắc.

Chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (1965), đế quốc Mỹ đã huy động một lực lượng không quân, hải quân lớn với hơn 50 loại máy bay phản lực hiện đại đánh phá ác liệt, liên tục suốt ngày đêm. Tất cả các mục tiêu quân sự, đầu mối giao thông, nhà thờ, nhà máy, hầm mỏ, công trình thủy lợi, bệnh viện, trường học đều trở thành trọng điểm đánh phá của máy bay Mỹ. Cũng như nhiều địa phương khác ở miền Bắc, trên địa bàn Hương Sơn, địch dùng máy bay phản lực đủ loại, kể cả B52 đánh tập trung, dai dẳng suốt ngày đêm vào các trục đường giao thông và các đoàn tàu, xe, thuyền bè, nhằm ngăn cản sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam. Chúng cũng đánh phá có tính hủy diệt vào các cụm dân cư, đê điều, các công trình thủy lợi, y tế, văn hóa, giáo dục, chợ búa, đền chùa. Trước diễn biến gấp rút của tình hình, vào đầu tháng 12-1964, Đảng bộ huyện Hương Sơn tiến hành Đại hội, đề ra chủ trương "xây dựng lực lượng quốc phòng an ninh, xây

dựng thế trận chiến tranh nhân dân, kết hợp kinh tế với quốc phòng, vừa giữ vững và đẩy mạnh sản xuất, công tác trong mọi tình huống, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ biên giới, bảo vệ địa bàn dân cư, bảo vệ sản xuất, bảo đảm giao thông vận tải, làm tròn nhiệm vụ chi viện chiến trường". (1)

Trước hành động leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ, Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và lần thứ 12 (12-1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) hạ quyết tâm: "Động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào" (2). Ngày 17-7-1966, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do".

Sau 10 năm hòa bình, Đảng bộ Sơn Trà đã lãnh đạo nhân dân cơ bản hoàn thành công cuộc cải tạo đối với các thành phần kinh tế, 90% số hộ nông dân vào Hợp tác xã nông nghiệp, tín dụng, mua bán. Đó là những thuận lợi cơ bản đối với việc huy động nhân tài vật lực phục vụ cho kháng chiến. Lực lượng công an, dân quân và các mặt y tế, giáo dục phát triển. Tổ chức Đảng không ngừng được

(1) Trích "Lịch sử Đảng bộ huyện Hương Sơn, tập II, Nxb văn hóa - thông tin, 2001, tr.164

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam; Văn kiện Đảng toàn tập - Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội năm 2003 - Tập 26, tr. 634.

cũng cố. Tuy nhiên trước những thuận lợi, còn gặp nhiều khó khăn như trình độ phát triển kinh tế còn yếu, cơ sở vật chất chưa có gì, sản xuất nông nghiệp còn lạc hậu, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

Hòa chung khí thế quật cường của toàn miền Bắc, nhân dân Sơn Trà khẩn trương chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, quyết tâm bảo vệ quê hương, dồn sức người, sức của tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần không nhỏ trong sự nghiệp chung của cả dân tộc.

Tháng 8-1966, Đảng bộ xã Sơn Trà tổ chức Đại hội Đảng bộ khoá III (nhiệm kỳ 1966-1969) tại Đình làng. Tham dự Đại hội có 182 đảng viên. Căn cứ vào chủ trương của Trung ương Đảng, của Tỉnh và Huyện ủy, Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ này là: chuyển hướng mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến; bố trí lại lực lượng hợp lý để đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ quê hương, vừa ổn định đời sống nhân dân vừa chi viện tối đa cho chiến trường.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 5 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Đình Lương được bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Lê Tam giữ chức vụ Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã, đồng chí Lê Ngọc Tài uỷ viên trực.

Sau Đại hội Đảng bộ đã đề ra nhiệm vụ trước mắt là:

1. Khẩn trương kiện toàn cũng cố lực lượng dân quân, du kích, tự vệ nhằm tăng cường sức chiến đấu, bổ sung các đồng chí đảng viên vào các tổ tuần tra canh gác sẵn sàng chiến đấu.

2. Tiếp tục củng cố đào hầm hào ở các nơi công cộng, trụ sở, trạm xá, trường học và ở mỗi gia đình, lên sơ đồ bố trí phòng canh gác bảo vệ các lớp học của trường sư phạm bổ túc, các điểm đóng quân của các đơn vị quân đội trên địa bàn.

Thực hiện Chỉ thị 37 của Huyện uỷ Hương Sơn về tăng cường công tác phòng không, Đảng uỷ cho lập ở các đội sản xuất, những nhóm kiểm tra hầm hào của từng hộ dân. Gia đình nào cũng phải có hầm hào kiên cố, hầm tròn, hầm chữ A để người già, trẻ em cũng như toàn gia đình ban đêm ngủ trong hầm.

Đầu năm 1967 xã đội trưởng là Nguyễn Đức Quang đã cho thành lập các tiểu ban phục vụ nếu Mỹ ném bom gây tội ác trên địa bàn xã. Đó là các tiểu ban cứu thương, tiểu ban chữa cháy và cả tiểu ban mai táng. Như vậy, công tác bố phòng sẵn sàng chiến đấu được Ban công an xã, xã đội phân công cụ thể nhiệm vụ của từng người, từng công việc

Đảng uỷ, Ủy ban hành chính xã đặt vấn đề, bà con các xóm cận núi Mồng Gà tiếp nhận bà con xã Sơn Long đến sơ tán.

Đầu năm 1967, một lần nữa phong trào ghi tên tình nguyện tòng quân diệt giặc diễn ra sôi nỗi, toàn xã đã có 26 thanh niên đủ điều kiện tuyển chọn, phong trào thanh niên *"3 sẵn sàng"*, phụ nữ "*3 đảm đang*" được thanh niên, phụ nữ toàn xã nhiệt tình hưởng ứng. Trong dân khi ra đồng sản xuất hay đi làm thủy lợi, đi làm cỏ ngoài đồng ruộng, ai ai cũng phải tư thế sẵn sàng "*tay cày, tay súng*".

Đoàn viên thanh niên phát huy vai trò đầu tàu gương mẫu xứng đáng là cánh tay, đội hậu bị của Đảng. Năm 1966, có 17 đoàn viên được kết nạp vào Đảng, năm 1967 có 8 đoàn viên được kết nạp vào Đảng. Đó là những đoàn viên đạt kiện tướng làm phân xanh, làm bèo dâu hoặc tham gia huấn luyện dân quân đạt loại giỏi.

Chị em phụ nữ thao tác thành thạo cấy giăng dây thẳng hàng, nhiều chị em có chồng là bộ đội, các chị em động viên giúp đỡ nhau yên tâm làm ăn và tất cả đều yêu thương nhau như chị em ruột thịt.

Công việc chống thiên tai cũng không kém phần quan trọng như chống giặc. Cơn bão số 7 năm 1967 với gió giật mạnh làm đổ nhiều cây cối và hư hỏng một số nhà cửa của dân, hơn 70 ha lúa mùa và màu bị huỷ hoại hoàn toàn. Nhiệm vụ khắc phục hậu quả lũ lụt trong hoàn cảnh chiến tranh cũng hết sức gian khổ. Trong gian nan thử thách đòi hỏi cán bộ Đảng viên phải luôn luôn gương mẫu đi trước mỗi khi làm thủy lợi, đắp bờ vùng bờ thửa hay trực chiến và trong sản xuất khắc phục hậu quả thiên tai chống đói nghèo. Đặc biệt cũng trong năm 1967 đơn vị bộ đội về đóng quân tại xã. Hầu hết các gia đình đều có bộ đội ở.

Từ tháng 4 đến tháng 10-1968, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược "ném bom hạn chế" đối với miền Bắc, Mỹ tập trung đánh phá từ Bắc Nghệ An vào Hà Tĩnh hòng cắt đứt cuống họng của con đường chi viện từ Bắc vào Nam của ta.

Đầu năm 1968 về ban đêm máy bay Mỹ thả nhiều pháo

sáng dọc chân núi Mồng Gà, Eo Am, Đền Cả thăm dò những vị trí mà quân dân ta lúc đó đang tập kết gạo, hàng quân sự vào mặt trận và cả xe pháo của bộ đội đang ẩn nấp ở khu vực Cựa Háp.

Đêm ngày 2-4-1968, đế quốc Mỹ cho máy bay ném bom xuống khu vực dân cư xóm Tràng làm chết 6 người, bị thương một số người, thiêu trụi 4 ngôi nhà dân cùng nhiều trâu, bò, lợn, gà. Số người chết, trong đó có đồng chí Lê Văn Viên, gia đình ông Lê Nhượng có bà mẹ, bà nội và một cháu bị chết, gia đình anh Lê Văn Sự có bố và anh ruột cũng bị chết trong trận bom Mỹ đêm hôm đó.

Trận bom đêm 24-4 âm lịch (1968) ở xóm Làng Bạc làm chết vợ chồng ông Lê Văn Đạt, bà vợ đang mang thai.

Trận bom chập tối ngày 27-7-1968 vào đê Đồng Lõi làm chết ông Nguyễn Tịnh xóm 1. Đặc biệt trận bom bi đêm 25-7-1968 thuộc xóm Pheo và xóm Cựa Háp làm chết 11 người, thiêu huỷ 11 ngôi nhà của dân, 1 phòng học của trường sư phạm bổ túc. Số người chết gồm 2 cha con ông Lê Văn Khuyên, bà Hạnh Thông và con, bà Vượng, bà Hiếu, ông Tứ và một người con, cháu Lan con của ông Lê Tương, em Trần Đăng Khoa, học sinh trường sư phạm và thầy giáo Kiệm. Trận bom bi còn làm ông Lê Toàn chủ nhiệm Hợp tác xã và có Nguyễn Thị Loan bị thương, nhiều trâu, bò, lợn, gà bị chết trong trận bom. Như vậy trong đợt Mỹ ném bom hạn chế, Mỹ đã 4 lần ném bom phá, bom bi xuống các khu dân cư làm chết 22 người, bị thương nhiều người, thiêu trụi 15 ngôi nhà của dân cùng nhiều trâu, bò, lợn, gà và các tài sản khác của bà con.

Ngoài ra, ở ngoài đồng ruộng Hói Bàu, Mỹ còn ném xuống nhiều bom đào, bom bi xuống các cánh đồng Trụ Cựa, Đồng Quai, Đàng Vại và đê Đồng Lõi thuộc đê Tân Long. Bom Mỹ gây ra nhiều hố bom sâu trên đồng ruộng, có nhiều bom bi chưa nổ ở trong xóm làng và ngoài đồng ruộng gây sợ hãi cho người dân khi đi ra đồng ruộng cày cấy, sản xuất một thời gian. Cụ Phạm Tạo khi đi cuốc cỏ đào xới ở Đồng Nồi do vướng phải quả bom bi làm cụ chết tại chổ. Chị Lê Thị Ngân bị chết do mảnh đạn rơi vào đầu lúc đang làm cỏ lúa ở cánh đồng Khe Hối. Năm 1968 đế quốc Mỹ đã đánh phá xã nhà rất ác liệt gây nhiều tội ác đối với người dân Sơn Trà.

Trong năm 1968 số thanh niên Sơn Trà nhập ngũ nhiều hơn cả 2 năm 1966, 1967 cộng lại trên 60 người. Số thanh niên trai trẻ và cả số anh em dân quân được điều đi bộ đội gần như gia đình nào cũng có người ra trận. Có gia đình 2 - 3 con lần lượt ra trận như gia đình bà Thuần xóm 2, bà Đoan xóm 8, ông Thái Dượng xóm Hội, kể cả những học sinh thi đậu Đại học vẫn phải hoãn để gia nhập quân đội như em Lê Hữu Đa ở xóm Loan…

Nhìn lại chặng đường 4 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ lần thứ nhất xã Sơn Trà đã có nhiều đoàn viên thanh niên "Tận hiếu với dân", trở thành những đảng viên trung thành với Đảng, với dân. Điều đó được thể hiện qua 4 lần Mỹ ném bom vào các khu dân cư, các đồng chí đảng viên trẻ, đoàn viên và các đồng chí dân quân đều có mặt kịp thời đưa người chết đi mai táng, đưa người bị thương đến bệnh viện ở Sơn Phú cách xa 8-9 km, thu dọn

nhà cửa bị cháy rồi giúp các gia đình bị cháy dựng lại nhà cửa... Biết bao công việc đều dựa cả vào lớp đoàn viên thanh niên, đa số là nữ. Tuy vậy, có nhiều người dân lo lắng bởi cuộc chiến tranh ác liệt quá. Biết được tình thế đó Đảng bộ Sơn Trà sẽ rút ra những bài học kinh nghiệm trong những năm kháng chiến chống Mỹ tiếp theo.

2. Khôi phục và phát triển kinh tế, góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1969 - 1973)

Bị thất bại nặng nề ở cả hai chiến trường Nam - Bắc, Chính phủ Mỹ buộc phải chấm dứt vô điều kiện việc ném bom và bắn phá trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam dân chủ cộng hòa, ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ ta và đại diện Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ở Hội nghị bốn bên tại Pari. Từ đây miền Bắc có thời gian hòa bình để đẩy mạnh sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh. Cùng với nhân dân toàn huyện, Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà bước vào giai đoạn khôi phục, phát triển kinh tế văn hóa, chi viện miền Nam và đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

Để tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, **đầu tháng 3-1969, Đại hội Đảng bộ xã khóa IV (nhiệm kỳ 1969-1972) được tổ chức tại nhà kho xóm Hầu.** Tham dự Đại hội có 190/219 đảng viên. Đại hội đã đề ra phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ này là: phải tranh thủ thời cơ, nhanh chóng khôi phục kinh tế phát triển sản xuất để giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm cho người dân, làm tròn nghĩa vụ đóng thuế cho

Nhà nước. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng ủy mới gồm 5 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Đình Tương giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Đức Quang giữ chức vụ Phó bí thư phụ trách chính quyền giữ chức vụ Chủ tịch uỷ ban hành chính xã, đồng chí Lê Đức Hạnh giữ chức vụ Phó Bí thư trực Đảng.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội IV, Đảng ủy Sơn Trà đã lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết "Thừa thắng xông lên, khẩn trương thực hiện tốt với nhiệm vụ cận kíp trước mắt" của Tỉnh ủy Hà Tĩnh (ngày 16-11-1968); cuộc vận động "không ngừng nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn", tiếp tục xây dựng chi bộ, đảng bộ "4 tốt" và cuộc vận động chấn chỉnh công tác quản lý tư liệu sản xuất và khoán trong hợp tác xã nông nghiệp, tuyên truyền phổ biến Điều lệ hợp tác xã. Qua việc thực hiện Nghị quyết và các cuộc vận động đã làm cho Đảng bộ ngày càng vững mạnh về chính trị, tư tưởng. Ban quản trị hợp tác xã đã xây dựng được kế hoạch sản xuất của từng vụ, quản lý tốt ruộng đất và tài vụ. Qua phong trào thi đua, Sơn Trà đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

Về sản xuất: nhân dân Sơn Trà tích cực hưởng ứng phong trào 3 mũi tiến quân: giải phóng giao thông, mở rộng diện tích canh tác, đào đắp thủy lợi nội đồng, tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phong làm cỏ, sục bùn, chăm sóc lúa nên vụ đông xuân 1968-1969 đã đạt được năng suất cao 1,4tạ/1sào, sản lượng lúa ước tính 970 tấn, diện tích trồng khoai lang nhất là diện tích trồng sắn được mở rộng, năng suất mía đạt 530 tạ/1ha.

Ban quản lý phổ biến điều lệ Hợp tác xã qua đội sản xuất, lập ban bầu cử hội đồng nhân dân 2 cấp, cấp xã và cấp huyện vào tháng 4-1969. Hợp tác xã hoàn thành công tác quyết toán theo chỉ đạo của huyện "chấn chỉnh 3 khoán" nhằm hạn chế những tiêu cực trong ăn chia sản phẩm.

Hợp tác xã mua bán đã giải quyết những nhu cầu thiết yếu của người dân đưa hàng đến tận tay người dân như dầu hoả, giấy, vở học sinh, vải và hàng may mặc. Thực hiện tốt sự trao đổi hàng lấy hàng như cân lợn hơi đổi xi măng, vải …

Bên cạnh lao động sản xuất, Đảng uỷ chú trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho đảng viên, cán bộ và mọi người quán triệt Chỉ thị của Bác *"Hễ còn một tên xâm lược nào trên đất nước ta thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi"*. Đảng bộ tiếp tục củng cố công tác phòng không nhân dân, các tuyến hầm hào, tăng cường huấn luyện dân quân, sẵn sàng chiến đấu…

Trong lúc nhân dân Sơn Trà và cả nước đang tận dụng những ngày yên bình, không có khói lửa, đạn bom để tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh sản xuất thì ngày 02-9-1969, Bác Hồ muôn vàn kính yêu qua đời. Đó là một sự mất mát to lớn, nỗi đau vô hạn đối với toàn thể dân tộc ta. Cùng với đồng bào và chiến sỹ cả nước, nhân dân Sơn Trà tổ chức trọng thể lễ truy điệu Bác Hồ tại nhà kho Hợp tác xã xóm Loan vào sáng ngày 9-9. Bà con toàn xã đến dự lễ tưởng niệm Bác rất đông,

người người, nhà nhà ai cũng xót thương Bác mà nước mắt cứ chảy trào. Đồng chí bí thư Đảng uỷ đọc Di chúc của Bác tại buổi lễ nhiều lúc phải ngắt quảng do quá xúc động. Quyết tâm biến đau thương thành hành động cách mạng, Đảng ủy đã nhanh chóng triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết đặc biệt của Tỉnh ủy về phát động "phong trào 3.9"(1). do Tỉnh ủy Hà Tĩnh với 3 cuộc vận động lớn: lao động sản xuất; tăng cường chế độ làm chủ tập thể; nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp "lớp đảng viên Hồ Chí Minh". Đảng bộ Sơn Trà đã lãnh đạo toàn dân "Học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chủ tịch", nhiệt tình và sôi nổi hưởng ứng các đợt thi đua và các cuộc vận động của tỉnh, của huyện.

Về lao động sản xuất: mọi mục tiêu chủ yếu của sản xuất như thâm canh tăng năng suất, thủy lợi, làm phân bón... đều được hoàn thành tốt. Tuy nhiên, vụ đông xuân 1969-1970, sản xuất nông nghiệp Sơn Trà lại bị thiệt hại lớn do hạn hán, mưa rét và sâu bệnh, năng suất lúa chỉ đạt 1,2 tạ/1 sào, chỉ bằng 80% so với vụ chiêm xuân 1969, sản lượng lúa mới đạt 776 tấn, bình quân mức ăn chia của cả 3 Hợp tác xã đều thấp, chỉ đạt 100 kg thóc/người/năm. Đàn gia súc cũng có chiều hướng giảm.

Trước những khó khăn do khách quan và cả chủ quan, Đảng uỷ kêu gọi mọi người tận dụng hết đất đai canh tác để

(1) Theo Thông Cáo lúc đó Bác mất ngày 3.9.

trồng khoai các loại, tận dụng đất vườn trồng rau màu, phát triển chăn nuôi lợn, gà nhằm không để nạn đói xẩy ra và còn làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước (60 tấn thóc). Đảng uỷ cũng kêu gọi mọi người dân phát huy tinh thần chiến đấu trong chống Mỹ vào lao động sản xuất, tập trung làm thủy lợi, thay đổi giống lúa mới, coi giống lúa nông nghiệp 8 là giống lúa chủ lực (cả 3 Hợp tác xã) để giành 1 vụ sản xuất đạt sản lượng cao. Nhờ sự quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân mà vụ Đông xuân năm 1971-1972 cả 3 Hợp tác xã đều đạt một vụ lúa bội thu đã có nhiều gia đình đạt 1 - 2 tấn, chưa nói tới những gia đình nhiều công điểm cho thu nhập cao, chỉ nói những gia đình ít điểm cũng có một cuộc sống no đủ hơn các năm trước nhiều, năng suất lúa 33 tạ/1 ha hay cao hơn, tổng sản lượng lúa toàn xã ước đạt 1.095,7 tấn, chẳng những lúa được mùa mà sản lượng khoai lang cũng đạt mức cao, cắt khô 1-2 thúng khoai khô thì nhà nào cũng có.

Nhằm tiếp tục cải tiến, nâng cao vai trò của hợp tác xã, Đảng bộ đã chủ trương phải tiến hành đổi mới các hợp tác xã một cách gọn nhẹ, có hiệu quả trong cơ cấu cán bộ từ hợp tác xã xuống đội sản xuất. Kết hợp với phổ biến Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp năm 1969, Đảng ủy chỉ đạo các hợp tác xã thực hiện cuộc vận động "Phát huy quyền làm chủ tập thể của xã viên". Qua đó, các hợp tác xã xác định được phương hướng sản xuất phù hợp với đặc điểm và điều kiện sản xuất ở từng vùng. Các Ban quản trị bố trí lại lực lượng lao động hợp lý, quy định nhiệm vụ, chỉ tiêu

cụ thể cho từng ngành nghề, từng đội sản xuất, từng lao động. Các hiện tượng lấn chiếm ruộng công đều bị nghiêm cấm. Các chi bộ hợp tác xã tổ chức học tập, triển khai các Nghị quyết chuyên đề của Huyện ủy như "Tổ chức Đảng trong quản lý hợp tác xã nông nghiệp", "Công tác quản lý thị trường"… Đến hết năm 1972, cuộc vận động "phát huy quyền làm chủ tập thể của xã viên" đã tiến hành đều khắp các hợp tác xã, thu được kết quả bước đầu: các hợp tác xã kiểm kê xong tài sản, tài chính; các vụ việc tham ô, lợi dụng chức quyền được giải quyết. Bà con xã viên phấn khởi, tin tưởng.

Ngày 20-3-1972, Đại hội Đảng bộ xã khóa V (nhiệm kỳ 1972-1974) được tổ chức tại Trụ sở Ủy ban hành chính xã. Tham dự Đại hội có 198/221 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội được đón tiếp 2 cán bộ trong Ban tổ chức Huyện uỷ về dự. Tự hào với những thành tích đã đạt được, quyết tâm khắc phục những tồn tại, yếu kém. Đại hội đề ra phương hướng phấn đấu của 2 năm tới là: đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tăng cường chỉ đạo các mặt văn hóa, giáo dục, làm tốt nhiệm vụ phục vụ tiền tuyến, bảo vệ hậu phương. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 11 ủy viên. Đồng chí Lê Tam được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Nguyễn Đức Quang - Đảng ủy viên phụ trách chính quyền giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, đồng chí Lê Đức Hạnh uỷ viên, trực Đảng.

Tháng 4-1972, Mỹ trở lại ném bom miền Bắc gây ra cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2. Một lần nữa Đảng

uỷ nêu những việc làm cụ thể chống những biểu hiện sợ địch ném bom, hoang mang dao động và cần xác định mỗi Đảng viên phải mạnh mẽ, phát huy tư tưởng tiến công cách mạng, không sợ gian khổ hy sinh, quyết tâm đánh bại mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù.

Càng đánh phá dữ dội đế quốc Mỹ càng chuốc lấy thất bại nặng nề. Tháng 12-1972, chúng tập trung lực lượng không quân chiến lược đánh phá liên tục và dữ dội vào thành phố Hải Phòng và Thủ đô Hà Nội - trái tim của cả nước, hòng khuất phục ý chí chiến đấu của quân và dân ta. Tuy nhiên, sau 12 ngày đêm chiến đấu, quân và dân Hà Nội đã bắn rơi 81 máy bay phản lực Mỹ, trong đó có 34 chiếc B52, 5 chiếc F111 (máy bay cánh cụp, cánh xoè bảo vệ cho máy bay B52 - loại máy bay hiện đại nhất của không quân Mỹ lúc bấy giờ), làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", khiến cho thần tượng "siêu pháo đài bay B52" của không lực Hoa Kỳ sụp đổ. Liên tục thất bại trên các mặt trận, ngày 19-12-1972, Mỹ buộc phải ngừng ném bom Hà Nội, Hải Phòng và từ vĩ tuyến 20 trở ra, quay trở lại bàn Hội nghị Pari. Ngày 27-01-1973, Hiệp định Pari được kí kết, đế quốc Mỹ và quân đội các nước chư hầu buộc phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. Đây là thắng lợi vô cùng to lớn, tạo điều kiện thuận lợi để miền Bắc nhanh chóng khôi phục và phát triển kinh tế, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tăng cường chi viện cho cách mạng Miền Nam, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc.

IV. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÔI PHỤC, PHÁT TRIỂN KINH TẾ -XÃ HỘI, CHI VIỆN MIỀN NAM GIÀNH THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1973 - 1975)

Từ sau Hiệp định Pari được ký kết (27-1-1973), miền Bắc bước vào thời kỳ xây dựng trong hòa bình. Tuy vậy, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai không bao giờ cam tâm từ bỏ âm mưu phá hoại nền độc lập, tự do của nhân dân ta. Ngày 28-1-1973, Trung ương Đảng ra lời kêu gọi nhân dân cả nước "tăng cường đoàn kết, đề cao cảnh giác, củng cố những thắng lợi đã giành được, hoàn thành độc lập dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà".

Bước vào thời ký cách mạng mới, Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà có nhiều thuận lợi mới. Sau bao năm chiến tranh giờ đây hòa bình đã được lập lại. Toàn Đảng, toàn dân phấn khởi trước những thắng lợi đã giành được. Xã đã xây dựng được một số nhân tố mới trong công cuộc phát triển kinh tế - văn hóa. Nhưng khó khăn thử thách vẫn còn nhiều. Nền sản xuất của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp lạc hậu, phụ thuộc vào thiên nhiên. Đời sống nhân dân còn thiếu thốn về mọi mặt.

Đứng trước những thuận lợi và khó khăn, ngay sau khi hòa bình lập lại, Đảng bộ đã phát động toàn dân ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, chăm bón lúa đông xuân thật tốt, mở rộng diện tích màu, diện tích trồng khoai lang, trồng sắn.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, các hợp tác xã còn tích cực chỉ đạo xã viên lao động khai hoang, làm thủy lợi.

Vụ đông xuân 1973-1974, Đảng ủy lãnh đạo nhân dân toàn xã ra quân thực hiện chiến dịch "Thủy lợi vì quê hương" với khẩu hiệu "Xuất quân ra trận quyết chí lập công, đông xuân thắng lợi" giành nhiều thành tích. Chiến dịch diễn ra gần 1 tháng bắt đầu từ ngày 25-11-1973, kết quả sau chiến dịch khối lượng đất đào đắp lên tới 3.000 m^3, đông đảo bà con đều tham gia rất nhiệt tình, nhất là đông đảo chị em phụ nữ nên 7 con đường trục chính trong xã cơ bản được tôn tạo và do đó việc sử dụng xe cải tiến dùng sức trâu, bò kéo được thuận lợi hơn nhiều so với những năm trước. Tuy vậy, Sơn Trà vẫn là một xã làm vụ hè thu rất bấp bênh, ít khi được thu hoạch, chỉ có thu hoạch lúa mùa ở Đồng Hung, Khe Hối.

Trong chiến dịch thủy lợi xã còn tổ chức cho dân phát quang đắp sửa đường giao thông ở các đội sản xuất thời gian 1 tuần lễ. Sau đó các Hợp tác xã tổ chức cấy lúa chiêm xuân, diện tích cấy đạt 530 mẫu.

Ngày 26 đến ngày 30-4-1973, Đảng bộ huyện Hương Sơn tiến hành Đại hội lần thứ IX, ra lời kêu gọi "Phất cao cờ tháng Tám chống nghèo nàn, đánh tan giặc dốt". Trong hai tháng thi đua, Đảng bộ Sơn Trà đã lãnh đạo nhân dân thu hoạch vụ chiêm xuân, nhập kho nhanh gọn và hoàn thành nghĩa vụ lương thực vụ chiêm, đồng thời đẩy mạnh sản xuất vụ thu, vụ mùa.

Ngày 20-6-1974, Đại hội đại biểu Đảng bộ khoá VI (nhiệm kỳ 1974-1975) được tổ chức tại Trụ sở Ủy ban xã. Tham dự Đại hội có 104 đại diện cho 208 đảng viên

trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ này là: tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, đảm bảo chi viện sức người sức của cho chiến trường miền Nam, "đánh cho ngụy nhào". Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 7 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Đức Quang được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Lê Xuân Long giữ chức vụ Phó Bí thư được phân công làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, đồng chí Lê Hán uỷ viên thường trực Đảng uỷ.

Sau Đại hội, các Hợp tác xã tiến hành đại hội bầu ban quản trị mới. Ban quản trị vạch kế hoạch chuẩn bị vụ Đông xuân, xác định giống lúa cấy đại trà và thành lập đội ủ giống lúa theo kỹ thuật 3 sôi, 2 lạnh. Uỷ ban xã phổ biến với Ban quản trị Hợp tác xã về kế hoạch làm thủy lợi, mỗi Hợp tác xã lấy 10 người (cả xã 30 người) bổ sung vào đội thủy lợi 02 của huyện.

Theo chỉ đạo của Đảng uỷ, các tổ chức phụ nữ, thanh niên, tiến hành đại hội bầu lại Ban Chấp hành mới.

Về an ninh - quốc phòng: Năm 1974 lực lượng dân quân tự vệ và quân dự nhiệm được xã đội cũng cố sắp xếp lại đội hình, lực lượng này lên tới 270 người, chiếm xấp xỉ 10% dân số. Đồng chí Nguyễn Đức Quang - Bí thư Đảng uỷ trực tiếp làm chính trị viên xã đội. Trong lực lượng dân quân tự vệ và quân dự nhiệm có đến 50 đảng viên, chiếm 20% số quân. Trong cuộc tổng tiến công của quân ta ở các chiến trường, chỉ tiêu tuyển quân xã giao cho xã gấp 3 lần số quân của 2 năm trước đó cộng lại (90 người). Trong xã

đoàn viên thanh niên và số quân dự nhiệm đến trụ sở xã đội xin làm thủ tục cho gia nhập quân đội. Tuổi trẻ con em Sơn Trà hăng hái ghi tên tòng quân.

Thực hiện cuộc vận động *"Đền ơn trả nghĩa cho thương bệnh binh*", Đảng uỷ, các cấp uỷ các chi bộ, Uỷ ban hành chính xã và các Hợp tác xã, đoàn thể trong xã luôn quan tâm chăm sóc động viên, giúp đỡ các gia đình bộ đội, gia đình thương binh, liệt sĩ ở địa phương. Xã đã huy động sức dân quyên góp ngày công, tranh kè, gỗ làm 4 gian nhà, ngôi nhà tĩnh nghĩa cho Đoàn 70 ở Khe Cò (Sơn Lễ), ngôi nhà được hoàn thành vào quý I năm 1974. Cũng trong năm 1974-1975, Hội phụ nữ xã đã quyên góp tiền gạo ủng hộ thương binh, các đơn vị bộ đội, dân công trú quân hay đóng quân trong xã được chị em tổ chức đón tiếp, tiễn đưa ân cần, các đợt dân công hoả tuyến lên Lào cũng được xã huy động đủ số lượng cho huyện vào đầu năm 1974.

Cùng với việc phát triển kinh tế, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, đảng bộ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế. Các trường học bị bom Mỹ đánh phá lần lượt được xây dựng trở lại và làm mới thêm, cơ sở vật chất cũng được cải thiện một bước. Trong điều kiện hoà bình, cả thầy và trò đều dốc lòng, dốc sức cho việc dạy và học nhằm nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân xã nhà. Số lượng và chất lượng học sinh cũng ngày càng một tăng cao. Hoạt động vệ sinh, y tế có điều kiện thực hiện đầy đủ hơn. Trạm xá xã được kiện toàn, công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân được nâng cao một bước.

Nhiệm vụ củng cố, phát triển tổ chức Đảng được Đảng ủy xã Sơn Trà coi trọng. Dưới ánh sáng của Chỉ thị 192 của Ban Bí thư và Nghị Quyết 195, về việc "tiếp tục thực hiện cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách" và Nghị quyết 225 về cuộc vận động "nâng cao chất lượng đảng viên" của Bộ Chính trị, Đảng ủy xã đã triển khai học tập sâu rộng trong toàn Đảng bộ. Đây là một cuộc kiểm điểm nghiêm túc để rà xét lại tư cách đảng viên trong thời kỳ kháng chiến. Sau các đợt triển khai, đến cuối năm 1973, Đảng bộ đã tổ chức tổng kết toàn xã, trong tổng số 110 đảng viên có 20% đảng viên đạt yêu cầu cao; 71% đảng viên đạt mức trung bình; 9% thuộc loại yếu kém.

Giữa lúc nhân dân miền Bắc đang gặt hái được nhiều thành quả trong công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và chi viện sức người sức của cho miền Nam thì tin vui từ chiến trường dồn dập đưa về. Cuộc tổng tấn công và nổi dậy Xuân 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng: 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975 dinh Độc lập Sài Gòn - dinh lũy cuối cùng của chế độ ngụy quân - ngụy quyền tai sai Mỹ bị đánh chiếm. Chế độ "Việt Nam cộng hòa" do Mỹ dựng lên hoàn toàn bị lật nhào, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, non sông Việt Nam liền một dải. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta kết thúc thắng lợi vẻ vang.

Trong 10 năm (1965-1975) Đảng bộ và nhân dân Sơn

Trà rất tự hào đã phát huy cao độ lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tư tưởng luôn luôn tiến công cách mạng, mặc dù có những thời điểm khó khăn, gian khổ nhất trong cuộc sống hàng ngày. Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà đã tập trung sức người, sức của phục vụ cuộc kháng chiến đến mức cao nhất. Qua những năm tháng chiến tranh, Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà vẫn tin tưởng tuyệt đối vào đường lối kháng chiến của Đảng, quyết tâm bảo vệ cuộc sống của người dân, bảo vệ và giúp đỡ bộ đội trú quân, bảo vệ cơ quan, trường học đóng trên địa bàn, mọi hoạt động của người dân luôn tư thế *"Tay cày, tay súng"*. Năm nào các thế hệ thanh niên xã nhà cũng hăng hái tham gia tuyển quân đạt và vượt mức chỉ tiêu quân số. Nhân dân Sơn Trà luôn đi đầu trong việc đóng thuế cho Nhà nước. Từng đoàn dân công hoả tuyến của địa phương Sơn Trà không ngại gian khổ hy sinh, đi tiếp tế cho mặt trận Bình - Trị - Thiên, Tây Bắc, Trung Lào. Các đoàn dân công Sơn Trà tham gia các khoá dân công đắp đê đều đảm bảo con số và khối lượng.

Tổng kết 10 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Sơn Trà đã có 586 người con lên đường nhập ngũ ra trận, trong đó có 48 người tái ngũ, 462 lượt người đi dân công hoả tuyến, 25 người Thanh niên xung phong. Trong tổng số người tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, có 70 người đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc; 165 người thương bệnh binh; 7 bà mẹ được phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"; 557 người được Nhà nước tặng thưởng Huân huy chương các loại. Xã còn đóng

góp 1.220 tấn thóc, 160 tấn thịt lợn hơi để chi viện cho các chiến trường; có 500 hộ gia đình nhường nhà cho bộ đội đóng quân và bộ đội an dưỡng.

10 năm xây dựng quê hương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ là khoảng thời gian đầy tự hào của Đảng bộ, nhân dân Sơn Trà. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ xã, nhân dân Sơn Trà đã thực hiện nhiệm vụ như những chiến sỹ. Tất cả mọi mặt xã hội đều có bước tiến quan trọng. Kinh tế tuy chậm nhưng vẫn có bước tăng trưởng, tự túc được lương thực, đời sống nhân dân được cải thiện so với trước; các hợp tác xã được củng cố, giữ vai trò quan trọng trong hoàn cảnh chiến tranh, phát huy sức mạnh tập thể để thực hiện nhiệm vụ, làm tiền đề để lãnh đạo nhân dân bước vào giai đoạn mới.

CHƯƠNG IV

ĐẢNG BỘ XÃ SƠN TRÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, CÙNG CẢ NƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1975-1985)

I. KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN, GÓP PHẦN VÀO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1980)

Cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh đánh dấu sự nghiệp giải phóng dân tộc đã hoàn thành, non sông thu về một mối, đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Hoà chung với niềm vui, niềm tự hào và khí thế mới của nhân dân cả nước, của huyện, của tỉnh. Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà bước sang một giai đoạn khôi phục, phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng, với những thuận lợi

cơ bản, những kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, quá trình cách mạng đã tích luỹ được là điều kiện để Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà vững bước tiến lên, xoá bỏ vết tích chiến tranh, tiến công vào trận địa chống đói nghèo, lạc hậu của quê hương. Ngày 27-12-1975, theo Nghị quyết Quốc hội khóa V, kỳ họp thứ 2, hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh hợp nhất thành tỉnh Nghệ - Tĩnh. Sự kện này đã tạo điều kiện phát huy sức mạnh tổng hợp của một vùng đất truyền thống lịch sử - văn hóa trong công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Bên cạnh những thuận lợi, bước sang giai đoạn mới, Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà đứng trước những khó khăn, thử thách gay gắt: hậu quả chiến tranh để lại hết sức nặng nề, nền kinh tế còn mang tính tự cung, tự cấp; trình độ của cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế, tư tưởng bảo thủ, trì trệ vẫn còn tồn tại; thiên tai xảy ra thường xuyên…

Trước sự chuyển biến của tình hình và yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng, trong không khí phấn khởi sau ngày chiến thắng, Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà bắt tay vào công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện Kế hoạch 5 năm (1976-1980).

Ngày 10-12-1975, Đại hội Đảng bộ xã Sơn Trà khóa VII (nhiệm kỳ 1975-1978) được tổ chức tại Trụ sở Ủy ban xã. Tham dự Đại hội có 105 đảng viên đại diện cho 205 đảng viên trong toàn Đảng bộ tham dự. Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ này là: tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy đề ra, phấn đấu 1 lao động/1 ha gieo trồng, năng suất lúa đạt 4 tấn/ha/năm, 2 đầu lợn/1 người.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành gồm 9 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Đức Quang tiếp tục được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Lê Xuân Long Phó Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, đồng chí Lê Quang Sửu - Đảng ủy viên phụ trách trực Đảng.

Sau Đại hội, Đảng bộ đã nhanh chóng ổn định tổ chức, phân công các ủy viên Ban Chấp hành xuống tận cơ sở để triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội và Nghị quyết ngày 12-8-1976, của Ban Chấp hành Huyện ủy về: "Phát động đợt thi đua tiến quân vào ba cao điểm: tuyển quân, thu mua, hoàn thành thủy nông, lập thành tích chào mừng Quốc khánh 2-9-1976". Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ và sự nỗ lực của các tầng lớp nhân dân nên đạt được một số kết quả đáng kể.

Về sản xuất nông nghiệp: Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo động viên nhân dân tăng gia sản xuất, đảm bảo diện tích trồng lúa 195 ha, năng suất 1,6 - 1,8 tạ/sào, trồng mía với diện tích 5 - 7 ha, thử nghiệm trồng lạc trên diện tích đất thịt, tăng diện tích trồng khoai lang khoảng 40 ha, chia lại diện tích trồng sắn, động viên bà con trồng nhiều sắn, phát triển diện tích đậu hè thu, cấy lúa bát hè thu và cấy lúa bào thai hết diện tích vụ mùa ở Đồng Hung - Khe Hối. Mặc dù vụ Đông Xuân 1975-1976 gặp thời tiết khắc nghiệt, hạn rét kéo dài, tiếp đến lại bị sâu bệnh phá hoại, nhưng Đảng bộ đã kịp thời chỉ đạo bà con xã viên tập trung mọi nỗ lực chống rét, phòng chống sâu bệnh, tăng diện tích bắc mạ sân, khắc phục tình trạng thiếu mạ, thiếu giống nên diện tích cày cấy vẫn đảm bảo. Với những biện pháp kịp

thời và quyết liệt, nhiều diện tích gieo trồng cả lúa và hoa màu trong năm 1976 vẫn cho thu hoạch khá, cao hơn năm trước. Tổng sản lượng lương thực đạt 930 tấn. Năng suất lúa bình quân 3,4 tấn/1 ha. Diện tích trồng các cây mía, khoai lang, sắn cũng đạt kế hoạch: mía 5,5 ha, khoai lang 15 ha, sắn 5 ha

Chăn nuôi cũng có bước phát triển. Tăng số lượng đàn trâu, bò từ 820 con lên 1.120 con; đàn lợn 1.540 con, phát triển chăn nuôi lợn nái, động viên bà con chan nuôi nhiều gà, vịt …

Cùng với thi đua đẩy mạnh sản xuất, thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh và Huyện ủy Hương Sơn về chủ trương đưa quy mô hợp tác xã lên toàn xã, Đảng ủy Sơn Trà đã chỉ đạo sáp nhập ba Hợp tác xã (Hương Trà, Trà Mỹ, Mỹ Phong) thành một hợp tác xã. Công việc hợp nhất được Đảng bộ tiến hành khẩn trương. Trong 2 ngày 6, 7-7-1976, Đại hội đại biểu xã viên toàn xã được tổ chức với gần 100 đại biểu của 3 Hợp tác xã. Đại hội đại biểu xã viên đồng thuận với sự chỉ đạo của Đảng uỷ hợp nhất 3 Hợp tác xã thành 1 Hợp tác xã toàn xã lấy tên là Hợp tác xã Mỹ Phong (có người còn gọi Hợp tác xã Mỹ Sơn) do ông Lê Đức Hạnh làm chủ nhiệm. Về công tác chỉ đạo điều hành: Đội sản xuất tổ chức theo đơn vị xóm gọi theo số đội 1,2… Hợp tác xã phân công, chỉ đạo bầu lại cấp đội, cả xã có 8 đội sản xuất, thành lập 5 đội ngành nghề.

Đối với công tác làm thủy lợi cũng được Đảng bộ quan tâm. Xã đã huy động toàn dân tham gia làm thủy lợi nội đồng 1 tuần vào đầu qúy IV năm 1976 và 1 tuần đắp sửa

đường sá giao thông nông thôn. Trong 2 năm 1976-1977, tổng số khối lượng đào đắp đường sá, kênh mương đạt 5000 m^3 giữa tháng 7-1976, xã cử 60 người tham gia đắp đập Kẻ Gỗ (huyện Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh), thời hạn làm 1 tháng, toàn đội đã hoàn thành công việc. Tháng 11-1976 xã còn cử 52 người tham gia công trình thủy lợi Vách Bắc (huyện Quỳnh Lưu- Nghệ An), 75 người tham gia đội thủy lợi 202 của huyện, các đội thủy lợi đã làm tốt khối lượng được giao trở về an toàn.

Phong trào văn hóa, giáo dục, y tế bước đầu khởi sắc. Thực hiện Nghị quyết 56 của Chính phủ về quy ước xây dựng nền văn hoá mới, xã đã tổ chức nhiều đám cưới tập thể tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Số lượng và chất lượng giáo dục được nâng cao một bước. Hết tháng 5-1976, Ban văn hoá xã kết hợp với trường cấp II Sơn Trà tổ chức bế giảng 3 lớp học Bổ túc văn hoá xã. Trong đó có một số đồng chí đảng viên, đoàn viên thanh niên, cán bộ xã tham gia các lớp học từ lớp 5 đến lớp 7. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cấp II năm học 1975-1976 là 99%; năm 1976-1977 là 98% (3 lớp 7). Trạm y tế đã làm tốt công tác bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh và sinh đẻ có kế hoạch.

Về công tác xây dựng Đảng: Đảng bộ đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị nhằm quán triệt các Nghị quyết 24 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị. Công tác bồi dưỡng cán bộ cốt cán được đẩy mạnh, đã cử 3 đồng chí cán bộ cốt cán tham dự lớp bồi dưỡng chính trị tại trường đảng huyện ở Sơn Phú đó là đồng chí Văn Đình Tuyết, đồng chí Lê Văn Tân và đồng

chí Lê Trọng Ngọc. Đến cuối năm 1976 qua xét chọn ở các chi bộ phân loại đảng viên đã có 20 đảng viên xếp loại đảng viên tích cực 19%, 80 đảng viên khá đạt tỷ lệ 77%, 5 đảng viên yếu kém chiếm tỷ lệ 4%.

Do yêu cầu mở rộng diện tích đất đai sản xuất sau kháng chiến chống Mỹ. Đảng uỷ Sơn Trà chủ trương di dời dân các xóm không có đồi núi đến định cư nơi đất hoang hoá đồi núi trọc. Ban quản lý Hợp tác xã nêu vấn đề cho dân bàn và đến tháng 6-1978 thì mới tiến hành công việc. Việc di dời được người dân ủng hộ, mỗi hộ dân được nhận 2 sào đất ở, việc làm theo chủ trương của Đảng uỷ được thực hiện triệt để. Cụ thể: xóm Thai Hiu có 56 hộ dân di dời, xóm Cùa có 35 hộ dân di dời, xóm Loan có 14 gia đình di dời. Tổng số hộ dân được di dời là 105 hộ ở các xóm, trong đó có 25 gia đình các đảng viên. Ngoài ra, còn có 82 hộ trong diện tích di dời với dân ở các xóm cũ. Tổng số cả xã 187 hộ di dời nơi ở mới, các hộ dân di dời lên ở các đồi núi thấp là Rú Ngù, Rú Lái, Rú Miệu, Rú Làng Bạc, Rú Cầu, Rú Cọi. Ban quản lý HTX đã huy động 466 ngày công giúp dân chuyển nhà, các xóm mới được hình thành. Cùng với các xóm cũ xã nêu số thứ tự các xóm:

Xóm 1: Rú Pheo, Cựa Háp.

Xóm 2: Rú Ngù, Rú Lái

Xóm 3: Rú Miệu

Xóm 4: Rú Làng Bạc

Xóm 5: Rú Cọi, 18 hộ Làng Bạc.

Xóm 6: Xóm Trè, xóm Hương và 1 phần xóm Ri.

Xóm 7: Xóm Hội, xóm Hầu, xóm Trửa.

Xóm 8: Xóm Tràng và một phần xóm Ri.

Cả xã có 8 xóm trở thành 8 đội sản xuất. Số đảng viên theo từng xóm được thành lập 8 Chi bộ Đảng. Các đoàn thể chi hội được cấu tạo theo xóm. Xã tiếp tục chỉ đạo san ủi đất đai các xóm, khai phá thêm 10 ha, trở thành những cánh đồng đất màu tốt cho sản xuất.

Trong hai năm 1977-1978, nhân dân Nghệ Tĩnh nói chung, Hương Sơn nói riêng phải gánh chịu nhiều thiên tai nặng nề. Sau hạn hán kéo dài là đợt rét đậm cuối năm 1977. Tiếp theo, tháng 9-1978, cơn bão số 8 gây ra lũ lụt lớn chưa từng có. Lũ lụt đã gây thiệt hại về người và của. Hàng ngàn héc ta diện tích trồng trọt ở Vùng I, Vùng II bị ngập úng. Hàng trăm nhà ở, công trình công cộng dọc sông Ngàn Phố, Ngàn Sâu và Vùng IV bị lũ cuốn trôi. Cầu cống, đường sá, đê điều phần lớn bị hư hỏng. Nhiều cơ sở sản xuất ngừng hoạt động. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nguy cơ nạn đói đe dọa… Thêm vào đó, tình hình biên giới phía Bắc dần dần trở nên căng thẳng.

Trước tình hình đó, ngày 17-8-1978, Thường vụ Huyện ủy họp và ra Nghị quyết "Về những nhiệm vụ trước mắt trong tình hình mới" nhằm rà soát lại việc thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 1978 và quán triệt Nghị quyết của Ban Chấp hành Tỉnh ủy lần thứ IV về tình hình và nhiệm vụ mới. Thường vụ Huyện ủy xác định: *"Nhiệm vụ bức thiết và nặng nề của nhân dân huyện ta là phải tập trung sức*

giải quyết cho được lương thực, thực phẩm, tạo ra hậu cần tại chỗ để đáp ứng đời sống nhân dân và phục vụ chiến đấu…"[(1)].

Tiếp đó, ngày 5-10-1978, Ban Chấp hành Huyện ủy họp và ra Nghị quyết chỉ đạo phát triển nông nghiệp tiến lên một bước, trước mặt tập trung mọi nỗ lực, khắc phục khó khăn, giành thắng lợi cho vụ Đông Xuân 1978-1979 và vụ Đông 1978.

Để hiện thực hóa chủ trương của Huyện ủy, **trong 2 ngày 15, 16-10-1978, Đại hội Đảng bộ xã khoá VIII (nhiệm kỳ 1978-1980) được tổ chức tại Trụ sở Ủy ban xã.** Tham dự Đại hội có 182 đại biểu đại diện cho 201 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã phân tích tình hình khó khăn của xã nhà trong những năm 1977-1978 đồng thời chỉ rõ: Đảng bộ và nhân dân phải tập trung sức chăm lo sản xuất vụ Đông xuân 1978-1979 để đáp ứng đời sống nhân dân và đóng thuế cho Nhà nước, bảo vệ an ninh chính trị trong tình hình mới, củng cố lại các đơn vị dân quân tự vệ khi mà tình hình đất nước ta đang diễn ra căng thẳng phía Tây Nam và phía Bắc của đất nước.

Đồng chí Nguyễn Đức Quang tiếp tục được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Lê Đức Hạnh giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, trực tiếp làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, đồng chí Lê Quang Sửu uỷ viên trực Đảng.

Sau Đại hội, Thường vụ và Ban Chấp hành Đảng ủy xã

(1) Lịch sử Đảng bộ huyện Hương Sơn tập III (1975-2000), Tr.53

đã họp và ra nhiều nghị quyết quan trọng để lãnh đạo nhân dân thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa VIII đề ra.

Nhìn chung, từ 1978 đến 1980, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, tình hình kinh tế - xã hội của xã nhà đã đạt được những thành tích đáng kể, làm thay đổi bộ mặt quê hương.

Trước hết, về sản xuất nông nghiệp, do thiên tai nên năm 1978 tổng sản lượng lúa của Hợp tác xã đạt rất thấp khoảng 750 tấn. Hợp tác xã làm nghĩa vụ thuế cho Nhà nước rồi tính chia theo công lao động chưa đầy 0,5 kg thóc. Trước những khó khăn đó, Đảng uỷ chủ trương giao chỉ tiêu cụ thể về sản xuất vụ Đông Xuân cho từng hộ, từng đội sản xuất. Trong vụ Đông mỗi đội sản xuất trồng 2 ha khoai, các hộ gia đình trồng 5-10 gốc bù bí, 10-20m^2 rau trong phạm vi đất vườn để chống đói. Tuy có những cố gắng làm vụ đông của bà con xã viên nhưng đói giáp hạt 1979 vẫn căng thẳng. May sao nhờ có lúa cấp của Nhà nước đến với người dân nên đói giáp hạt của mỗi người dân bớt khó khăn.

Để đưa tình hình sản xuất nông nghiệp vượt qua khó khăn, Đảng uỷ đã định hướng cho Hợp tác xã tiến hành những giải pháp:

- Tập trung các biện pháp kỹ thuật thâm canh lúa để đạt năng suất từ 40-45 tạ/1 ha, giữ nguyên diện tích mía 7 ha, đảm bảo diện tích trồng sắn như những năm trước, giảm bớt diện tích trồng khoai lang đưa vào trồng lạc xuân.

- Tận dụng đất đồi núi trọc để phát triển đàn trâu,

bò của Hợp tác xã lên tới 1.250 con, đàn lợn gia đình đạt 1.060 con, tăng đàn lợn nái. Động viên bà con nuôi nhiều gà, vịt.

- Tổ chức làm thủy lợi mang tính bền vững ở một số đoạn đường bằng đổ đất, đá, tránh làm chắp vá rồi sau mỗi cơn lũ hàng năm lại bị san bằng.

Những kết quả đạt được 8 tháng năm 1980 đã đạt nhiều chỉ tiêu về chăn nuôi, trồng mía, trồng sắn và khoai lang. Đặc biệt đội 202 của Huyện đã làm gần xong 2 tuyến mương tưới cho Sơn Trà, tạo điều kiện cho xã lắp các máy bơm dầu ở Cầu Cóc ở Vụng Díu và bờ Bàu Thai.

Giai đoạn 1975-1980 là thời kỳ Sơn Trà cùng cả nước vừa bước ra khỏi cuộc chiến tranh tàn phá ác liệt, công việc còn bộn bề, đầy khó khăn, thử thách. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, nhân dân xã nhà đã tích cực thi đua, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn hạn chế để vươn lên. Tuy vậy, qua 5 năm thực hiện kế hoạch Nhà nước (1976-1980), nền kinh tế Sơn Trà vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán, lại phải chịu những hậu quả nặng nề của chiến tranh kéo dài, thêm vào đó là thiên tai liên tiếp xảy ra. Mặt khác còn có những khó khăn xuất phát từ khuyết điểm và sai lầm về lãnh đạo và quản lý kinh tế. Tình hình đó đã đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân những thử thách mới, đòi hỏi phải có sự nỗ lực cao hơn nữa trong công tác lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ đưa xã nhà vượt qua khó khăn, phát triển sản xuất có hiệu quả và ổn định đời sống nhân dân.

II. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN CƠ CHẾ QUẢN LÝ MỚI TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP (1981 - 1985)

Ngày 5-10-1980, Đảng bộ xã Sơn Trà tổ chức Đại hội đại biểu khóa IX (nhiệm kỳ 1980-1983) tại Trụ sở Đảng ủy xã. Tham dự Đại hội có 191 đại biểu đại diện cho 205 đảng viên trong Đảng bộ. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 9 ủy viên. Đồng chí Lê Đức Hạnh được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Đức Quang được huyện cử đi công tác, đồng chí Lê Văn Đồng giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Lê Văn Tôn uỷ viên phụ trách trực Đảng.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa IX, Sơn Trà gặp rất nhiều khó khăn. Vụ Đông xuân 1980-1981 do bị hạn hán mà diện tích lúa xuân bị thu hẹp vì thiếu nước cấy. Hợp tác xã chủ trương chuyển sang làm màu hay trồng khoai lang ở những chân ruộng thiếu nước, vấn đề tự túc lúa gạo vẫn là một bài toán khó giải. Tuy nhiên, giữa năm 1981 trạm bơm điện Sơn Hà hoàn thành cung cấp nước tưới cho 2 xã Sơn Hà - Sơn Trà, mương 202 cũng cơ bản xong, nhờ đó Sơn Trà có thu hoạch một số lúa hè thu góp phần cải thiện đời sống người dân. Hè năm 1981 Sơn Trà đã hoàn thành nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước, 216 tấn thóc thuế, 60 tấn thực phẩm, 4 tấn lạc.

Về thủy lợi: Hợp tác xã tiếp tục huy động lực lượng đắp đập Khe Cấm. Tính đến giữa năm 1982 khối lượng đào đắp đập Khe Cấm lên tới 4000 m^3, đập dài 130 m.

Qua thời kỳ khắc phục hậu quả chiến tranh và bước vào giai đoạn ổn định phát triển, mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp (cơ chế bao cấp) bộc lộ nhiều hạn chế, hậu quả là cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội sâu sắc vào cuối những năm 70, đầu những năm 80. Sản xuất lương thực không đáp ứng được nhu cầu đời sống của nhân dân, hàng năm nước ta vẫn phải nhập trên 1 triệu tấn lương thực.

Để tháo gỡ những bế tắc trong sản xuất nhất là sản xuất nông nghiệp, năm 1980, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết 06. Tiếp đó, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chị thị 100 (còn gọi là Khoán 100) về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong sản xuất nông nghiệp. Cơ chế quản lý của hợp tác xã thay đổi, thừa nhận có yếu tố cá thể, khuyến khích thúc đẩy sản xuất hàng hóa, tôn trọng quy luật phát triển kinh tế trong giai đoạn mới. Trước đây, thực hiện chế độ "ban khoán" (khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm, khoán sản lượng) thì nay khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100 được thể hiện ở mức khoán cho người lao động trên một đơn vị diện tích nhất định, gồm ba khâu: gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư và chủ trương của Huyện ủy, Đảng bộ Sơn Trà đã xem xét, đánh giá thực lực của xã để từ đó triển khai thực hiện đường lối khoán mới. Đầu năm 1982, Đảng bộ xã đã tổ chức học tập, quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung và kế hoạch tiến hành đến tận cán bộ, đảng viên, xã viên.

Đồng thời điều chỉnh, sắp xếp lại hợp tác xã và các đội sản xuất, nâng cao trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ cho phù hợp với yêu cầu mới. Cuối cùng là quy định rõ trách nhiệm, các khâu công việc cho tập thể và xã viên trong quá trình sản xuất.

Chỉ thị 100 như một làn gió mới thổi vào làng xóm, đồng ruộng Sơn Trà tạo nên không khí sôi nổi, hăng say trong sản xuất. Đảng uỷ đã cho lập các ban hoá giá trâu, bò, hoá giá nông cụ, định lại mức khoán ở từng cánh đồng. Sau mấy tháng tiến hành công việc đã có 560 con trâu, bò được định giá giao cho các hộ xã viên. Nhiều nông cụ hoá giá tại các đội sản xuất, 14 m^3 gỗ thành phẩm cũng đem hoá giá, ruộng nương được khoán tới hộ. Hợp tác xã không phải chịu trách nhiệm khâu nào kể cả thủy lợi và khâu bảo vệ thực vật. Hợp tác xã đến mùa thu thuế và thu 19% hoa lợi ruộng đất. Các Hói Bàu cũng được khoán ước nuôi trồng thủy sản. Các nhà kho lẻ của Hợp tác xã được tập trung về một nơi tại trụ sở Hợp tác xã, các sân kho Hợp tác xã lẻ tẻ ở các xóm được phá bỏ.

Tuy nhiên, thời kỳ đầu thực hiện Nghị quyết 06 và Chỉ thị 100 của Đảng, Đảng bộ xã Sơn Trà do chưa có kinh nghiệm nên đã bộc lộ nhiều hạn chế: khoán cho đội sản xuất có chiều hướng khoán trắng, buông lỏng quản lý.

Ngày 5-3-1983, Đảng bộ xã Sơn Trà tổ chức Đại hội đại biểu khóa X (nhiệm kỳ 1983-1985) tại Trụ sở Đảng ủy xã. Tham dự Đại hội có 98 đảng viên đại diện cho 196 đảng viên trong Đảng bộ. Đại hội đánh giá: Vấn đề phân phối 3 lợi ích không đảm bảo do bỡ ngỡ trong cách "bung

khoán" nên lợi ích cá nhân, hộ gia đình xã viên tăng lên, đã có 20% hộ dư lương thực đem chuyển đổi hàng tiêu dùng, 40% hộ đủ ăn, trong khi đó lợi ích kinh tế Hợp tác xã bị thu hẹp. Đã một thời gian các hộ gia đình không còn là một đơn vị sản xuất, người nông dân không có quyền phân phối sản phẩm do mình làm ra, họ trở nên thụ động mất dần tính tích cực và quyền làm chủ, kinh tế Hợp tác xã có khi, có lúc bị động với kế hoạch chỉ tiêu huyện giao. Bởi vậy, khi có khoán 100 chẳng những xã viên mừng mà người cán bộ, đảng viên cũng thấy mừng vui vì đã gỡ được thế bế tắc trong sự phát triển kinh tế Hợp tác xã. Chỉ sau 1 năm khoán ước kinh tế hộ gia đình đã có tính chất vượt trội so với khi đang ăn chia theo công điểm những năm trước.

Đại hội đưa ra các chỉ tiêu như sau:

- Đảm bảo diện tích cấy lúa là 424 mẫu, đưa giống lúa 1820 xuống cấy đại trà, năng suất lúa bình quân 1,6 tạ/1sào. Tổng sản lượng lúa đạt 845 tấn.

- Tổng đàn trâu, bò: 1250 con

- Đàn lợn đạt: 1450 con

- Đưa diện tích trồng lạc nhiều hơn diện tích trồng khoai, giữ nguyên diện tích trồng mía.

- Thực hiện người lao động một năm có 15 ngày công làm thủy lợi.

- Tăng cường khâu phòng dịch trong sản xuất và chăn nuôi.

Đại hội cũng đã đề ra những giải pháp lớn để thực hiện

thắng lợi phương hướng, mục tiêu về kinh tế xã hội và đời sống. Cụ thể là:

- Bổ sung và hoàn thiện công tác khoán trong sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết 28 của Thường vụ Tỉnh uỷ.

- Tập trung làm thủy lợi hồ Khe Cấm, tổ chức các buổi làm thủy lợi nội đồng đắp bờ vùng, bờ thửa giữ nước.

- Động viên bà con đảm bảo các yếu tố kỹ thuật thâm canh lúa, màu, khuyến khích bà con phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế vườn.

- Làm tốt công tác an ninh, quốc phòng.

- Động viên bà con thực hiện những quy ước xây dựng gia đình văn hoá, chống mê tín dị đoan.

- Tổ chức bồi dưỡng sắp xếp đội ngũ cán bộ trẻ thay các đồng chí có tuổi, trình độ thấp, gắn xây dựng Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, đó là vấn đề trọng yếu để thực hiện có kết quả Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ khoá X

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 9 ủy viên. Đồng chí Lê Đức Hạnh tiếp tục được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Lê Văn Đồng giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Lê Văn Tôn - Ủy viên trực Đảng uỷ.

Sau Đại hội, Đảng ủy đã lãnh đạo nhân dân tập trung sản xuất, năm 1983, sản xuất nông nghiệp của Hương Sơn nói chung, Sơn Trà nói riêng gặp phải thời tiết không thuận lợi. Vụ Đông - Xuân (1982-1983) mưa rét kéo dài,

vụ chiêm lại nắng hạn gay gắt, tháng 9-1983 lại bị lũ lụt lớn nên vụ hè thu ở xã nhà bị mất trắng, mùa màng thất bát nên đời sống bà con gặp khó khăn. Trước tình hình đó, Đảng ủy đã chỉ đạo nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, tiến hành đầu tư nạo vét kênh mương, tu sửa các công trình thủy lợi, tưới tiêu nội đồng, đẩy mạnh sản xuất nên bước sang năm 1984 sản xuất nông nghiệp vẫn có sự tăng trưởng nhất định, đảm bảo cung cấp đủ lương thực cho bà con nhân dân.

Bên cạnh đẩy mạnh nông nghiệp, Đảng bộ, chính quyền còn chú trọng lĩnh vực lâm nghiệp. Thực hiện Nghị quyết "về việc bảo vệ rừng, trồng cây phủ xanh đất trống đồi trọc, đẩy mạnh giao đất, giao rừng, kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp" (ngày 12-3-1984) của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác trồng rừng được đẩy mạnh thêm một bước. Trong thời kỳ này, Sơn Trà triển khai cho 24 hộ dân trồng 50 ha rừng trên diện tích đồi núi trọc dọc theo chân núi Mồng Gà. Diện tích đất trống đồi trọc trên địa bàn giảm xuống.

Về văn hoá, giáo dục: thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, Đảng uỷ chủ trương phải chăm lo xây dựng cơ sở vật chất cho các nhà trường, tiến hành xây dựng trường bằng gạch ngói kiên cố. Đảm bảo đủ phòng học cho trường cấp 1 và trường cấp 2. Thời gian này, Bộ giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hệ 12 năm. Xã cũng đã lo củng cố một số nhà trẻ bị xuống cấp, hỗ trợ đầy đủ theo quy định của trên về phụ cấp giáo viên nhà trẻ. Năm học 1984-1985 số học sinh toàn xã chiếm tỷ lệ 22% dân số, gần 800 học sinh cả 3 cấp.

Về y tế: xã đã chủ động phòng bệnh nên không để xảy ra dịch bệnh mặc dù từ năm 1983-1985 có nhiều trận bão, rồi lũ lụt xảy ra kéo dài ngay trên địa bàn xã. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch được trạm xá tiến hành thường xuyên nên tỷ lệ sinh đẻ hạ từ 1,7% năm 1984 xuống còn 1,6% năm 1985.

Về công tác xây dựng Đảng: Do quán triệt sâu sắc tinh thần của Nghị quyết 04 của Ban Chấp hành Trung ương, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ trong thời kỳ này có những chuyển biến đáng ghi nhận. Công tác xây dựng Đảng luôn gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Đảng bộ thường xuyên tham gia nhiều đợt học tập chính trị của huyện, tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị ở địa phương và thông qua phong trào quần chúng để nâng cao chất lượng đảng viên và xây dựng tổ chức Đảng. Kết quả qua các đợt sinh hoạt chính trị, phân loại Đảng viên cuối năm 1983 cho thấy đại đa số cán bộ Đảng viên trong Đảng bộ có lập trường tư tưởng vững vàng, có ý chí khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ chính trị, nhiều đồng chí vẫn phát huy tốt 20 đảng viên, 105 đảng viên đủ tư cách. Các cuộc họp ở Đảng bộ, Đảng uỷ phê phán nghiêm khắc những đảng viên thiếu tinh thần trách nhiệm, tư tưởng vun vén cá nhân trong quá trình thực hiện Nghị quyết 6 và Chỉ thị 100. Từ năm 1983 đến năm 1985, Đảng bộ đã kết nạp thêm 6 đảng viên mới. Tăng cường giáo dục tuyên truyền đi đôi với xử lý nghiêm khắc đối với những trường hợp sai phạm trong cán bộ, đảng viên là kinh nghiệm quan trọng để xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh về chính

trị, tư tưởng và tổ chức mà Đảng bộ Sơn Trà đã rút ra trong thời kỳ này.

Ngày 20-5-1985, Đảng bộ xã Sơn Trà tổ chức Đại hội khóa XI (nhiệm kỳ 1985-1988) tại Văn phòng Đảng ủy. Tham dự Đại hội có 96 đảng viên đại diện cho 198 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã đánh giá một cách nghiêm túc việc lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X, các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, của huyện. Căn cứ tình hình cụ thể của địa phương, Đại hội đã đề ra những nhiệm vụ trong tâm trong nhiệm kỳ này là:

- Đẩy mạnh giải pháp thâm canh lúa, đưa năng suất lúa 3,6 tấn/1ha, chỉ đạo cây lúa hè thu 70 - 80 ha.

- Giảm diện tích mía, tăng diện tích lạc.

- Quyết tâm đưa phong trào xã nhà phát triển mạnh trên tất cả các lĩnh vực nhằm không ngừng nâng cao cuộc sống người dân, động viên toàn dân hết sức chăm lo việc học tập của con em.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 9 ủy viên. Đồng chí Lê Xuân Trì được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Văn Đình Tuyết giữ chức vụ Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, đồng chí Lê Văn Tân - Đảng uỷ viên trực tiếp làm Chủ nhiệm Hợp tác xã, đồng chí Nguyễn Khang - Đảng ủy viên trực tiếp làm Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân, đồng chí Lê Văn Tôn - Đảng ủy viên phụ trách trực Đảng.

Sau Đại hội, Đảng uỷ chỉ đạo sản xuất vụ hè thu, bước

đầu đưa nhiều diện tích đất cát pha như ở Đàng Vại, Cồn Chăm vùng 4 vào sản xuất đậu hè thu và tổ chức làm thủy lợi bồi đắp bờ vùng.

Theo lịch trình của Huyện từ ngày 20 đến ngày 29/9 là đợt huấn luyện dân quân tự vệ gồm có lực lượng dân dự bị. Cuối đợt huấn luyện nhiều người được xếp loại khá, giỏi (30 người).

Ngành nghề thợ xây ở Sơn Trà đã có từ những năm trước thì năm 1985 được xã khuyến khích phát triển mạnh thu hút nhiều lao động.

Năm 1985 xã vẫn hoàn thành nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước với mức 180 tấn thóc.

Trải qua 10 năm thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, lần thứ V và các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện, Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà đã phát huy truyền thống cách mạng của quê hương vượt qua muôn vàn khó khăn, khắc phục hậu quả chiến tranh và thiên tai, giành được nhiều thành tựu cơ bản trên các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, 50% hộ dân đã có tích luỹ xây dựng nhà ở, con em được học hành đến nơi đến chốn, đã có nhiều học sinh trong xã học giỏi, thi đỗ các trường Trung cấp, Cao đẳng và Đại học, trình độ dân được nâng cao. Bên cạnh đó vẫn còn nhiều hạn chế: Về kinh tế vẫn là một nền sản xuất nông nghiệp độc canh, năng suất thấp, đất đai chưa được khai thác hết. Việc đưa tiến bộ khoa học

kỹ thuật vào sản xuất chưa được chú ý, trình độ thâm canh chưa cao, chú trọng về lúa xem nhẹ màu; các khâu giống, mạ quy trình chưa sát đúng... Đảng uỷ và Uỷ ban nhân dân xã thiếu kiên quyết trong việc chỉ đạo khoán sản phẩm, đi đến tình trạng khoán trắng, việc chỉ đạo sản xuất hè thu, vụ đông còn nhiều tồn tại bất cập, năng suất lúa chưa cao. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng trên là do:

- Hiểu biết và khả năng vận dụng chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng, các nghị quyết của Tỉnh, của Huyện còn bộc lộ nhiều sai sót.

- Cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ tiếp thu các nghị quyết một cách thụ động và còn nhiều đồng chí giảm sút ý chí phấn đấu, thiếu tinh thần trách nhiệm, không tiên phong gương mẫu.

- Đảng uỷ còn coi nhẹ công tác giám sát, kiểm tra trong quản lý kinh tế, ăn chia theo công điểm gây hoài nghi trong dân.

Từ năm 1986, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, những tồn tại trên được kiểm điểm, đánh giá nghiêm túc và từng bước được khắc phục. Đảng bộ và nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thử thách tiếp tục đưa quê hương phát triển trong thời kỳ đổi mới.

CHƯƠNG V

ĐẢNG BỘ SƠN TRÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986-2015)

I. TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI QUÊ HƯƠNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM (1986 - 1990)

Ngay sau ngày hòa bình lập lại, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc khôi phục đất nước, hàn gắn vết thương chiến tranh. Bên cạnh đó, Đảng ta không ngừng vươn lên, sáng tạo, tìm tòi, thể nghiệm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện lịch sử mới. Từ năm 1976 đến năm 1986, trải qua 2 nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc (Đại hội IV và V), cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng cũng gặp không ít khó khăn trở ngại. Đặc biệt từ giữa những năm 80,

đất nước ta lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh đó, một lần nữa bản lĩnh chính trị và khả năng sáng tạo tiềm tàng của toàn Đảng, toàn dân ta lại được thể hiện.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 12-1986) là cái mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển sang thời kỳ đổi mới của Đảng và Nhà nước ta. Với phương châm: đổi mới toàn diện, đồng bộ từ kinh tế, chính trị, xã hội đến tư tưởng. Trong đó: đổi mới về kinh tế là trọng tâm. Đổi mới về chính trị phải vững chắc, không gây mất ổn định, đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế quản lý thị trường theo phương thức hoạch toán kinh doanh. Quản lý kinh tế bằng biện pháp kinh tế, lấy hiệu quả kinh tế làm nguyên tắc phân phối sản phẩm cho người lao động. Về chính trị, thực hiện dân chủ hóa nội bộ, "lấy dân làm gốc" và "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

Trên cơ sở đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng đề ra, căn cứ vào điều kiện cụ thể của tỉnh nhà, Đại hội lần thứ XII Đảng bộ tỉnh Nghệ Tĩnh nêu lên 5 mục tiêu tổng quát:

1. Ổn định và phát triển sản xuất, trước hết là phát triển nông nghiệp toàn diện.

2. Tạo sự chuyển biến tích cực về mặt xã hội, bảo đảm cho người lao động có việc làm, thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể, xây dựng quan hệ xã

hội lành mạnh và nếp sống văn minh, giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương, bài trừ tệ nạn tham nhũng …

3. Tạo ra tích luỹ thực sự từ nội bộ nền kinh tế trước hết là từ trong sản xuất, tăng năng suất lao động … phát triển thủy lợi, giao thông.

4. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất…

5. Tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh. Hết sức coi trọng việc củng cố và tăng cường quốc phòng an ninh ở tuyến biên giới, tuyến biển và hải đảo, các địa bàn xung yếu, thành phố và các vùng công nghiệp tập trung.

Ngày 4-9-1986, Đại hội Đảng bộ huyện Hương Sơn khóa XV được tổ chức đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ triển khai kế hoạch 5 năm 1986 - 1991 là:

- Không ngừng khai thác tiềm năng hiện có của một huyện trung du, đổi mới mạnh mẽ cơ cấu sản xuất theo hướng nông, lâm, công nghiệp kết hợp, tập trung mọi cố gắng cho sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện.

- Ra sức thâm canh cây lương thực, cây công nghiệp xuất khẩu, phấn đấu tự trang trải về nhu cầu lương thực, thực phẩm, tăng nhanh khối lượng và giá trị hàng xuất khẩu để nhập khẩu tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.

- Chú trọng khuyến khích kinh tế gia đình phát triển đúng hướng. Nhanh chóng khắc phục những non kém trong phân phối lưu thông, tăng cường mở rộng địa bàn

liên doanh liên kết, chủ động nắm hàng, nắm tiền để ổn định giá cả thị trường. Thực hiện tốt việc phân phối hàng hóa đến tận tay người tiêu dùng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Vận dụng phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" để đẩy nhanh tốc độ xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Trong đó ưu tiên những công trình phục vụ sản xuất và đời sống, đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục một cách vững chắc phù hợp với điều kiện kinh tế.

- Không ngừng củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội các cấp, Ban Chấp hành Đảng ủy xã Sơn Trà đã tổ chức hội nghị vào cuối tháng 12-1987. Hội nghị đã nêu lên nhiệm vụ cụ thể cho năm 1988 như sau:

1. Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp phát triển toàn diện. Thâm canh lúa, tăng diện tích trồng lạc đông xuân, đậu hè thu, phát triển đàn trâu, bò, lợn, gia cầm, đẩy mạnh trồng rừng, phấn đấu tự trang trải về nhu cầu lương thực.

2. Chú trọng khuyến khích kinh tế hộ gia đình phát triển đúng hướng, mỗi gia đình sản xuất 100 kg hoa màu các loại.

3. Về văn hoá, y tế, giáo dục có bước chuyển mạnh như xây dựng gia đình văn hoá, trạm xá phục vụ tốt về cấp thuốc và điều trị người bệnh, tuyên truyền vệ sinh phòng dịch.

4. Tổ chức huấn luyện quân sự một tuần giữ vững an ninh chính trị thôn xóm.

Để thực hiện được những nhiệm vụ nêu trên, Đảng ủy xã đề ra mục tiệu phấn đấu cụ thể:

- Phấn đấu năng suất lúa 3,2 tấn/ha, sản lượng 840 tấn thóc, màu quy thóc 150 tấn.

- Chỉ tiêu cấy lúa hè thu: 120 ha

- Đậu hè thu: 60 ha

- Làm nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước đạt 100% chỉ tiêu trên giao.

- Phấn đấu Đảng bộ tốt, 95% đảng viên đủ tư cách, trong đó 20% đảng viên đạt loại tốt.

Giữa năm 1988 công trình đường 8A đi qua xã được hình thành, có nhiều hộ dân tự tiện di chuyển nhà cửa vào ở hai bên đường 8A. Tất cả có đến hơn 235 hộ dân di dời. Vùng dân di dời đến ở đông nhất là vùng Bang Trại, chân Rú Cầu và đến năm 1989 thì hình thành 2 xóm mới đông vui đó là xóm 9 và xóm 10.

Giữa thời điểm 1988, 1989 tranh giành đất ở, đất sản xuất dọc 2 bên đường 8A sự việc diễn ra ngày một phức tạp mà Uỷ ban nhân dân xã chưa kịp chấn chỉnh theo Nghị quyết của Đảng uỷ, vấn đề này sẽ được giải quyết ở kỳ đại hội lần thứ 12 của Đảng bộ.

Ngày 25-10-1988 Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Sơn Trà khóa XII (nhiệm kỳ 1988-1991) được tổ chức tại trụ sở xã. Tham dự Đại hội có 90 đảng viên đại diện cho 198 đảng viên trong Đảng bộ.

Từ sự phân tích những thuận lợi, khó khăn của xã nhà, Đại hội đã đề ra nhiệm vụ chỉ tiêu cơ bản sau:

1. Theo quan điểm đổi mới, coi hộ nông dân là đơn vị sản xuất tự chủ. Đảng bộ kêu gọi mỗi gia đình hãy chăm lo sản xuất vụ đông, trồng nhiều rau bầu, bí để tự cứu đói. Các hộ gia đình, mỗi hộ nuôi từ 1 đến 2 con lợn, phát triển đàn gà, phát triển chăn nuôi trâu, bò. Chỉ tiêu 1.000 đầu lợn, 900 con trâu bò, 20 con gà, vịt ở mỗi gia đình sản xuất 100 kg rau màu các loại. Đảng uỷ chính quyền khuyến khích các hộ gia đình có điều kiện xây dựng các mô hình sản xuất theo phương thức VAC để nhanh chóng nâng cao thu nhập cho gia đình. Đảng uỷ khuyến khích đảng viên và mọi người làm kinh tế tư nhân theo quy định của pháp luật, khuyến khích mua máy xay xát gạo, máy cày, máy làm đất.

2. Hợp tác xã tinh giản bộ máy quản lý, từ điều hành chuyển sang quản lý dịch vụ cho hộ nông dân các loại phân bón, đồng thời công khai nói với các hộ dân về quyền lợi và làm nghĩa vụ trên diện tích đất ruộng được giao.

3. Vận dụng phương châm "dân làm Nhà nước hỗ trợ" xã tiến hành xây dựng trường học, trạm xá bằng gạch ngói kiên cố. Trong công tác thủy lợi xây dựng cơ bản, động viên bà con rải đá cấp phối đường giao thông ở các xóm. Đắp sửa các đường trục ngoài đồng ruộng do lụt tiểu mạn làm hư hại.

Về giáo dục phát triển một số điểm giáo dục mầm non, tập trung 3-4 xóm một địa điểm áp dụng thay sách giáo khoa.

4. Kể từ Đông Xuân 1988-1989 thực hiện thâm canh giống IR-1820 thuần chủng, vụ hè thu giống CR203, giống ngô ngắn ngày TSB42, MSB49.

5. Đảng uỷ khuyến khích con em khi đã tốt nghiệp phổ thông cần đi học nghề, tìm kiếm việc làm tuy phải đi xa quê hương.

6. Yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải biết thuyết phục và động viên quần chúng làm tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Cán bộ, đảng viên phải luôn gương mẫu đi đầu trong các phong trào thi đua, nhất là hiểu và làm về phong trào thi đua yêu nước. Các tổ chức quần chúng như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ, tổ chức mặt trận phải đổi mới phương thức hoạt động trong điều kiện mới. Đại hội Đảng bộ nhấn mạnh giữ vững khối đoàn kết trong Đảng, tăng cường đấu tranh phê và tự phê, giữ vững nguyên tắc Đảng, nguyên tắc tập trung quy hoạch cán bộ trong từng ngành của xã, quy hoạch dài hơn về đào tạo cán bộ cho Đảng. Đại hội yêu cầu tổ chức Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã phải thường xuyên đổi mới để làm tốt công tác điều hành quản lý Nhà nước, thực hiện kỹ cương phép nước nơi công sở.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá mới gồm 9 ủy viên. Đồng chí Văn Đình Tuyết được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Lê Văn Tân - Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Lê Trọng Ngọc - Phó bí thư trực Đảng.

Phát huy kết quả sau Đại hội là đợt triển khai chiến

dịch làm thủy lợi hơn 1 tuần. Kết quả 5 ngày làm thủy lợi nội đồng, toàn xã đã đào đắp hơn 1000 m^3 đường trục và bờ vùng, huy động hơn 3.000 ngày công. Tiến hành xong đợt thủy lợi, Đảng uỷ và Hợp tác xã cùng Uỷ ban nhân dân xã lại triển khai kế hoạch làm vụ Đông Xuân 1988-1989.

Thực hiện vụ sản xuất đông xuân, các hộ gia đình đã chủ động áp dụng tiến bộ kỹ thuật từ khâu mua giống mới đưa vào đồng ruộng và tự tìm kiếm cách làm theo đặc tính đất đai thổ nhưỡng để cho năng suất cao. Như vậy, hộ nông dân đã thực sự trở thành một đơn vị sản xuất tự chủ. Nhiều gia đình chẳng những sưu tầm áp dụng các giống lúa mới vào đồng ruộng mà còn tự tìm tòi mua các giống bò lai tạo, các giống lợn để chăn nuôi, tự cải tạo các giống vật nuôi cho lại hiệu quả cao. Các hộ dân cũng đã hết sức tận dụng đất vườn đồi trồng cây ăn quả, cây chuối. Nhiều gia đình trong độ tuổi lao động vợ chồng sắp xếp chuyện nhà để chồng đi làm nghề thợ xây, thợ mộc. Nghề thợ mộc ở Sơn Trà lúc bấy giờ rất phát triển, có uy tín trong và ngoài xã.

Buổi ban đầu tư duy đổi mới làm ăn người dân đang hy vọng một vụ mùa thắng lợi thì lũ tiểu mạn tháng 5-1989 (ngày 22-4 âm lịch) đã huỷ hoại gần như toàn bộ vụ sản xuất đông xuân 1988-1989. Đây là một trận lũ lớn bao năm chưa từng xẩy ra ở thời điểm mưa tiểu mãn. Thật là đáng tiếc khi nước lũ đang lên, nhiều người kéo xe đi móc khoai lang ở các cánh đồng Cồn Rã, Đồng Tùng, Cồn Míu, khi về nước cuốn trôi cả xe lẫn khoai và có một người chết đó là bà Lê Thị Hương - xóm 4.

Sau khi nước lũ rút hết, người dân đi thu hoạch lúa vớt vát ít nhiều, có hộ do lúa trổ bông muộn hơn thì bị mất trắng. Các gia đình đều lo cái đói cận kề, Hợp tác xã thì không có gì ngoài việc hoá giá tài sản đã tích góp bao năm. Tuy vậy, về mặt chăn nuôi trâu, bò, lợn, gia cầm thì ở Sơn Trà từ năm 1988 lại rất phát triển, bò me chăn thả có người ví đỏ cả cánh đồng khi nửa chiều bóng ngã mỗi ngày.

Cùng cả nước, cả tỉnh, huyện qua 4 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng còn có những hạn chế nhưng đã tạo được một số chuyển biến tích cực trên các mặt: phát huy tốt hơn quyền làm chủ, tính chủ động sáng tạo của nhân dân; từng bước ổn định và cải thiện cuộc sống; tư duy kinh tế của cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên. Từ thực tế đó, Đảng bộ Sơn Trà đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu trong việc lãnh đạo công cuộc xây dựng quê hương.

II. ĐẢNG BỘ SƠN TRÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM (1991-1995)

Dưới ánh sáng của đường lối đổi mới do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng khởi xướng, trong giai đoạn 1986-1990, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu có ý nghĩa to lớn trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa-xã hội… Nền kinh tế bước đầu thoát khỏi giai đoạn khủng hoảng kéo dài, tạo tiền đề phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Tuy nhiên, công cuộc đổi mới của nước ta chỉ là bước đầu, những thách thức, khó khăn cả khách quan lẫn chủ quan còn ở phía trước. Trong những năm 1989-1991, sự

sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu đã đặt ra những vấn đề lớn về mô hình CNXH, buộc chúng ta phải nhận thức lại để thúc đẩy sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên. Trong bối cảnh đó, tháng 6-1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng được tổ chức tại thủ đô Hà Nội. Đại hội đã thông qua "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" và "chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000". Cương lĩnh khẳng định: "Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của Chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, văn hóa và tư tưởng làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh"[(1)].

Từ ngày 24 đến ngày 27-12-1991, Đại hội Đảng bộ huyện Hương Sơn được tổ chức đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của đảng bộ trong nhiệm kỳ này là: Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn, khai thác mọi nguồn lực, tập trung sức lực phát triển nông nghiệp toàn diện, từng bước thực hiện mô hình nông - lâm - công nghiệp - dịch vụ, mở mang một số ngành nghề mới, giải quyết việc làm và đời sống ổn định. Đẩy mạng hoạt động văn hóa, xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, hạ tỷ lệ phát triển dân số. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, làm tốt nhiệm vụ quốc phòng.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam - Chặng đường qua hai thế kỷ, Nxb Chính trị - Quốc gia Hà Nội 2006, tr 487.

Ngày 20-10-1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Sơn Trà khóa XIII (nhiệm kỳ 1991-1994) được tổ chức tại Trụ sở Đảng uỷ. Tham dự Đại hội có 73 đảng viên đại diện cho 206 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội có 2 đồng chí ở Huyện uỷ về dự và chỉ đạo. Nghị quyết Đại hội đã đề ra những nhiệm vụ, mục tiêu trong nhiệm kỳ tới là:

1. Về công tác chính trị tư tưởng, Ban Chấp hành Đảng uỷ phải đặc biệt quan tâm giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó tạo sự đồng thuận đoàn kết trong Đảng bộ.

2. Duy trì sinh hoạt chi bộ theo định kỳ hàng tháng, phát huy tự do tư tưởng, đề cao phê bình và tự phê bình, tránh e dè nể nang trong đấu tranh, xây dựng Đảng bộ và các chi bộ trong sạch vững mạnh. Đảng viên nêu cao ý chí tự lực tự cường trong phát triển kinh tế hộ, nêu tấm gương sáng cho bà con noi theo, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của chính quyền các cấp.

3. Xây dựng các đoàn thể vững mạnh, tổ chức mặt trận phải làm tốt vai trò hạt nhân đoàn kết trong các khu dân cư, phát huy quyền làm chủ tập thể của mọi người, nhất là làm tốt các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, bầu cử Quốc hội. Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã luôn giới thiệu những Đoàn viên hăng hái, nhiệt tình về các công việc tập thể cho các chi bộ.

4. Đề ra một số chỉ tiêu:

- Năng suất lúa đạt 3,8 tấn/1ha một vụ, đưa tổng sản lượng lương thực ổn định cho cả các năm sau là 867,6 tấn thóc kể cả màu quy thóc 120 tấn.

- Phát triển chăn nuôi trâu, bò lên tới 900 con. Trong đó có 10% bò lai, đàn lợn đạt hơn 1000 con, 1/4 là lợn sinh sản. Phát triển chăn nuôi gà ở các hộ gia đình mỗi hộ từ 20-30 con gà, khuyến khích chăn nuôi cá ao, hồ, vịt đàn, phát triển nhiều mô hình sản xuất chăn nuôi.

- Xây dựng trạm xá mới, ngói hoá các trường học, động viên con em đi học đúng độ tuổi, động viên các gia đình cho con theo học hết THPT, không bỏ học giữa chừng, thăm dò trình độ phổ cập người lao động. Thực hiện nếp sống mới về cưới hỏi, ma chay, chạy thầy cúng. Động viên các gia đình không để các tệ nạn xã hội xâm nhập, xói mòn đạo đức thế hệ trẻ.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 9 ủy viên. Đồng chí Lê Thanh Lộc được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Lê Trọng Ngọc giữ chức vụ Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Lê Đức Thủy phụ trách trực Đảng.

Sau Đại hội Đảng uỷ triển khai học tập chính trị, học tập Nghị quyết 16 của Huyện ủy, Nghị quyết của Tỉnh uỷ và các Chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về thời kỳ đổi mới. Sau đó Đảng uỷ triển khai học tập Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khoá XIII trong các đoàn thể quần chúng và nhân dân. Đợt học tập chính trị được triển khai ở Chi bộ và khối xóm. Qua học tập chính trị mỗi người dân đều nhận thấy

chủ trương đổi mới của Đảng qua mấy năm qua là đúng đắn, tạo bước chuyển biến tích cực để các hộ dân nâng cao mức sống, làm ăn có tích luỹ rồi xây dựng nhà cửa. Vấn đề sức ỳ trong dân không chịu nộp quỹ ở một số hộ dân đều được đông đảo hộ dân ủng hộ phải đóng góp cho Hợp tác xã hoạt động. Vấn đề các hộ dân nhận trâu, bò của Hợp tác xã đều phải thanh toán cho Hợp tác xã, các hộ dân nhận đấu thầu đất đai của Ủy ban nhân dân xã (35 mẫu) phải được thanh toán định kỳ theo quy định của Uỷ ban nhân dân. Từ những năm 1992 trở đi, Đảng uỷ chú trọng kiểm tra việc sinh hoạt chi bộ, kiểm tra lịch trình họp cấp uỷ từng chi bộ, kiểm tra ý thức sinh hoạt của Đảng viên, tránh tình trạng 2 đến 3 tháng mới họp chi bộ một lần, đấu tranh yếu, nể nang, thoái hoá biến chất. Có thể nói sau 4 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tình hình kinh tế xã hội Sơn Trà đã đi vào thế ổn định, đời sống nhân dân từ khi khoán hộ từng bước được nâng cao, nhân dân phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đảng bộ rút ra những bài học kinh nghiệm giai đoạn 1986-1991.

Phát huy những thuận lợi và khắc phục những khó khăn bằng nhiều giải pháp nên trong ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội, Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà đã giành được những thắng lợi trong công cuộc xây dựng, đổi mới quê hương.

Trên lĩnh vực kinh tế: Để phù hợp với tình hình theo chủ trương chung, hợp tác xã nông nghiệp được chuyển đổi từ mô hình quản lý điều hành tất cả các hoạt động của sản xuất sang đơn vị dịch vụ. Bộ máy hành chính từ nay đặt

dưới sự quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân xã. Sau khi chuyển đổi mô hình hợp tác xã, cuối tháng 3-1993, Đại hội Hợp tác xã nông nghiệp được tổ chức. Tham dự đại hội có 80 đại biểu xã viên tới dự, đại hội đề ra những nhiệm vụ cụ thể để phát triển Hợp tác xã trong thời kỳ đổi mới. Vấn đề trọng tâm là chuyển hướng hoạt động Hợp tác xã từ mục tiêu sản xuất sang dịch vụ phục vụ sản xuất. Đại hội bầu ban chủ nhiệm mới gồm ông Nguyễn Văn Hóa được bầu làm Chủ nhiệm Hợp tác xã, ông Phạm Đình Quang làm Phó Chủ nhiệm, ông Lê Xuân Diệu làm kế toán.

Đảng bộ tập trung vào việc phát huy quyền làm chủ trong sản xuất kinh doanh của hộ gia đình; đầu tư thâm canh tăng vụ, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, gắn nông nghiệp với lâm nghiệp. Đồng thời, xã cũng chăm lo tu sửa, nâng cấp, cải tạo, bồi trúc hệ thống kênh mương, bờ vùng, bờ thửa. Nhờ đó,tốc độ tăng trưởng của sản xuất nông nghiệp, bình quân nhiệm kỳ 1991-1994, riêng năng suất lúa đạt 4 tấn/ha. Lĩnh vực chăn nuôi cũng có nhiều tiến bộ.

Cùng với sự phát triển kinh tế, các hoạt động văn hoá - giáo dục và y tế cũng có những bước tiến đáng kể. Trình độ dân trí được nâng cao, sự nghiệp giáo dục và đào tạo được coi trọng hơn trước, chất lượng dạy và học đạt kết quả khả quan. 100% số cháu trong độ tuổi tiểu học được đến trường, tỷ lệ học sinh bỏ học giảm nhiều so với trước.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân đạt chất lượng tốt. Trạm Y tế xã giai đoạn này đã làm tốt công tác

chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân. Việc khám thai định kỳ và hộ sinh được tiến hành với các phương tiện mới. Mỗi năm có nhiều trẻ em chào đời an toàn và khỏe mạnh tại Trạm. Phối hợp với các đoàn y tế của huyện, Trạm đã tổ chức các đợt khám phụ khoa và đặt vòng tránh thai cho chị em. Công tác vệ sinh phòng bệnh bước đầu đi vào chiều sâu.

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững. Thực hiện Chỉ thị 135/CT-TTg, Chỉ thị 406/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về an ninh - quốc phòng, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được tích cực triển khai. Các tổ an ninh xóm được thành lập và hoạt động có hiệu quả. Ban Công an xã được bổ sung thêm lực lượng. Công tác thanh tra nhân khẩu, hộ khẩu được thực hiện nghiêm túc, hợp tình, đúng luật.

Lực lượng dân quân tự vệ với số lượng khá đông, có dân quân làm nòng cốt, quân dự bị động viên đã làm tốt chức năng và nhiệm vụ của mình. Công tác đăng kí nghĩa vụ quân sự tuổi 17, khám tuyển giao quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu; những trường hợp trốn tránh nghĩa vụ hay đào ngũ đều được xã cương quyết xử lí. Công tác hậu phương quân đội được quan tâm.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được tập trung đúng mức, thu được những thành tích lớn. Đảng bộ đã cụ thể hóa công tác này trên các mặt: xây dựng Đảng, chính quyền và vận động quần chúng.

Công tác xây dựng Đảng được triển khai trước hết trên lĩnh vực giáo dục chính trị tư tưởng. Trong nhiệm kỳ 1991-1994, Đảng bộ đã tiến hành tổ chức sinh hoạt học tập, quán triệt các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, Huyện ủy đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, làm chuyển biến nhận thức tình hình, nhiệm vụ xây dựng kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị trong giai đoạn mới. Cùng với học tập, quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các hoạt động tuyên truyền hướng về các ngày lễ kỷ niệm, ngày hội văn hóa truyền thống đã có tác dụng lớn, giáo dục truyền thống cách mạng trong mọi tầng lớp nhân dân.

Công tác xây dựng chính quyền và vận động quần chúng có nhiều tiến bộ. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, vai trò quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân có nhiều chuyển biến rõ nét, thể hiện trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Qua các đợt kiện toàn, nhất là qua bầu cử Hội đồng nhân dân xã, chính quyền tiếp tục được củng cố, hoạt động điều hành theo chức năng tốt hơn.

Các đoàn thể quần chúng hoạt động đã bám sát hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân đã tập trung vào một số chương trình như: chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, xóa vườn tạp, lập vườn cây ăn quả, giúp nhau làm kinh tế gia đình... thu hút được đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia. Qua phong trào đã tổ chức tổng kết đúc rút kinh nghiệm, nhân điển hình, xây dựng

các phương thức hoạt động, có tác dụng thiết thực, thúc đẩy phong trào chung, góp phần quan trọng thực hiện tốt các mục tiêu đại hội.

Mặc dù đạt được những thành tựu to lớn, trong nhiệm kỳ 1991-1994, công tác lãnh đạo của Đảng bộ còn có một số tồn tại và khuyết điểm:

- Trước hết, trong công tác chỉ đạo điều hành Hợp tác xã trong công tác tư tưởng đối với đảng viên và quần chúng nhân dân còn có nhiều mặt chưa tốt phải được rút kinh nghiệm, bổ cứu.

- Về công tác lãnh đạo của Đảng bộ, năng lực vận dụng, cụ thể hoá đường lối đổi mới của Đảng bộ nhiều bất cập, non kém, thiếu nhạy bén, sáng tạo. Tư tưởng bảo thủ, trì trệ của nhiều Đảng viên là một trở lực hạn chế ý chí vươn lên xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ khá đông, nhưng lại tuổi cao, trình độ thấp, không phát huy vai trò đầu tàu gương mẫu như trong thời chiến tranh, ý chí giảm sút, thậm chí ở một số đảng viên thấp thua cả quần chúng. Số ít đảng viên có biểu hiện lợi dụng để tham ô, lo thu vén cho gia đình, làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân ngoài Đảng.

- Việc phát động phong trào trong quần chúng còn buông trôi thả lỏng, nói là tổ chức quần chúng học tập chỉ thị, nghị quyết thì cũng chỉ đại khái, không đến nơi đến chốn, việc quản lý chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã ít triển khai các chương trình khuyến nông, chậm áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi để các hộ

dân tự lo việc là chính, chưa chú trọng tổ chức cho dân học tập các chuyên đề về sản xuất chăn nuôi.

- Nghĩa vụ thuế cho Nhà nước chỉ đạt 60% mức trên giao, tức là 108 tấn nộp bằng tiền. Hơn thế nữa, nhiều cán bộ, đảng viên và một số không nhỏ quần chúng nhân dân nợ nần Hợp tác xã không chịu thanh quyết toán.

Những tồn tại trên đây sẽ được Ban Chấp hành Đảng bộ xã khoá XIII tiếp thu và có biện pháp khắc phục. Đại hội Đảng bộ lần này đã nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật. Với tinh thần tự phê bình của đảng viên, với yêu cầu sự nghiệp theo đường lối đổi mới của Đảng, Sơn Trà sẽ có bước tiến vững chắc.

Những bài học kinh nghiệm đã nói ở trên, kinh nghiệm về chỉ đạo đường lối đổi mới, kinh nghiệm về xây dựng và củng cố Đảng. Sơn Trà lại một lần nữa chứng tỏ đang cố vươn lên ngang tầm với yêu cầu mới của cách mạng.

Ngày 10-5-1994, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Sơn Trà khóa XIV (nhiệm kỳ 1994-1996) được tổ chức tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Tham dự Đại hội có 100 đảng viên đại diện cho 213 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã đánh giá tổng kết những thành tựu đạt được cũng như những thiếu sót, hạn chế và rút ra nhiều bài học kinh nghiệm về công tác lãnh đạo, điều hành, công tác vận động quần chúng đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới là:

- Tập trung làm tốt công tác giáo dục tư tưởng để mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thấy rõ thời cơ và thách thức: Thời cơ cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình sẽ không bị vướng mắc rào cản. Mặt khác, phải chấp nhận thách thức, nghĩa là mỗi hộ gia đình phải tự đổi mới về giống cây trồng, vật nuôi và cả bươn chải trao đổi dịch vụ hàng hóa theo quy luật cạnh tranh thị trường.

- Sản xuất nông nghiệp vẫn là trụ cột của nền kinh tế xã nhà, cần phải đổi mới cơ cấu mùa vụ cây trồng một cách mạnh mẽ, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, thực hiện chế độ thâm canh quay vòng sử dụng đất để cho sản lượng lương thực ngày càng cao và ổn định, để cho mọi nhà không vì cái đói mà cản trở bước tiến phát triển kinh tế hộ gia đình.

- Hướng tới việc xóa bỏ vườn tạp, chặt phá tre, tro kè hướng bà con dần dần sử dụng đất vườn có hiệu quả thiết thực, đồng thời có những giải pháp mạnh mẽ để giải tỏa đường liên thôn rộng thoáng, tạo điều kiện cho sử dụng xe cải tiến, xe bò kéo, xe cơ giới.

- Chủ động làm tốt công tác an ninh lương thực hướng tới mục tiêu phát triển xã nhà có kinh tế xã hội ổn định.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 9 ủy viên. Đồng chí Văn Đình Tuyết được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Lê Trọng Ngọc giữ chức vụ Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, đồng chí Lê Văn Tân giữ chức vụ Phó bí thư trực Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Đảng bộ Sơn Trà lãnh đạo chính quyền và nhân dân vượt qua nhiều khó khăn, thử thách đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các mặt.

Về kinh tế: mặt trận nông nghiệp vẫn được xem là mũi nhọn của nền kinh tế xã nhà. Trên cơ sở phương hướng chỉ đạo của Đảng bộ, chủ trương mạnh dạn đổi mới cơ cấu cây trồng, mùa vụ, áp dụng nhanh chóng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, thực hiện chế độ thâm canh, thực hiện khoa học lịch thời vụ… đã đưa lại những kết quả to lớn, thể hiện rõ rệt qua sản lượng lương thực toàn xã. Năm 1995, tổng sản lượng lương thực đạt 802 tấn thóc, lạc 40 ha đạt 70 tấn quy thóc, khoai lang 16 ha.

Trên cơ sở sự ổn định và tăng trưởng liên tục của trồng trọt, lĩnh vực chăn nuôi cũng đạt được những kết quả to lớn. Năm 1995, tổng đàn trâu, bò đạt 950 con, lợn 1.250 con tăng 10% so với năm 1994.

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, kinh tế vườn, Đảng bộ đã lãnh đạo tốt việc thực hiện xóa vườn tạp, lập vườn cây ăn quả, giao đất lâm nghiệp lâu dài cho hộ nông dân thông qua các dự án (Dự án 327, ODA…). Năm 1995, thực hiện Dự án 327 xã đã trồng được 30 ha rừng tăng 12% so với năm 1994. Diện tích trồng cây ăn quả, rau màu theo chủ trương xóa vườn tạp mới đạt 6 ha.

Năm 1994, Đảng uỷ cho thành lập Ban điều chỉnh lại ruộng đất. Sau thời gian làm việc, Ban chỉ đạo không chủ trương hoà đồng chia lại ruộng đất mà chỉ rà soát quỹ đất theo từng đội sản xuất, tức là theo đơn vị xóm. Theo Ban chỉ đạo hồi đó thì mỗi nhân khẩu được chia ruộng theo sản lượng thu cả năm là 1,8 tạ thóc, nếu là ruộng một vụ thì được trích 1,3 sào cho một nhân khẩu. Ngoài diện tích ruộng mỗi nhân khẩu còn được chia 6 thước đất màu

(khoảng 200m^2). Số đất ruộng còn lại Ban chỉ đạo định giá bán mỗi suất ruộng là 150.000 đồng. Đối tượng bán là những gia đình đông con, gia đình có con đang đi học đại học, cao đẳng. Số tiền bán ruộng do Ban quản lý Hợp tác xã thu tiền. Đến giai đoạn này khẩu được nhận ruộng đất còn gọi là "khẩu ruộng 94".

Trong công tác xây dựng cơ sở hạ tầng: Quý II năm 1995 xã Sơn Trà đã xây trạm biến thế 250 KVA tại trụ sở khi đó đang đóng ở Đình Làng, mỗi hộ dân đóng góp 300.000 đồng tổ chức kéo dây đến các xóm. Nhờ có điện người dân vô cùng phấn khởi, bộ mặt nông thôn ở Sơn Trà ngày càng đổi mới, 06 hộ dân mua sắm máy xay xát và 70% hộ dân mua sắm ti vi, đài các sét. Thông qua các phương tiện nghe nhìn mà người dân hiểu được các bản tin thời sự, bản tin về phương pháp sản xuất chăn nuôi, trồng rừng đạt kết quả khả quan, rồi phim ảnh, bóng đá … thật hấp dẫn và vui vẻ biết bao, người dân nâng cao tầm hiểu biết thông qua các phương tiện nghe nhìn hiện đại.

Về văn hóa - xã hội: công tác phát triển giáo dục được Đảng bộ coi trọng. Chất lượng giáo dục, đào tạo được nâng lên, học sinh giỏi các cấp ngày càng tăng lên; tỷ lệ học sinh đậu vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp chiếm tỷ lệ từ 10 - 12 % tổng số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, chất lượng khám, chữa bệnh có nhiều tiến bộ. Các chương trình tiêm chủng mở rộng, vệ sinh phòng dịch đạt khá. Hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em được quan tâm. Công tác

dân số - kế hoạch hóa gia đình từng bước đi vào chiều sâu, hạ tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên xuống dưới 1%.

Chương trình xóa đói, giảm nghèo bước đầu đạt kết quả khá. Việc thực hiện các chính sách xã hội đối với bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình liệt sỹ , người có công với nước, người tàn tật và các đối tượng xã hội khác luôn luôn được quan tâm. Phong trào đèn ơn đáp nghĩa, uông nước nhớ nguồn, giúp đỡ nhau trong thiên tai, hoạn nạn được quần chúng đồng tình ủng hộ, tình làng nghĩa xóm ngày càng được củng cố, tạo nên sự đoàn kết trong nhân dân để cùng nhau xây dựng quê hương.

Về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: Công tác xây dựng Đảng được triển khai trước hết trên lĩnh vực giáo dục chính trị tư tưởng. Trong nhiệm kỳ Đảng bộ đã tổ chức sinh hoạt học tập, quán triệt các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, Huyện ủy đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, làm chuyển biến nhận thức tình hình, nhiệm vụ xây dựng kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị trong giai đoạn mới.

Công tác kiểm tra theo quy chế điều lệ Đảng đã được tăng cường. Sau các đợt sinh hoạt, học tập Nghị quyết Trung ương 3, thực hiện Nghị định 355, chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên rõ rệt. Các cuộc sinh hoạt Đảng bộ đã có nhiều ý kiến đề nghị Đảng uỷ tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng Đảng viên qua các cuộc sinh hoạt chi bộ. Ý thức học tập, công tác, sinh hoạt tốt hơn, niềm tin của quần chúng đối với đội ngũ đảng viên được củng cố.

Về xếp loại danh hiệu Đảng bộ cuối năm 1993 và cuối năm 1994, Đảng bộ Sơn Trà vẫn được Huyện uỷ xếp Đảng bộ cơ sở khá trong 33 đơn vị khá của Huyện. Đảng uỷ xếp loại Chi bộ khá là chi bộ 2, 3, 4.

- Xếp loại đảng viên: có 171 đảng viên được xếp loại

+ Đảng viên phấn đấu tốt: 49 đồng chí; tỷ lệ 28%;

+ Đảng viên phấn đấu khá: 102 đồng chí; tỷ lệ 61%;

+ Đảng viên trung bình: 22 đồng chí; tỷ lệ 11%;

Công tác xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng đã biết tập trung vào những nhiệm vụ then chốt theo từng thời kỳ. Các đoàn thể trong tổ chức mặt trận như Hội nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội Cựu chiến binh đã tập trung vào mũi nhọn xoá đói giảm nghèo, giúp nhau làm kinh tế gia đình, xây dựng các phương thức hoạt động cụ thể theo từng chủ đề, mục tiêu làm kinh tế.

Bên cạnh những thành tựu đạt được xã còn tồn tại một số hạn chế như: nền kinh tế thuần nông, sản xuất hàng hóa chưa phát triển; tôc độ tăng trưởng còn chậm; công tác phát triển Đảng, kết nạp đảng viên mới còn nhiều bất cập, trong nhiệm kỳ không kết nạp được một đảng viên nào...

III. SƠN TRÀ CÙNG CẢ NƯỚC THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996 - 2015)

Cuối thế kỷ XX, đất nước đứng trước những thời cơ, thách thức và cả những vận hội mới. Sau những thành công bước đầu của công cuộc đổi mới (1986-1996), Sơn Trà

cùng các địa phương trong cả nước tiếp tục đi lên trên con đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Tháng 5-1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Sơn Trà khoá XV (nhiệm kỳ 1996-2000) được tổ chức tại Hội trường xã. Tham dự Đại hội có 102 đảng viên đại diện cho 204 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ khóa XIV, rút ra những hạn chế, bài học kinh nghiệm, Đại hội đã đề ra phương hướng, mục tiêu và các giải pháp cụ thể cho nhiệm kỳ tới.

Đại hội đã bầu Ban Chấp Đảng bộ xã gồm 11 ủy viên. Đồng chí Lê Văn Tân được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Văn Đình Tuyết giữ chức vụ Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, đồng chí Lê Tương giữ chức vụ Phó bí thư trực Đảng.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa XV, trong giai đoạn 1996-2000, Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà đã đồng sức, đồng lòng, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, tích cực phấn đấu tạo được bước chuyển biến quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực.

Về phát triển kinh tế: trong nông nghiệp đã tập trung chuyển đổi cơ cấu cây con, mùa vụ, nâng cao trình độ thâm canh, đưa các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nên đã tạo được bước tăng trưởng khá. Năm 2000, tổng sản lượng lương thực đạt 922 tấn, bình quân đầu người đạt gần 200 kg, các chỉ số chăn nuôi đàn trâu, bò 1050 con; lợn

1350 con; tăng trưởng kinh tế là 6%, bình quân đầu người đạt 1,5 triệu đồng.

Về xây dựng cơ bản: Đảng uỷ tập trung chỉ đạo huy động nội lực, xây dựng 1,4 km kênh mương cứng nội đồng, xây dựng 2 trạm bơm điện. Về xây dựng kênh mương cứng theo chủ trương của Đảng uỷ sẽ tiến hành thu mỗi sào ruộng 25.000 đồng, dự kiến sẽ thu được 71 triệu đồng nhưng thực tế chỉ thu được 51 triệu đồng.

Việc triển khai xây dựng 2 trạm bơm điện Đảng uỷ chủ trương thu gom tất cả số tiền bán tài sản Hợp tác xã cùng với bán cây cối hai bờ đê. Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng uỷ và Uỷ ban nhân dân đã rất tận tâm đi lại liên hệ mới hoàn thành các trạm bơm. Như vậy, Sơn Trà đã tự lực cánh sinh xây dựng trạm bơm điện tận dụng nguồn nước 2 bàu không phải lệ thuộc nhiều vào việc mua nước từ xã Sơn Hà. Đó là một thành công lớn đưa lại hiệu quả thiết thực cho nhân dân xã nhà dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng uỷ.

Trong 2 năm 1998, 1999 xã đã hoàn thành công việc cấp sổ đỏ cho 760 hộ dân, mỗi hộ nộp 10.000 đồng để làm sổ. Cũng trong thời gian này ngành công an xã tiến hành làm sổ hộ khẩu cho các hộ dân.

Đến năm 2000, nhờ sự giúp đỡ của ủy ban huyện, trụ sở mới được xây xong tại khu vực Đền Cả. Năm 2000 Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân và các ban ngành trong xã chuyển đến nơi làm việc mới trả lại Đình làng cho dân làng. Kể từ tháng 9-1945 khi Ủy ban cách

mạng lâm thời xã Đôn Mỹ được thành lập đã lấy Đình làng làm trụ sở làm việc của Uỷ ban nhân dân và ban ngành trong xã.

Về văn hóa - xã hội: Quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương V (Khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương V (Khóa VIII) đã làm dấy lên sinh khí mới trong đời sống văn hóa, khơi dậy mạnh mẽ những giá trị văn hóa truyền thống và cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà trong công cuộc đổi mới. Hàng năm, vào các ngày lễ lớn, xã thường tổ chức các buổi diễn văn nghệ, thi đấu bóng đá, bóng chuyền… với sự tham gia đông đảo của tầng lớp thanh, thiếu niên. Công tác tuyên truyền với những panô, áp-phích được triển khai thường xuyên, kịp thời phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương. Cũng qua đó, các thông tin thời sự, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung, các thông báo của Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể xã Sơn Trà được nhanh chóng đến với người dân. Số gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa ngày càng tăng. Các phương tiện phục vụ cuộc sống cũng tăng lên rõ rệt như: ti vi, xe máy, điện thoại cố định...

Thấm nhuần đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây", phong trào đền ơn đáp nghĩa được Đảng bộ và nhân dân luôn quan tâm và thực hiện đầy đủ, tự giác, chứa chan tình cảm. Mặt trận Tổ quốc xã đã tích

cực vận động nhân dân quyên góp ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai.... Đồng thời, quan tâm, chăm sóc, thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách, các gia đình thương, bệnh binh, liệt sỹ, gia đình có công với nước nhân dịp 27-7 hoặc mỗi dịp tết đến xuân về. Công tác chi trả chế độ hàng tháng được thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm chỉnh theo Thông tư 18 và Nghị định 28/NĐ-CP về các chính sách hậu phương quân đội.

Chất lượng dạy và học tiếp tục có những chuyển biến tích cực so với giai đoạn trước. Điều đó thể hiện qua số lượng học sinh giỏi huyện, giỏi tỉnh đều tăng. Cơ sở vật chất không ngừng được củng cố và tăng cường, phục vụ tốt hơn cho sự nghiệp giáo dục.

Công tác Dân số - kế hoạch hóa gia đình được các cấp ủy chỉ đạo chặt chẽ. Mạng lưới truyền thông dân số, mạng lưới chuyên trách công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình được củng cố từ xã đến các thôn xóm.

Về quốc phòng - an ninh: Việc xây dựng cơ sở an toàn, làm chủ, sẵn sàng chiến đấu luôn được địa phương coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Kế hoạch sẵn sàng chiến đấu gắn với giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội hàng năm được xây dựng và bổ sung. Lực lượng Công an xã, Dân quân tự vệ được củng cố đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và có nghiệp vụ khá, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao. Công tác huấn luyện dân quân hàng năm đạt chất lượng tốt, kể cả huấn luyện đại trà.

Hoạt động chính quyền: từng bước trưởng thành, Hội

đồng nhân dân đã phát huy được chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, chất lượng qua các kỳ họp tiến bộ, nhất là trong việc chuẩn bị các bản báo cáo, trả lời chất vấn, ban hành nghị quyết, tạo được niềm tin trong cử tri và nhân dân.

Uỷ ban nhân dân xã đã có sự cố gắng trong việc cụ thể hóa các chủ trương, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết của Đảng bộ và Hội đồng nhân dân, đề ra những cách làm phù hợp, từng bước xây dựng quy hoạch định hướng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn. Hoạt động quản lý, điều hành của Uỷ ban nhân dân ngày càng được cải tiến đi vào nền nếp, chủ động giải quyết công việc, hạn chế tình trạng quan liêu, từng bước cải cách thủ tục hành chính, thành lập bộ phận giao dịch "Một cửa" hoạt động có hiệu quả. Đặc biệt Uỷ ban nhân dân xã đã có nhiều biện pháp nhằm tranh thủ tối đa các nguồn đầu tư từ bên ngoài, các chương trình dự án phục vụ cho việc xây dựng cơ bản ở xã nhà.

Tháng 12-2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Sơn Trà khóa XVI (nhiệm kỳ 2000-2005) được tổ chức tại Hội trường xã (cạnh Đền Cả). Tham dự Đại hội có 112 đảng viên đại diện cho 224 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị từ năm 2000-2005, đồng thời đề ra một số chỉ tiêu cụ thể:

- Tăng trưởng kinh tế đạt 7% năm, sản lượng lương thực hàng năm đạt từ 900 - 1.000 tấn, bình quân đầu người đạt 250 kg, thu nhập bình quân 2,5 triệu đồng/người.

- Tăng diện tích trồng lạc lên 60 - 65 ha, giảm diện tích trồng khoai lang chỉ còn 5-6 ha.

- Về chăn nuôi: Duy trì đàn trâu bò hàng năm 900 con, khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu bò. Đàn lợn tăng hàng năm khoảng 5% so với năm 1999, phát triển đàn hươu 45 con, khuyến khích phát triển chăn nuôi ong.

- Hàng năm kết nạp từ 10-20 đảng viên mới. Phấn đấu đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, 100% Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh.

- Phấn đấu cuối nhiệm kỳ xây dựng trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia, xây dựng trường Mầm non mới tập trung toàn xã. Đảng ủy chủ trương kêu gọi vốn đầu tư xây dựng 5 cầu bằng bê tông. Xây dựng lại Đền Cả, xây dựng đài tưởng niệm. Động viên cán bộ dân xây dựng nhà kiên cố, ngói hóa nhà ở. Mở nhiều lớp chuyên đề dạy nghề cho người lao động. Luôn đảm bảo thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người dân được hưởng trợ cấp.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 11 ủy viên. Đồng chí Văn Đình Tuyết giữ chức vụ được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy; đồng chí Lê Xuân Quyền giữ chức vụ Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; đồng chí Lê Văn Tân giữ chức vụ Phó bí thư thường trực Đảng ủy.

Bám sát các chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ khóa XV, Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ khóa XIX, (trong 5 năm 2001-2005), Đảng bộ và nhân dân xã Sơn Trà đoàn kết một lòng, nêu cao tinh

thần cách mạng tiến công thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Về kinh tế: có bước tăng trưởng, kết cấu hạ tầng phát triển nhanh, đời sống vật chất của nhân dân được cải thiện đáng kể.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 8%, thu nhập bình quân đầu người đạt 3,5 triệu đồng, tổng sản lượng lương thực kể cả hoa màu quy thóc đạt 1.600 tấn, tổng sản lượng trâu, bò 1.054 con, tăng 254 con so với năm 2000; đàn lợn tăng 15%; đàn hươu tăng 4 lần so với năm 2000. Đã xuất hiện một số mô hình chăn nuôi cho thu nhập từ 8-20 triệu đồng/năm như mô hình chăn nuôi bò lai sin của ông Giáo, chăn nuôi hươu của ông Lộc xóm 1, ông Long xóm 9, chăn nuôi ong của ông Huề xóm 2, chăn nuôi vịt đàn của ông Dũng xóm 8…

Xã đã tiến hành giao đất rừng cho 34 hộ, tổng diện tích 79 ha, đạt 100% kế hoạch. Về xây dựng đã xây dựng một cơ sở sản xuất gạch 10 triệu viên năm, 2,7 km đường cấp phối liên xã, xây dựng xong 14 phòng học cao tầng trường Tiểu học cùng 1 văn phòng, 5 phòng học trường Mầm non, 2 trạm bơm điện, 3,1 km kênh mương bê tông, nhà bia tưởng niệm với tổng vốn đầu tư xây dựng 3 tỷ 488 triệu đồng. Trong đó nhân dân đóng góp 700 triệu đồng.

Trong xã có 3 đội chuyên nghề xây dựng thu hút 60 lao động, người dân mở mang kinh doanh có 2 cơ sở chế biến

lạc nhân, 6 máy xay xát, 3 ô tô, 5 máy làm đất, 1 điểm bán xăng dầu và nhiều điểm kinh doanh tạp hóa.

Trong nhiệm kỳ, chính sách dân số giảm tỷ lệ sinh từ 1,21% xuống còn 0,87%, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 20%.

Chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm được tập trung chỉ đạo giảm hộ nghèo từ 38% xuống còn 18% và không còn hộ đói. Trong nhiệm kỳ cũng đã xóa được 62 nhà tranh tre dột nát với tổng số tiền 254 triệu đồng. Trong đó nhân dân đóng góp 210 triệu đồng. Thực hiện kịp thời các chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng. Xã có chính sách và rất quan tâm đối với người tàn tật và các đối tượng không nơi nương tựa.

Hội khuyến học đã duy trì lễ phát thưởng học sinh giỏi, học sinh khuyết tật, học sinh thi đậu vào các trường Đại học, Cao đẳng. Các chi hội học được thiết lập ở 10/10 xóm, quỹ khuyến học có số dư 3 triệu đồng, góp phần thúc đẩy phong trào xã hội hóa giáo dục của Đảng.

Về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đã chú ý nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, 12/12 chi bộ đều tổ chức cho đảng viên học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

Đảng ủy coi trọng xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh theo đánh giá phân loại của Ban Chấp hành Đảng ủy

vào cuối năm 2004 có 3 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh (27%), 8 chi bộ hoàn thành nhiệm vụ (73%). Qua đánh giá phân loại 147 đảng viên, có 41 đồng chí đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ (28%), 106 đồng chí đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ (chiếm 72%). Trong nhiệm kỳ đã kết nạp 38 đảng viên mới.

Trong nhiệm kỳ, Đảng ủy coi trọng công tác bồi dưỡng cán bộ trẻ và đã cử 1 đồng chí đi học đại học, 6 đồng chí học trung cấp chính trị, 21 đồng chí học sơ cấp chính trị, 5 đồng chí đi học trung cấp chuyên môn. Trong quy trình cán bộ đã kịp thời đạt yêu cầu từng bước trẻ hóa cán bộ, khắc phục sự hững hụt về cán bộ cho những năm tiếp theo.

Công tác kiểm tra và giữ gìn kỷ luật Đảng được tăng cường: Đảng ủy đã thường xuyên tiến hành kiểm tra các chi bộ trong việc thực thi các nhiệm vụ chính trị, tổ chức sinh hoạt chi bộ và việc thực hiện nhiệm vụ của đảng viên. Trong nhiệm kỳ cấp ủy và ủy ban kiểm tra cũng đã phối hợp với các cơ quan chức năng của huyện để kiểm tra, kết luận những dấu hiệu vi phạm của một số cán bộ, đảng viên, xử lý kỷ luật 7 đồng chí, góp phần giữ nghiêm kỷ luật Đảng.

Công tác vận động quần chúng có tiến bộ: Hoạt động của các tổ chức quần chúng và tổ chức mặt trận Tổ quốc đã góp phần quan trọng vào việc tăng cường khối đoàn kết toàn dân, thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, phát huy dân chủ trong nhân dân và tham gia xây dựng chính quyền. Hoạt động của Hội phụ nữ đáp ứng nguyện vọng của chị em phụ nữ, tích cực tham gia

phong trào xóa đói giảm nghèo, xây dựng gia đình hạnh phúc. Hội Cựu chiến binh tiếp tục giữ vững và phát huy truyền thống "Bộ đội cụ Hồ", góp phần ổn định chính trị ở cơ sở. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh mặc dù hoạt động còn khó khăn về tổ chức do Đoàn viên phải tiếp tục đi học lên, học nghề và đi học xa quê ít khi về quê tham gia phong trào, số Đoàn viên ở quê ít hẳn đi, nhưng đã có cố gắng trong việc tập hợp, giáo dục thanh thiếu niên, chăm lo cũng cố tổ chức đội thiếu niên nhi đồng. Hội khuyến học mặc dù mới được thành lập nhưng đã hướng tới việc xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học, tổ chức phát thưởng cho học sinh hàng năm nên đã khích lệ học sinh toàn xã chăm chỉ học tập hơn so với thời gian khi chưa có tổ chức hội.

Những thành tích đạt được trong nhiệm kỳ 2000-2005 là rất to lớn là cơ bản mở ra một thời kỳ phát triển tiếp theo của xã nhà. Tuy vậy đại hội cũng nhìn nhận đánh giá những tồn tại yếu kém của phong trào xã nhà cần được chấn chỉnh, khắc phục đó là:

- Trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị cũng còn nhiều bất cập: Nhận thức, tư duy của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa theo kịp yêu cầu sự nghiệp đổi mới, còn mang nặng tư tưởng bảo thủ, hữu khuynh, không tự giác phấn đấu vươn lên và còn biểu hiện lo lắng, băn khoăn, hoài nghi phai nhạt niềm tin, giảm sút, ý chí chiến đấu. Công tác chính trị tư tưởng thiếu chiều sâu, nhiều chủ trương, nghị quyết của cấp trên chỉ được phổ biến một chiều, chưa đề ra chương trình hành động,

các giải pháp phù hợp để vận dụng sát đúng với điều kiện thực tế của địa phương.

- Sức chiến đấu ở một số chi bộ chưa cao, tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ còn yếu.

- Hiệu lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện của chính quyền ở một số mặt còn hạn chế.

- Việc quản lý điều hành của Uỷ ban nhân dân còn lúng túng và thiếu kiên quyết, thiếu biện pháp tổ chức thực hiện nên một số nhiệm vụ hoàn thành còn ở mức độ thấp, nhất là trong chỉ đạo chuyển đổi ruộng đất, trong xây dựng cơ bản và đặc biệt là trong thực hiện chính sách xã hội còn nhiều sơ hở đã gây xôn xao dư luận một thời về việc "làm huân, huy chương giả". Huyện đã phải cử cán bộ về giúp Sơn Trà giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo niềm tin trong Đảng, trong dân, lấy lại uy tín cho Đảng.

- Về kinh tế: Chưa tận dụng và khai thác tốt tiềm năng lợi thế về đất đai, đất rừng, lao động để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, chưa mạnh dạn chuyển đổi ruộng đất để áp dụng các biện pháp cơ giới hóa và đầu tư thâm canh tăng hiệu quả sử dụng đất, một ha gieo trồng đạt 50 triệu đồng đối với Sơn Trà còn xa vời.

Việc huy động nội lực để xây dựng kết cấu hạ tầng còn rất hạn chế, công tác quản lý, giám sát xây dựng cơ bản còn bộc lộ nhiều yếu kém như một số đoạn mương cứng xây rồi bị hư hỏng không sử dụng được phải làm lại ….

Trong bối cảnh đất nước đã trải qua chặng đường gần 20 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới, cùng với nhân dân

huyện nhà lập thành tích hướng về chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, **ngày 12-8-2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Sơn Trà khóa XVII (nhiệm kỳ 2005-2010) được tổ chức tại Hội trường xã (cạnh Đền Cả).** Đại hội đã tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ 2000-2005, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị giai đoạn 2005-2010.

Tham dự Đại hội có 90 đại biểu đại diện cho 219 đảng viên toàn Đảng bộ. Đại hội vinh dự được đón đồng chí Phạm Văn Đào - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy về dự và chỉ đạo. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 13 ủy viên, trong đó đồng chí Nguyễn Quang Thọ được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy; đồng chí Lê Văn Tân giữ chức vụ Phó Bí thư trực Đảng; đồng chí Nguyễn Văn Hóa được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân[1].

Về phương hướng, mục tiêu chung đến năm 2010, Đại hội xác định: Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp. Nâng cao tỷ trọng chăn nuôi như trâu, bò, lợn, hươu, dê, gia cầm; 20-35% gia đình có giá trị kinh

(1) Đến tháng 7-2006, đồng chí Nguyễn Quang Thọ được điều về Huyện ủy công tác. Ban Chấp hành Đảng ủy họp và bầu đồng chí Lê Văn Tân giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy; đồng chí Phạm Đình Quang được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; đồng chí Lê Mạnh Hoàn - Chủ tịch Hội nông dân chuyển sang giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân..

tế chuyển sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi; chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu giống, thâm canh tăng năng suất; chuyển dịch cơ cấu ruộng lúa không chủ động nước sang màu, lạc, đậu, đẩy mạnh sản xuất vụ Đông; tập trung ruộng đất xây dựng mô hình sản xuất ggia trại; đưa cơ giới vào sản xuất nông nghiệp; làm tốt công tác trồng rừng, chăm sóc, phòng chống cháy rừng; tranh thủ tối đa các nguồn lực, đổi đất lấy cơ sở hạ tầng; nâng cấp Đền Cả; xây dựng 3 phòng học Mần non, xây dựng trạm y tế mới; xây dựng đội ngũ y tế có điều kiện chuyên môn, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; làm tốt công tác đền ơn, đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm - xuất khẩu lao động; đổi mới và tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân... giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý.

Phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, trong nhiệm kỳ qua Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà đã phấn đấu tạo được sự chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, công tác xây dựng Đảng. Đó là:

Kinh tế có bước tăng trưởng, kết cấu hạ tầng phát triển nhanh, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể: Tốc độ GDP năm sau cao hơn năm trước, bình quân đạt 9% năm, tăng 2% so với nhiệm kỳ 2001-2005, tổng giá trị GDP ước đạt 23,5 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 7 triệu đồng/năm (tăng 1,5 triệu đồng

so với Nghị quyết Đại hội XVII đề ra). Tổng sản lượng lương thực đến năm 2009 đạt 1.200 tấn, bình quân đầu người 450 kg thóc, đạt 100% kế hoạch đầu nhiệm kỳ, diện tích màu như lạc, đậu hàng năm đều tăng, chủ trương của Đảng ủy chuyển đổi một số ruộng cao táo không chủ động nước sang trồng cây ngô, cây công nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao như diện tích lạc năm 2009 là 62 ha, trong đó chuyển từ ruộng sang là 12,3 ha, sản lượng đạt 136 tấn, đậu hè thu 60 ha. Trong đó cơ cấu trên đất ruộng là 19 ha, sản lượng đạt 60 tấn; tổng đàn trâu, bò 1.128 con năm 2007, giảm xuống còn 711 con năm 2010, trong khi đó đàn lợn lại tăng từ 335 con năm 2008 lên 1.500 con năm 2010.

Đàn hươu từ 81 con năm 2009 tăng lên 100 con năm 2010. So với năm 2006 tăng 95%, tăng chăn nuôi vịt 431 con năm 2007, tăng 500 con năm 2009. Nuôi trồng thủy sản với diện tích 10,9 ha, sản lượng đạt 10 tấn/năm.

Tại địa phương có một trang trại nuôi lợn thuộc Công ty khoáng sản nuôi 300 con/1 lứa (mỗi năm 4 lứa 1.200 con), sản lượng thịt đạt 108 tấn/năm, mô hình chăn nuôi lợn 100 con/1 lứa và nhiều mô hình nuôi lợn từ 30 - 50 con/1 lứa.

Đất đai lâm nghiệp 193,86 ha, rừng trồng 79 ha thuộc 34 hộ được giao đất trồng rừng năm 2009 đạt 100% kế hoạch.

Thương mại dịch vụ ngày càng phát triển: Toàn xã có 18 ốt dịch vụ lớn nhỏ, 1 cửa hàng xăng dầu, 4 ô tô vận tải, 2 máy múc, 3 máy đập lúa, 8 máy xay xát gạo, 7 máy làm

đất, 2 máy cưa xẻ gỗ, 1 máy ép gạch, 1 lò rèn, 2 ốt hàn xì tạo điều kiện phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống cho nhân dân ngày càng tốt hơn. Đặc biệt trong xã tính đến năm 2009 đã có 5 đội xây dựng chuyên nghiệp, thu hút 80 lao động. Hạ tầng phát triển với tốc độ nhanh trong nhiệm kỳ đã tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn như đầu tư dự án đường IPAC xây dựng 2,7 km đường bê tông xong trước tết Tân Mão, 3,9 km kênh mương cứng và nhờ có dự án JBICH đường liên thôn 6,7 km được đầu tư từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ cơ bản được hoàn thành trong năm 2010 với số vốn 19 tỷ đồng, cũng trong nhiệm kỳ 2005-2010 đã xây dựng được 2 hội quán, chương trình 135 ở xóm 3 và xóm 5 đã triển khai làm được 786 m đường bê tông. Tại trường Mầm non Sơn Trà xây dựng một nhà văn phòng, 01 phòng âm nhạc, nâng cấp tu sửa lại nhà thiết bị phục vụ dạy và học. Đến ngày 30-9-2006, trường được công nhận là trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 1. Xã đã xây dựng tôn tạo di tích Đền Cả, đền được Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xếp hạng Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh ngày 20-1-2006. Năm 2010, xã cho xây dựng 181,1 m tường rào xung quanh đền. Trong nhiệm kỳ, xã đã hoàn thành xây dựng trạm xá mới tại khu vực Đền Cả, trạm xá cũ xuống cấp và được bán cho một hộ tư nhân. Quý III năm 2007, xã cho triển khai công trình điện nông thôn II. Đến cuối năm 2009, công trình được đưa vào sử dụng với số vốn đầu tư 2,6 tỷ đồng.

Văn hóa, xã hội có chuyển biến tích cực, công tác xóa đói giảm nghèo đạt kết quả bước đầu: Phong trào xây dựng

làng văn hóa, gia đình văn hóa đạt kết quả khá, 10/10 xóm đều xây dựng được hương ước, 57,1% số hộ được công nhận gia đình văn hóa năm 2009 tăng 18%, năm 2005 có 95% số hộ có phương tiện nghe nhìn, trên 70% số hộ có xe máy. Tính đến năm 2008 đã có 700 máy điện thoại. Hệ thống truyền thanh của xã phát huy tác dụng tốt, giúp cho nhân dân kịp thời nắm bắt được thông tin về chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, một số tập tục lạc hậu và những biểu hiện không lành mạnh trong xã hội đang dần được xóa bỏ.

Phong trào luyện tập thể dục thể thao của các tầng lớp nhân dân được phát huy mạnh mẽ. Đầu năm 2009 đã tổ chức thắng lợi đại hội thể dục thể thao cấp xã và tham gia khá đầy đủ các hoạt động tại đại hội thể dục thể thao cấp huyện.

Sự nghiệp giáo dục đào tạo được quan tâm đúng mức: 100% con em đến tuổi được đi học, không còn tình trạng học sinh bỏ học, hoàn thành phổ cập THCS. Trường Mầm non, trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ học sinh giỏi các cấp, học sinh tiên tiến, học sinh vào cấp THPT ngày càng cao, đặc biệt số học sinh thi đậu vào các trường Đại học, Cao đẳng mỗi năm một tăng. Từ năm 2006 đến năm 2010 đã có 91 học sinh thi đậu Đại học, 56 học sinh thi đậu Cao đẳng, 20 học sinh giỏi cấp tỉnh, 159 học sinh giỏi cấp huyện.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú trọng, hàng năm đều có tổ chức khám miễn phí cho người nghèo, tiêm chủng mở rộng, phòng chống trẻ em suy dinh

dưỡng được duy trì, chương trình tủ thuốc Pamaco được thực hiện tốt. Năm 2009 trạm đã khám và điều trị cho 1090 lượt người. Trong nhiệm kỳ trên địa bàn không có dịch bệnh xẩy ra, năm 2010 trạm xá đã khám và điều trị 895 lượt người, cấp và tẩm thuốc màn PCSR 2 đợt với 210 cái.

Chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình được triển khai và thực hiện có kết quả, đã giảm tỷ lệ phát triển dân số từ 1,21% xuống còn 0,87% (2010), công tác bảo vệ chăm sóc bà mẹ, trẻ em được quan tâm vì vậy đã giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng xuống còn 18% năm 2009.

Chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm thu được nhiều kết quả, tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới (2010) nằm ở mức 39%, không còn hộ đói. Năm 2010 đã có 374 hộ vay vốn với số tiền 6.213.840.000 đồng từ vốn tín dụng ưu đãi, vay học sinh, sinh viên đã phát huy hiệu quả, tác động tích cực đến phát triển kinh tế trên địa bàn, có 8 người đi lao động xuất khẩu. Trong nhiệm kỳ đã xóa được 12 nhà tranh tre dột nát với tổng số tiền 100 triệu đồng, trong đó Nhà nước hỗ trợ 16 triệu đồng. Ngoài ra phần đóng góp của các cơ quan doanh nghiệp tài trợ nguồn vốn cho 3 hộ chính sách xây nhà ở với số tiền 90 triệu đồng và địa phương cấp cho 2 hộ gia đình liệt sĩ 2 lô đất trị giá 70 triệu đồng. Đảng ủy cũng đã chỉ đạo kịp thời thực hiện các chính sách xã hội, cuối năm 2010 xã chỉ đạo xây dựng 2 ngôi nhà tình nghĩa tại xóm 3 (nhà bà Minh và nhà ông Cận).

Quốc phòng - an ninh được đảm bảo, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững: Xã đã triển

khai thực hiện tốt chế độ sẵn sàng chiến đấu, làm tốt công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, tổ chức khám tuyển đảm bảo chỉ tiêu chất lượng. An ninh trật tự, an toàn xã hội trong xã luôn được ổn định. Thường xuyên phát động phong trào "Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh", đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền pháp luật, nâng cao cảnh giác cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được quan tâm, tạo sự chuyển biến về nhận thức cho cán bộ đảng viên, đặc biệt là việc thực hiện Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo Hồ Chí Minh*". Qua tổ chức học tập số đảng viên tham gia đạt 95%, 12/12 chi bộ tổ chức cho đảng viên học tập đạt chất lượng cao. Từ năm 2007 đến năm 2010 Đảng ủy triển khai chuyên đề học tập, noi gương Bác thông qua các mẫu chuyện sinh động về Bác, đã từng bước tác động đến mọi người dân và hiệu quả to lớn của cuộc vận động trong Đảng, trong đời sống xã hội ngày càng được khẳng định. Đối với Đảng bộ và nhân dân toàn xã cuộc vận động ngày càng lan tỏa, sâu rộng đóng góp tích cực vào đời sống tinh thần của nhân dân, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Thường xuyên nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Coi trọng xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ, đảm bảo vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở.

Đến cuối nhiệm kỳ, có 12/12 chi bộ hoạt động có hiệu quả, qua đánh giá phân loại cuối năm 2009 đều đạt trong sạch vững mạnh, không có chi bộ yếu kém. Cuối năm 2010 có 3 chi bộ được xếp chi bộ trong sạch vững mạnh đó là chi bộ 2, chi bộ 5 và chi bộ trường Mầm non. Chất lượng đội ngũ đảng viên không ngừng được nâng lên. Tổng kết đánh giá đảng bộ cuối nhiệm kỳ có 16 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 115 đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, 41 đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chất lượng đội ngũ cán bộ công chức có chuyển biến rõ rệt. Công tác quy hoạch tạo nguồn và đào tạo bồi dưỡng cán bộ được đặc biệt chú trọng. Trong nhiệm kỳ đã cử 1 đồng chí đi học Đại học, 14 đồng chí đi học Trung cấp lý luận chính trị, 3 đồng chí đi học Sơ cấp lý luận chính trị, 3 đồng chí đi học Trung cấp chuyên môn. Việc bố trí cán bộ đã từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ, đặc biệt là trong cuối năm 2010 khắc phục sự thiếu hụt cán bộ cho những năm trước mắt và lâu dài.

Công tác kiểm tra và giữ gìn kỷ luật Đảng được tăng cường: Đảng ủy đã thường xuyên kiểm tra các chi bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, tổ chức sinh hoạt Đảng và thực hiện nhiệm vụ của Đảng viên. Trong nhiệm kỳ cấp ủy, Uỷ ban kiểm tra cũng đã phối hợp với các cơ quan chức năng của Huyện kiểm tra, kết luận các dấu hiệu vi phạm của một số cán bộ đảng viên, xử lý kỷ luật cảnh cáo 1 đồng chí, xóa tên 2 đồng chí, góp phần giữ nghiêm kỷ luật Đảng.

Hoạt động của chính quyền có bước phát triển: Uỷ ban nhân dân đã từng bước cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết

của Đảng ủy và Hội đồng nhân dân xã, chú trọng xây dựng chương trình kế hoạch công tác, xác định các khâu, các mũi đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng. Tập trung thu hút nguồn lực đầu tư phát triển tăng cường mối quan hệ phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các ban ngành đoàn thể, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo quản lý, điều hành. Năm 2010 đã làm tốt công tác tiếp nhận, phân phối, quản lý sử dụng nguồn hàng cứu trợ và kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả lũ lụt. Công tác quản lý, điều hành xã hội, cải cách hành chính và các hoạt động giao dịch "Một cửa" đã được chuyển biến tốt.

Hội đồng nhân dân: Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tăng cường thực hiện chức năng giám sát trên các lĩnh vực, chấn chỉnh những tồn tại khi thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Tổ chức tiếp xúc và đối thoại với cử tri để nắm bắt tình hình, tâm tư nguyện vọng và những vấn đề bức xúc của cử tri.

Mặt trận Tổ quốc đã góp phần quan trọng vào việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Hội phụ nữ đã có nhiều hình thức hoạt động cụ thể, thiết thực, đáp ứng nguyện vọng của chị em phụ nữ. Tích cực tham gia xóa đói giảm nghèo, xây dựng gia đình hạnh phúc. Trong cơ chế mới nhiều chị em đã đổi mới cách nghĩ, cách làm năng động, sáng tạo, mạnh dạn dám nghĩ dám làm như đầu tư mua trang thiết bị máy móc phục vụ cho sản xuất chăn nuôi. Thâm canh tăng vụ phát triển kinh tế

gia đình theo hướng sản xuất hàng hóa, kinh doanh buôn bán nhỏ, xây dựng được nhiều mô hình từ nghèo khó mà đi lên như mô hình gia trại gia trang như của chị Lê Thị Thân - chi hội 8, chị Lê Thị Huyền, chị Thái Thị Lam - chi hội xóm 10, chị Loan, chị Thanh - chi hội 9, chị An, chị Toàn - chi hội xóm 5.

Với tinh thần "Lao động sáng tạo" của các tầng lớp phụ nữ toàn xã trong 5 năm qua (2006-2010) đã phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết được Đảng ủy ghi nhận và khẳng định.

Hội phụ nữ góp phần to lớn vào công cuộc đổi mới quê hương, làm thay đổi cơ bản về năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, tăng hiệu quả kinh tế cho gia đình và xã hội, góp phần làm tốt công tác "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn". Trong 5 năm qua Hội đã vận động quyên góp với số tiền 4.520.000 đồng mua 24 sổ tiết kiệm tặng cho 24 mẹ, vợ liệt sĩ, chính việc làm vô cùng ý nghĩa đó mà giáo dục khơi dậy những cảm xúc, giá trị đạo đức văn hóa truyền thống của cán bộ và Hội viên phụ nữ xã nhà.

Từ năm 2006-2010, Hội khuyến học xã nhà đã tổ chức các đợt phát thưởng cho học sinh xã nhà học giỏi, học sinh thi đậu vào các trường Đại học, Cao đẳng, học sinh con nhà nghèo vượt khó học tập với số tiền 12,5 triệu đồng. Trong đó học sinh giỏi cấp huyện là 159 học sinh, học sinh giỏi cấp tỉnh 20, học sinh thi đậu Cao đẳng 36, học sinh thi đậu Đại học 91, học sinh khuyết tật 5, giáo viên giỏi 23. Hội khuyến học cũng đã xét và công nhận 74 gia đình hiếu học cấp xã, 40 gia đình hiếu học cấp huyện và cấp tỉnh.

Hội cựu chiến binh: Tiếp tục giữ vững và phát huy truyền thống "Bộ đội cụ Hồ", góp phần ổn định chính trị ở cơ sở, tổng kết 5 năm 2004-2009 toàn hội có 60 hội viên làm kinh tế giỏi, nhiệm kỳ trước 2004 chỉ có 12 hội viên. Cựu chiến binh hộ nghèo trong xã từ 70% năm 2004 giảm xuống chỉ còn 2% (5 hội viên), công tác "Đền ơn đáp nghĩa" năm 2008 hội đã quyên góp được 5 triệu đồng và hàng chục ngày công xây dựng ngôi nhà tình nghĩa cho bà Lê Thị Tao - vợ liệt sĩ cô đơn. Hội CCB xã thực sự là một tổ chức vững mạnh, đoàn kết và trọn vẹn nghĩa tình đồng đội, hội đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tặng Bằng khen và danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc".

Trong nhiệm kỳ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã nhà đã cố gắng trong việc tập hợp giáo dục thanh thiếu niên, chăm lo cũng cố đội thiếu niên nhi đồng. Dưới ánh sáng Nghị quyết số 25 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa". Tuổi trẻ Sơn Trà tự hào phấn khởi thực hiện 2 nội dung chính đó là: Hỗ trợ thanh niên học nghề và tạo việc làm được tất cả Đoàn viên thanh niên trong xã hưởng ứng nhiệt tình dưới sự hướng dẫn của Đoàn xã về chọn ngành, chọn nghề sao cho phù hợp với khả năng sở trường của mình, nhất là khi mỗi một đoàn viên bước vào thời kỳ cứng cáp cuộc đời lập thân, lập nghiệp. Đối với tuổi trẻ học đường, Đoàn xã tổ chức các cuộc sinh hoạt hè với chủ đề "Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ" để giúp các Đoàn viên thanh niên chăm chỉ học tập. Các hoạt động "Chung sức vì

cộng đồng" Đoàn xã chỉ đạo thống nhất hành động tuyên truyền cho đoàn viên ý chí, nghị lực, quyết tâm xóa đói giảm nghèo cho gia đình và quê hương trong thời đổi mới. Trong nhiệm kỳ 2006-2010 đã xuất hiện nhiều đoàn viên xuất sắc với 2 nội dung trên và đã có 25 đoàn viên được kết nạp vào Đảng.

Hội người cao tuổi: Với chủ đề *"Sống vui khỏe, sống có ích, xứng đáng danh hiệu ông, bà, cha, mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, sống có nhân cách để con cháu noi theo*"

Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ 2005-2010 còn nhiều hạn chế, khuyết điểm:

- Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với chỉ tiêu của huyện. Qua mô hình kinh tế nhỏ, tăng trưởng kinh tế chậm, tỷ trọng nông nghiệp, trồng trọt cao 75%, chăn nuôi 15-20%. Lĩnh vực thương mại dịch vụ chưa phát huy hết lợi thế địa phương.

Chất lượng giáo dục toàn diện còn hạn chế, trạm xá không có bác sĩ.

Kết quả xóa đói giảm nghèo thiếu bền vững, tỷ lệ lao động thiếu việc làm còn cao, con em đang phải đi xa tìm việc làm sinh sống còn đông.

- Công tác xây dựng Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị có một số hạn chế, khuyết điểm: Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho Đảng viên đôi lúc thiếu

nhạy bén, việc tổ chức tuyên truyền học tập, quán triệt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cũng như giáo dục đạo đức lối sống chất lượng còn hạn chế. Số ít cán bộ đảng viên còn tư tưởng bảo thủ, trì trệ, thiếu năng động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ: Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức trong hệ thống chính trị chưa ngang tầm với nhiệm vụ. Nội dung chỉ đạo, lãnh đạo của các tổ chức và của chi bộ đổi mới chậm. Công tác phát triển đảng viên mới ở một vài chi bộ chưa thực hiện theo đúng chỉ tiêu.

Từ những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế, Đảng bộ xã Sơn Trà đã rút ra những bài học kinh nghiệm để tiếp tuc hoàn thiện và bổ sung cho nhiệm kỳ Đảng bộ khóa XVIII (2011-2015).

Một là: Phải quán triệt sâu sắc quan điểm đổi mới của Đảng, các chủ trương nghị quyết cấp trên, vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tế của địa phương đề ra được những chủ trương giải pháp thích hợp và trên cơ sở đó tổ chức thực hiện thì mới đem lại hiệu quả cao.

Hai là: Phải giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, trước hết là trong Ban Chấp hành Đảng ủy. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, quy tắc làm việc, trên dưới một lòng vì mục tiêu xây dựng quê hương, vì lợi ích của nhân dân xã nhà.

Ba là: Đảng phải thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, của chi bộ, phương thức quản lý điều hành của chính quyền và phương pháp

vận động quần chúng của các tổ chức đoàn thể, tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra.

Bốn là: Đảng ủy phải đặc biệt quan tâm quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng quản lý và sử dụng đội ngũ cán bộ. Đảng phải thực hiện tốt tự phê bình và phê bình, đổi mới nhận thức và cách đánh giá cán bộ, đảng viên bằng hiệu quả công việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu.

Năm là: Coi phát huy nội lực là yếu tố quan trọng, đồng thời bằng mọi biện pháp để thu hút và sử dụng nguồn lực từ bên ngoài nhằm tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng, khơi dậy năng lực sản xuất mới thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển nhanh và bền vững.

Ngày 9, 10-5-2010, Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Sơn Trà khóa XVIII (nhiệm kỳ 2010-2015) được tổ chức tại Hội trường xã (cạnh Đền Cả). Tham dự đại hội có 130 đại biểu đại diện cho 235 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2005-2010, phương hướng mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ 2010-2015.

Phương hướng chung của nhiệm kỳ 2010-2015 được Đại hội Đảng bộ xác định là: *Gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội tạo sự chuyển biến cơ bản về chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Bảo đảm nhiệm vụ Quốc phòng - An ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội. Tạo sự chuyển biến cơ bản trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.*

Đại hội đề ra một số mục tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong 5 năm 2011-2015 đạt 10-12%.

- Tổng thu nhập bình quân đầu người hàng năm đạt 13.500.000 đồng vào năm 2015.

- Tổng sản lượng thực đạt 1.200 tấn/năm, sản lượng đậu hè thu, lạc xuân tăng hàng năm 10%, năm 2015 đạt 200 tấn lạc, 150 tấn đậu.

- Tổng đàn trâu, bò, lợn tăng hàng năm 10-15%, đàn hươu, dê hàng năm tăng 15-20%.

- Phấn đấu phủ kín đường bê tông liên thôn 3 km kênh mương bê tông.

- Xây dựng trường Tiểu học, trường Mầm non, Trạm xá đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn II (trạm xá có Bác sĩ).

- Phấn đấu trên 80% số hộ được công nhận gia đình văn hóa, gia đình hiếu học, 8 xóm còn lại đều xây dựng được Hội quán.

- Giữ tỷ lệ phát triển dân số 0,9% năm, trẻ em suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 18%.

- Đảm bảo đơn vị đạt chuẩn cơ sở an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu, ổn định chính trị.

- Kết nạp đảng viên mới, bình quân hàng năm 10-12 đồng chí.

- Xây dựng trụ sở mới đạt chuẩn công sở văn minh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 13 đồng chí. Đồng chí

Lê Mạnh Hoàn được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy xã; đồng chí Phạm Đình Quang giữ chức vụ Phó Bí thư thường trực Đảng ủy và đồng chí Nguyễn Văn Hóa giữ chức Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã. Đến ngày 16-5-2012, đồng chí Lê Quang Hồ được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thay đồng chí Nguyễn Văn Hóa (mất vào ngày 11-2-2012 vì bệnh hiểm nghèo). Ngày 16-5-2014, đồng chí Lê Quang Hồ được điều lên làm Trưởng phòng Nông nghiệp huyện Hương Sơn. Ngày 17-10-2014, đồng chí Lê Văn Bằng được bầu làm Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Đại hội đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Kết quả:

Về sản xuất nông nghiệp: Xác định sản xuất nông nghiệp là thế mạnh của địa phương, nhiệm kỳ qua Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật, chú trọng những cây, con chủ lực có thế mạnh của địa phương như: lạc, đậu, ngô; chăn nuôi như: hươu, bò, lợn, gà; Việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng được tập trung chỉ đạo quyết liệt. Đặc biệt năm 2012 thực hiện Nghị quyết 04 của Huyện ủy về việc xóa Xuân sớm, giảm Xuân trung, tăng Xuân muộn đã được cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể chỉ đạo, kết quả xóa được hơn 70 ha Xuân sớm IR1820. Thay vào đó là Xuân muộn như các giống Nhị ưu 838, Đại dương 8, Syn 6..., đưa lại năng suất cao. Tranh thủ tối đa các chính sách khuyến khích hỗ trợ của tỉnh, huyện

nên kết quả đạt được khá toàn diện. Tổng giá trị ngành nông nghiệp tăng bình quân 14%, giá trị sản xuất/ha tăng từ 35 triệu lên đến 45 triệu/ha canh tác. Giá trị sản xuất các ngành đạt 45.4 tỷ đồng, tăng 53% so với đầu nhiệm kỳ. Tổng sản lượng lương thực năm 2014 đạt 1157,6 tấn.

Các sản phẩm chủ lực tăng nhanh: Đàn lợn 1.370 con, tăng 50,5% so với đầu nhiệm kỳ; đàn trâu, bò 786 con, tăng 10,5%; đàn hươu 268 con, tăng 230,8%; đàn gà 15.000 con tăng 70%. Hình thành mới 14 mô hình kinh tế có doanh thu 100 triệu đồng trở lên, trong đó có 1 mô hình lớn (doanh thu trên 01 tỷ đồng), 02 mô hình vừa (doanh thu từ 500 đến 01 tỷ đồng), 11 mô hình nhỏ (doanh thu từ 100 đến 500 triệu). Trong nhiệm kỳ đã thành lập mới 03 doanh nghiệp, 02 Hợp tác xã, 03 tổ hợp tác.

Tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản và dịch vụ có chuyển biến, đã hình thành mới thêm 14 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp như: nghề mộc, nghề sản xuất vật liệu xây dựng, sửa chữa, gia công cơ khí; Hình thành trên 10 ky ốt kinh doanh, dịch vụ buôn bán. Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ đạt 6,18 tỷ đồng tăng 25% so với đầu nhiệm kỳ; Hoạt động dịch vụ vận tải đảm bảo vận chuyển hàng hóa trên địa bàn. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẽ và doanh thu dịch vụ đạt 4,17 tỷ đồng, tăng 21% so với đầu nhiệm kỳ.

Xác định nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do Đảng và Chính phủ đề ra là quan trọng, thiết thực. Vì thế, Đảng ủy đã chỉ đạo đẩy mạnh phát triển kinh tế gắn với chương trình mục tiêu

quốc gia xây dựng nông thôn mới.Với sự tập trung chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân trong nhiệm kỳ qua xã nhà đã đạt được một số kết quả cụ thể: Giá trị sản xuất toàn xã hội năm 2014 đạt 95 tỷ đồng; cơ cấu sản xuất: Nông nghiệp 60%, Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Xây dựng 20%, thương mại, dịch vụ và thu khác 20%; Giá trị sản xuất 45 triệu/ha canh tác, sản lượng lương thực năm 2014 là 1157,6 tấn, đạt 96% mục tiêu nghị quyết đề ra; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 226 tấn, đạt 100% so với kế hoạch, tăng 20% so với đầu nhiệm kỳ; tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 56,533 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người năm 2014 là 17,02 triệu. Đến nay trên địa bàn xã có 14 mô hình, trong đó 01 mô hình lớn, 02 mô hình vừa, 11 mô hình nhỏ. Đến nay xã đã đạt 07 tiêu chí nông thôn mới.

Trong nghiệm kỳ qua được sự quan tâm của Uỷ ban nhân dân tỉnh, các sở ban ngành cấp tỉnh, sự giúp đỡ của Uỷ ban nhân dân và các phòng ban cấp huyện, xã đã tranh thủ mọi nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn. Tổng vốn đầu tư trên địa bàn 56,533 tỷ đồng, trong đó huy động nội lực 4,3 tỷ đồng.

Về giao thông: Đã xây dựng được 17,1 km đường bê tông, trong đó đường trục xã, liên xã 6,3 km, trục thôn xóm, ngõ xóm 10,877 km; nâng cấp 3 km; nhân dân hiến đất, hiến cây để giải tỏa đường giao thông đảm bảo nền được đủ rộng theo quy hoạch. Đến nay, tiêu chí giao thông đạt 60%.

Thủy lợi: Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng việc tưới

tiêu; trong 5 năm đã tiến hành, xây mới 0,8 km mương cứng, mua mới 1 máy bơm di động. Kênh mương do xã quản lý được kiên cố 4,72/8,7 km, đến nay tiêu chí thủy lợi đạt 54%.

Hệ thống điện: Được dự án điện nông thôn 2 đầu tư xây dựng 3 trạm biến áp, nâng cấp 9,2 km đường dây trung áp và hạ áp; năm 2014 tiếp tục được đầu tư nâng cấp thay thế 175 cột điện; xã đã di dời 9 cột điện nằm trong hành lang an toàn giao thông. Hiện nay trên địa bàn xã có 4 trạm biến áp 11 km đường dây đảm bảo an toàn. Có 824/824 hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn chiếm tỷ lệ 100%. Đến nay xã được công nhận đạt tiêu chí Nông thôn mới về điện.

Trường học: Trường Mầm non, Trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Trong nhiệm kỳ đã nâng cấp, sửa chữa khuôn viên, sân chơi, hàng rào, mái che, một số phòng chức năng. Đến nay xã được công nhận đạt tiêu chí Nông thôn mới về trường học

Cơ sở vật chất văn hóa: trong nhiệm kỳ đã xây dựng 01 nhà văn hóa thôn, nâng số thôn có nhà văn hóa lên 3/5 thôn, xây dựng mới và đưa vào sử dụng Trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân - Uỷ ban nhân dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc xã tại vườn Cùa (thôn 2) ngày 15-10-2014. Trên địa bàn xã có 02 sân thể thao với tổng diện tích hơn 10.000 m^2. Đến nay tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa đạt 30%.

Bưu điện: Trên địa bàn xã có 01 điểm bưu điện văn hóa phục vụ bưu chính viễn thông, có đường truyền internet

đến 5 thôn. Năm 2014 đã tiến hành tu sửa khuôn viên, xây dựng tường rào, mái che, đấu nối đường truyền internet đến khu trung tâm xã; có 824/824 hộ sử dụng mạng di động. Hiện nay, Bưu điện đã đạt tiêu chí Nông thôn mới.

Nhà ở dân cư: Số nhà đạt chuẩn tính đến 31/12/2014 là 624 nhà chiếm 86,06 %. Ba tháng đầu năm 2015 đã xây dựng và sửa chữa 6 nhà theo Quyết định 22. Triển khai xây dựng 5 nhà chống lũ theo quyết định số 48/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đánh giá mức độ hoàn thành tiêu chí nhà ở dân cư đạt 70 %.

Thu ngân sách hàng năm tăng bình quân 10%, năm 2014 tổng thu ngân sách ước đạt 7 tỷ đồng (trong đó thu trên địa bàn đạt 860 triệu đồng), chi ngân sách cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và hoạt động của hệ thống chính trị.

Hoạt động tín dụng ngân hàng thông qua ủy thác và các chính sách hỗ trợ sản xuất, xây dựng Nông thôn mới đạt kết quả khá, đến nay có tổng dư nợ đối với Ngân hàng 21 tỷ đồng, các nguồn vốn vay đều được sử dụng đúng mục đích, sử dụng có hiệu quả, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế của nhân dân.

Với những kết quả đạt được trên các lĩnh vực đã đưa thu nhập bình quân đầu người từ 9 triệu đồng đầu nhiệm kỳ lên 17,02 triệu đồng năm 2014 tăng 8,02 triệu so với năm 2010.

Về giáo dục, y tế, văn hóa xã hội, môi trường: Thực

hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về "xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc", cấp ủy Đảng, chính quyền có kế hoạch cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Đẩy mạnh phong trào " toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với phong trào "xây dựng nông thôn mới". Đến nay có 3/5 thôn có nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 60% có đủ trang thiết bị phục vụ và sinh hoạt, hội họp. Đầu tư xây mới mạng lưới truyền thanh xã hoạt động tốt, 2/5 thôn có sân bóng đá, 2/5 thôn có sân bóng chuyền; xã có 2 sân bóng đá. Phong trào văn nghệ, thể dục thể thao tạo được không khí thi đua sôi nổi, phục vụ thiết thực các ngày lễ lớn của quê hương đất nước và phong trào rèn luyện sức khỏe trong quần chúng nhân dân. Tỷ lệ gia đình văn hóa bình quân hàng năm đạt 60%. Đến nay tiêu chí Nông thôn mới về văn hóa đạt 40%.

Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên, công tác xã hội hóa giáo dục được phát huy có hiệu quả; huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 60-65%, mẫu giáo đạt 100%, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, thực hiện tốt việc sáp nhập trường THCS. Trong nhiệm kỳ có 95 em vào các trường Đại học, cao đẳng tăng 43 em so với nhiệm kỳ trước. Xã đạt tiêu chí Nông thôn mới về giáo dục.

Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng tốt hơn, không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn, thực hiện tốt chương trình quốc gia về y tế, chương trình tiêm chủng mở rộng đủ 7 loại vác xin cho trẻ em hàng năm đạt tỷ lệ 97%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình

quân 4‰, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 15 % (giảm 2,5% so với 2010); tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 55%, đội ngũ cán bộ y tế đảm bảo về số lượng, chất lượng trình độ chuyên môn được nâng lên.

Công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm được triển khai đồng bộ đạt kết quả tích cực. Thực hiện tốt cuộc vận động xóa nhà tạm, trong 5 năm đã xóa được 13 nhà dột nát cho người nghèo và gia đình chính sách, người có công với số tiền là 370 triệu đồng, trong đó địa phương hỗ trợ 14,5 triệu đồng, tỷ lệ hộ nghèo hiện nay là 10,03%.

Đã tập trung giải quyết việc làm cho nông thôn. Đến nay tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt 90,06% tăng 10,5% so với đầu nhiệm kỳ. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 43,29% tăng 55% so với đầu nhiệm kỳ.

Công tác người có công với cách mạng và trợ giúp người có đời sống khó khăn thường xuyên được chăm lo, phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" và các hoạt động nhân đạo, từ thiện được các nghành các cấp, các tổ chức triển khai kịp thời, có hiệu quả và huy động được sự tham gia của đông đảo nhân dân.

Công tác quản lý tài nguyên được đất đai từng bước được tăng cường. Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm thường xuyên; nghĩa trang, bãi rác được đưa vào quy hoạch. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 85%, tỷ lệ hộ có hố xí hợp vệ sinh đạt 87% tăng 30% so với đầu nhiệm kỳ.

Về quốc phòng - an ninh: Công tác quân sự địa

phương được quan tâm đúng mức, nhận thức của cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân về Quốc phòng - An ninh, ngày càng được nâng lên, chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch tổ chức sẵn sàng chiến đấu, nắm, dự báo chính xác tình hình xử lý kịp thời mọi tình huống. Củng cố, xây dựng lực lượng dân quân, dự bị động viên. Thực hiện tốt chỉ lệnh huấn luyện hàng năm. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển, gọi công dân nhập ngũ. Công tác bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng - An ninh và giáo dục quốc phòng, huấn luyện hàng năm được thực hiện đúng quy định đảm bảo chất lượng.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông cơ bản được đảm bảo. Hoạt động của đội ngũ cán bộ công an viên đảm bảo chất lượng; Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc có bước phát triển cả về quy mô và chiều sâu; việc quản lý nhân, hộ khẩu được chú trọng.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân. Tổ chức học tập quán triệt đầy đủ, kịp thời các Chỉ thị, Nghị quyết các cấp; chất lượng học tập ngày càng được nâng lên, tỷ lệ đảng viên tham gia học tập đạt 92- 95% , trong nhân dân đạt 60-70%. Sau học tập triển khai viết bài thu hoạch khá đầy đủ đảm bảo chất lượng, chương trình hành động xây dưng khá cụ thể, triển khai thực hiên tốt. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, công tác giáo dục truyền thống qua các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, quê hương.

Chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ chính trị (khóa XI) "về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" gắn với phong trào thi đua yêu nước "Báo công làm theo lời Bác", Đảng ủy đã triển khai kịp thời, sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, từ học tập các chuyên đề tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh gắn với thực hiện các văn bản của tỉnh, huyện về xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, do đó đã tạo được sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, tạo được niềm tin trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về đường lối đổi mới, nhân dân phấn khởi thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Từ đó, xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc từ công tác quán triệt triển khai các bước, thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch, phân công nhiệm vụ các đồng chí trong Ban chấp hành Đảng ủy, tổ chức học tập quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, thực hiện tự phê bình, phê bình, kiểm điểm tập thể, cá nhân nghiêm túc. Sau kiểm điểm Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay", gắn với quán triệt thực hiện nghiêm Chỉ thị 35, Kết luậ 05 của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định 33 của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Chỉ thị số 34 của Ban Thường vụ Huyện ủy về xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, Quyết định số 31/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh về thực hiện tiết kiệm trong việc cưới, việc tang và lễ hội, đồng thời duy trì nghiêm túc giao ban báo công tuần,

chào cờ báo công tháng. Vai trò trách nhiệm của đảng viên sau kiểm điểm Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) được nâng lên rõ rệt.

Sinh hoạt chi bộ thực hiện theo tinh thần Chỉ thị 10 của Ban Bí thư Trung ương, nghị quyết số 07 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (Khóa XX). Duy trì tốt chế độ sinh hoạt định kỳ, hàng tháng. Nhiều chi bộ đã đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt, phân công công tác cho đảng viên phụ trách cụm dân cư. Trong nhiệm kỳ, đã kết nạp 36 quần chúng vào Đảng, cử 6 đồng chí học đại học, 10 đồng chí học Trung cấp lý luận chính trị, 5 đồng chí học trung cấp chuyên môn. Đội ngũ cán bộ thôn xóm được củng cố kiện toàn theo quy định, chất lượng lãnh đạo điều hành có hiệu quả hơn.

Công tác đấu tranh tự phê bình và phê bình nghiêm túc, qua phân loại hàng năm chất lượng đảng viên được nâng lên. Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm 10-15%, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ từ 75-80%, kết quả phân loại chi bộ hàng năm chi bộ trong sạch vững mạnh đạt từ 30-40%, không có chi bộ yếu kém, Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tổ chức xét, trao tặng, truy tặng 122 Huy hiệu Đảng cho đảng viên đảm bảo quy định Điều lệ Đảng. Chế độ tang lễ đối với cán bộ, đảng viên theo quy định số 256 QĐ/HU, ngày 12-7-2012 được thực hiện nghiêm túc chu đáo.

Trong nhiệm kỳ, công tác kiểm tra, giám sát đã thực hiện theo đúng điều lệ, các quy định, hướng dẫn và kế

hoạch kiểm tra của Trung ương, của tỉnh, của huyện và của địa phương. Hàng năm đã xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát cụ thể và tiến hành các đợt kiểm tra, chỉ đạo các chi bộ tự kiểm tra. Quy trình kiểm tra đảm bảo, nội dung kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung kiểm tra và thực hiện Nghị quyết của Đảng, thực hiện quy chế, Điều lệ Đảng. Kiểm tra việc khắc phục các khuyết điểm chỉ ra sau kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI). Kết quả kiểm tra đã nâng cao năng lực lãnh đạo của chi bộ, chất lượng sinh hoạt chi bộ, ý thức chấp hành chính sách, pháp luật Nhà nước được thực hiện nghiêm túc. Công tác quản lý đảng viên chặt chẻ hơn, kịp thời uốn nắn và xử lý dứt điểm các đảng viên vi phạm Điều lệ, vi phạm kỷ luật.

Công tác vận động quần chúng, hoạt động của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Đại hội Mặt trận, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội. Thường xuyên làm tốt công tác phối hợp với chính quyền, các ban ngành đoàn thể. Tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành tốt các chủ trương chính sách cuả Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đặc biệt đẩy mạnh việc "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, gia đình văn hóa. Tích cực tham gia công tác xây dựng đảng, xây dựng chính quyền, tổ chức nhiều cuộc vận

động đưa lại hiệu quả thiết thực như cuộc vận động nhân dân phát huy nội lực xây dựng, kết cấu hạ từng, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, xây dưng 13 nhà đại đoàn kết, nhà mái ấm tình thương, vận động ủng hộ lực lượng cảnh sát biển, lực lượng kiểm ngư làm nhiệm vụ trên biển, đồng bào bị thiệt hại do thiên tai, bão lụt, xây dựng quỹ vì người nghèo. Quan tâm cũng cố về tổ chức, từ chi hội, chi đoàn, tỷ lệ tập hợp hội viên ngày càng cao. Các tổ chức chi hội hoạt động với nhiều hình thức, nội dung đa dạng, phong phú và có nhiều đổi mới tạo được niềm tin và phấn khởi cho hội viên. Với kết quả đạt được một số tổ chức được các cấp từ Trung ương đến Huyện khen thưởng như Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh.

Từ những kết quả đạt được trên, nhiệm kỳ qua cũng đang còn có những tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục như: Tốc độ phát triển kinh tế và việc chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp vẫn còn chậm. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư thâm canh còn hạn chế. Sản xuất hàng hóa còn yếu, mô hình kinh tế trong nông nghiệp còn ít; dịch vụ, thương mại quy mô còn nhỏ, manh mún, chưa phát huy hết lợi thế của đường quốc lộ 8A, đường liên xã Long - Hà - Trà. Việc huy động nội lực trong nhân dân còn ít, chưa đồng đều. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa chưa mạnh, phong trào văn nghệ, thể dục thể thao chưa thường xuyên, thiếu tính bền vững. Việc xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân còn có một số hạn chế. Công tác an ninh tuy có nhiều cố gắng, song tệ nạn xã hội, trộm cắp, lấn chiếm hành lang giao thông vẫn còn diễn ra.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chưa thực sự đổi mới trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội, trong phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân. Trên một số lĩnh vực như chất lượng gia đình văn hóa, giữ vệ sinh môi trường, tố giác tội phạm, tệ nạn xã hội, an toàn giao thông, thực hiện hương ước.

Từ đó, Đảng bộ rút ra những bài học kinh nghiệm:

Một là, Quán triệt sâu sắc các chủ trương, Nghị quyết của Đảng các cấp. Tăng cường củng cố, xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, trước hết là trong Ban Thường vụ và Ban Chấp hành. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò cá nhân phụ trách trong tổ chức, lãnh đạo, phải sâu sát nhân dân nắm bắt tình hình,phát huy tối đa trí tuệ tập thể.

Hai là, Xác định đúng được nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng nông thôn mới phát huy tốt dân chủ trong Đảng, dân chủ trong nhân dân. Mọi vấn đề mới, vấn đề khó, vấn đề nhạy cảm phải được chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng, đưa ra bàn bạc thảo luận trong cấp ủy, trong hệ thống chính trị trước lúc đưa ra bàn bạc thảo luận trong Đảng bộ và nhân dân. Thẳng thắn chân tình trách nhiệm cao trong đấu tranh tự phê bình và phê bình để xây dựng đoàn kết trong nội bộ.

Ba là, Trong chỉ đạo, điều hành phải đồng bộ, kiên quyết và tổ chức thực hiện một cách quyết liệt. Xác định rõ vai trò trách nhiệm của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, trước hết là người đứng đầu. Thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, phát hiện biểu dương kịp thời

những mô hình tốt, những cách làm hay. Uốn nắn kịp thời những lệch lạc, khắc phục những sai sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Bốn là, Thường xuyên quan tâm, chăm lo công tác cán bộ cả về trình độ năng lực chuyên môn, cả về phẩm chất đạo đức, lối sống, đồng thời bố trí sử dụng cán bộ một cách hợp lý.

Nhìn lại chặng đường 5 năm qua mặc dù còn một số tồn tại khuyết điểm, hạn chế nhất định, song với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, chúng ta đã dành được những thành quả tự hào, tạo cho Sơn Trà vững bước đi lên.

Ngày 19, 20-5-2015, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Sơn Trà khóa XIX (nhiệm kỳ 2015-2020) được tổ chức tại Hội trường xã. Tham gia đại hội có 130 đại biểu đại diện cho 235 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã chỉ ra những khó khăn, thuận lợi và cả những bài học kinh nghiệm trong nhiệm kỳ qua, đồng thời, nhất trí, biểu quyết phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ 2015-2020, với những nội dung sau:

Về phương hướng, mục tiêu tổng quát: *Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, giữ vững đoàn kết, thống nhất, khai thác tiềm năng lợi thế, phát huy sức mạnh tổng hợp, truyền thống quê hương, xác định xây dựng NTM là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt lâu dài xuyên suốt trong cả nhiệm kỳ. Phấn đấu xã Sơn Trà đến năm 2020 đạt 15/19 tiêu chí Nông thôn mới.*

Một số chỉ tiêu cụ thể:

Tổng giá trị sản xuất đạt 220 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người đến 2020 đạt trên 50 triệu đồng/người/năm; cơ cấu giá trị sản xuất: Nông, lâm nghiệp 55 %; Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp, Xây dựng 20%, Thương mại dịch vụ 25%.

Sản lượng lương thực cây có hạt đạt trên 1.200 tấn; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 350 tấn, giá trị bình quân 1 ha đất canh tác đạt trên 90 triệu đồng.

Tổng đàn trâu, bò đạt trên 1.000 con, trong đó trên 60% bò lai, đàn hươu 400 con, đàn lợn 1.700 con, đàn thỏ 1.000 con, đàn gia cầm 20.000 con.

Đến năm 2020 thành lập thêm được 5 tổ hợp tác, 6 hợp tác xã, 4 doanh nghiệp, 3 mô hình lớn, 5 mô hình vừa, 20 mô hình nhỏ, 35% số hộ sản xuất có liên kết.

Thu ngân sách trên địa bàn đạt 1 tỷ đồng.

Xây dựng 15,5 km đường bê tông; 2 km kênh mương; xây mới 2 hội quán.

85% gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa; 100% xóm có Hội quán; 5/5 thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa. Trạm đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Giữ vững tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 0,4 đến 0,5‰ năm; tỷ lệ sinh con thứ 3 mỗi năm giảm từ 2 đến 3%, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 10%

Giải quyết trên 95% lao động có việc làm; Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 50%; Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 2 đến 3%

100% cơ sở vững mạnh toàn diện an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu; giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Các tổ chức trong hệ thống chính trị hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cả nhiệm kỳ kết nạp 50 đảng viên

Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Sơn Trà khóa XIX đã bầu ra Ban Chấp hành gồm 13 ủy viên. Đồng chí Phạm Đình Quang được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Lê Thị Thanh Mai được bầu làm Phó Bí thư thường trực Đảng ủy, đồng chí Lê Văn Bằng được bầu làm Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Phát huy những thành tích và kết quả đạt được, khắc phục những yếu kém, khuyết điểm trong nhiệm kỳ qua. Trước yêu cầu nhiệm vụ mới Đảng bộ và nhân dân xã Sơn Trà xây dựng khối đoàn kết, thống nhất cao, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020 đề ra./.

KẾT LUẬN

85 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2015), từ chi bộ Đảng Đôn Mỹ với 4 đảng viên (1930) đến Đảng bộ xã Sơn Trà với 235 đảng viên (2015) là một chặng đường đầy thử thách, gian nan nhưng cũng rất đổi vẻ vang, hào hùng. Đảng bộ đã phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống đấu tranh cách mạng, luôn trung thành, tuyệt đối tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng, cần cù trong lao động, vừa xây dựng vừa chiến đấu trưởng thành, đóng góp sức người sức của cho đất nước, thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ, đánh đuổi ngoại xâm, thực hiện mục tiêu độc lập và người cày có ruộng; và ngày nay đang nỗ lực phấn đấu cho sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng văn minh.

Trong cao trào cách mạng (1930-1931) và Xô viết Nghệ Tĩnh, nhân dân xã Đôn Mỹ , hầu hết là nông dân lao động đã được tổ chức vào nông hội (60 hội viên) làm nồng cốt cho các cuộc đấu tranh chống bọn lý hương thu lại được một số ruộng đất công, lúa công,... sau này, nhiều hội viên nông hội ưu tú được đứng vào hàng ngũ của chi bộ

Đảng Đôn Mỹ - một trong những chi bộ ra đời sớm (năm 1930). Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng đã làm nên một cuộc cách mạng dân tộc, đấu tranh trực diện với bọn đế quốc phong kiến, chống áp bức cường quyền, đòi dân sinh dân chủ, tiến tới giành chính quyền về tay nhân dân (ngày 19-8-1945).

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược và bảo vệ Tổ quốc, con em Sơn Trà sẵn sàng nhiệm vụ đánh giặc, không sợ hy sinh, gian khổ, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Trong số những người ra đi ấy, đã có 98 người con vĩnh viễn nằm lại các chiến trường, 165 người trở về trên cơ thể còn đầy thương tích, 7 bà mẹ được Nhà nước phong tặng mẹ Việt Nam anh hùng... Những người ở lại quê hương "tay cày, tay súng", vừa đẩy mạnh thi đua lao động sản xuất, nuôi dưỡng sức dân, chi viện sức người sức của cho các chiến trường; vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu tại chỗ. Với tinh thần "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng" , "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người"....

Những phẩm chất tốt đẹp đó của Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà tiếp tục được phát huy trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Đảng bộ Sơn Trà năng động, sáng tạo vận dụng chủ trương, đường lối do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo để phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng, nhờ đó hệ thống điện chiếu sáng, trường học, tạm y tế được xây dựng khang trang. Đặc biệt là thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn

mới, bộ mặt quê hương đã hoàn toàn thay đổi, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng lên. Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, sự điều hành của cấp ủy chính quyền ngày một vững vàng, mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân ngày càng gắn bó.

Chặng đường lịch sử 85 năm qua chưa phải là dài so với tiến trình phát triển của quê hương đất nước, song Đảng bộ xã Sơn Trà đã lãnh đạo nhân dân phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng của cha anh đi trước, dũng cảm vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ một cách vẻ vang. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đã đạt được, một số đảng viên và tổ chức Đảng trong các giai đoạn lịch sử cũng phạm phải một số khuyết điểm và thiếu sót, làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân và hạn chế đến phong trào cách mạng trên bước đường phát triển. Từ thực tế đó, Đảng bộ, bước đầu có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là: Phải luôn khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Muốn đạt được mục tiêu lý tưởng đó, Đảng phải luôn luôn tự chỉnh đốn, tự đổi mới, làm cho Đảng thường xuyên trong sạch vững mạnh, bảo vệ chính trị nội bộ, đấu tranh để đoàn kết, đoàn kết trên cơ sở đấu tranh làm cho Đảng thống nhất thành một khối, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ quê hương. Sự nhất trí của Đảng bộ sẽ tạo nên sự đồng thuận của toàn dân và ngược lại, sự đồng tâm nhất trí của toàn dân là tạo nên sức mạnh của toàn Đảng bộ, thực hiện thắng lợi các nhiệm

vụ chính trị qua các thời kỳ lịch sử.

Hai là: Phải tùy tình hình thực tiễn từng giai đoạn để có những biện pháp cụ thể, phát động và tổ chức trầm rộ các phong trào để khơi dậy tinh thần cách mạng và truyền thống quê hương. Thực tế lịch sử đấu tranh của Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà đã chứng minh rất rõ qua các phong trào sau ngày giành được chính quyền về tay nhân dân trong cách mạng tháng Tám năm 1945 như "hũ gạo nuôi quân", "tuần lễ vàng", "quỹ tự túc dân quân", hợp tác hóa, 3 sẵn sàng, 3 đảm đang, phong trào làm giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng,…

Ba là: Phải biết tranh thủ và kết hợp tốt giữa nội lực và ngoại lực để đưa Sơn Trà thoát ra khỏi những khó khăn của một địa phương có điểm xuất phát thấp. Phải năng động, sáng tạo, luôn đổi mới cách nghĩ, cách làm, áp dụng các biện pháp KHKT vào sản xuất, chăn nuôi; chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ, không dám nghĩ dám làm. Đồng thời kêu gọi sự chung tay, góp sức của con em xã nhà trên mọi miền Tổ quốc.

Bốn là: Tăng cường công tác xây dựng tổ chức bộ máy cán bộ. Chú trọng công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ, đội ngũ kế cận, kể cả cán bộ thôn, chi bộ. Phân định rõ ràng giữa chức năng, nhiệm vụ của, mối quan hệ giữa cơ quan Đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể. Cán bộ phải đổi mới phong cách làm việc, đi sâu đi sát với nhân dân.

Năm là: Trong mọi hoàn cảnh phải thường xuyên coi

trọng công tác xây dựng Đảng, ra sức củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, không ngừng nâng cao vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Thực tiễn qua 2 cuộc kháng chiến và nhất là trong cải cách ruộng đất, và cả trong công cuộc đổi mới có những lúc gặp khó khăn, bế tắc tưởng chừng khó có thể vượt qua. Nhưng Đảng bộ đã kịp thời củng cố tổ chức trên 3 mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức, làm cho vai trò của Đảng trở thành hạt nhân lãnh đạo của Đảng trong mọi phong trào.

Phát huy truyền thống quê hương cách mạng, trung thành tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng; truyền thống cần cù, siêng năng, sáng tạo trong lao động sản xuất, gan dạ, dũng cảm trong chiến đấu, chúng ta tin tưởng rằng trong thời gian tới, Đảng bộ và nhân dân Sơn Trà tiếp tục đạt được những thành tích cao hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày càng văn minh, giàu đẹp./.

PHỤ LỤC

I. DANH SÁCH BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ và tên liệt sĩ
1	Nguyễn Thị Đồng	1904	Nguyễn Văn Toàn (con)
2	Phan Thị Thuần	1910	Nguyễn Văn Hiền (con) Nguyễn Điền (con) Nguyễn Văn Hậu (con)
3	Phạm Thị Mính	1915	Thái Bá Dưỡng (chồng) Thái Văn Dương (con)
4	Lê Thị Lan	1892	Lê Hảo (con) Lê Văn Xảo (con)
5	Lê Thị Tám	1908	Lê Viết Cường (con) Lê Văn Khang (con)
6	Nguyễn Thị Kiêm		Nguyễn Minh Vỹ (con) Nguyễn Văn Tuyển (con)
7	Lê Thị Đôi		Lê Hữu Toàn (con) Lê Văn Khoan (con)

II. DANH SÁCH LIỆT SỸ

1. Liệt sỹ thời kỳ chống Pháp

TT	Họ và tên	Ngày hy sinh	Ghi chú
1	Lê Lương	02/8/1931	
2	Nguyễn Toàn	23/3/1953	
3	Hồ Thụ	13/3/1954	
4	Phan Tương		
5	Lê Đệ	17/2/1954	

6	Lê Ky	15/3/1954	
7	Lê Văn Đàn	30/11/1952	
8	Nguyễn Đình Vọ	10/1953	
9	Nguyễn Ân	2/9/1947	
10	Phạm Dương	5/9/1951	
11	Phạm Quảng	23/2/1952	
12	Phan Văn Quỳnh		
13	Lê Văn Hảo	21/12/1953	

2. Liệt sỹ thời kỳ chống Mỹ

TT	Họ và tên	Ngày hy sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Hậu	25/5/1968	
2	Nguyễn Phan Hiền	21/1/1971	
3	Nguyễn Điền	14/10/1970	
4	Phạm Quang Tý	20/10/1968	
5	Nguyễn Hữu Tình	14/2/1968	
6	Nguyễn Sỹ Hợp	21/9/1974	
7	Nguyễn Văn Viên	2/2/1968	
8	Nguyễn Viên	25/7/1968	
9	Lê Ngọc Thịnh	27/9/1966	
10	Nguyễn Văn Mận	4/3/1966	
11	Lê Đình Hướng	28/1/1968	
12	Nguyễn Văn Tịnh	27/9/1968	
13	Nguyễn Văn Tuyển	15/11/1966	
14	Lê Quang Trung	30/3/1975	
15	Lê Thanh Bình	8/8/1972	
16	Văn Đình Trung	24/6/1969	
17	Văn Đình Cát	31/3/1975	
18	Lê Văn Ký	1/10/1973	
19	Lê Văn Bảo	22/7/1968	
20	Lê Quốc Soạn	9/4/1975	
21	Nguyễn Văn Ngọ	17/1/1973	

22	Đoàn Cương	7/10/1967	
23	Phạm Hữu Dân	5/8/1972	
24	Phan Văn Cần	5/11/1969	
25	Lê Cung	11/3/1968	
26	Phan Trung Thiết	29/4/1968	
27	Phạm Đăng Tình	20/11/1973	
28	Đoàn Dục	21/12/1964	
29	Lê Văn Vân	20/9/1970	
30	Nguyễn Đình Thấu	12/5/1971	
31	Phạm Văn Thìn	13/7/1972	
32	Lê Ngọc Châu	28/10/1972	
33	Phan Đình Phúc	6/5/1972	
34	Lê Cữu	21/7/1974	
35	Lê Thanh Vượng	19/7/1974	
36	Lê Trọng Bình	29/3/1970	
37	Lê Viết Cường	13/12/1967	
38	Lê Văn Ngọc	21/3/1971	
39	Lê Trọng Bình	17/5/1967	
40	Phan Văn Lâm	8/2/1966	
41	Lê Văn Khánh	25/3/1973	
42	Lê Ngọc Bản	25/3/1967	
43	Lê Hữu Toàn	26/9/1968	
44	Lê Văn Khoan	21/8/1968	
45	Lê Ngọc Khán	5/12/1967	
46	Lê Quốc Dương	28/6/1972	
47	Lê Đình Mạo	18/1/1973	
48	Đoàn Văn Minh	23/3/1967	
49	Võ Quang Lâu	5/3/1968	
50	Nguyễn Bá Cần	2/9/1968	
51	Thái Bá Dưỡng	4/11/1967	
52	Thái Văn Dương	5/5/1972	

53	Phạm Minh Lệ	7/1/1970	
54	Lê Văn Vượng	3/7/1971	
55	Nguyễn Đình Hợi	3/5/1970	
56	Lê Hữu Văn	26/7/1969	
57	Lê Đình Tuyển	27/3/1968	
58	Nguyễn Ngọc Lý	27/10/1968	
59	Lê Hữu Đa	7/7/1971	
60	Lê Nguyên Vỹ	22/11/1970	
61	Lê Văn Dần	4/9/1972	
62	Nguyễn Sơn	29/10/1972	
63	Nguyễn Minh Duệ	7/7/1974	
64	Lê Văn Xảo	15/11/1965	
65	Lê Đình Tế	18/3/1966	
66	Lê Văn Khang	1/9/1967	
67	Thái Hữu Thủy	25/7/1965	
68	Lê Văn Viên	25/7/1967	
69	Lê Hoàng		
70	Phạm Nghiêm	6/6/1956	
71	Nguyễn Lương	26/4/1966	
72	Nguyễn Hoàn	1955	
73	Lê Ngọc Liệu	23/02/1968	

3. Liệt sỹ thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (sau 1975)

TT	Họ và tên	Ngày hy sinh	Ghi chú
1	Phan Văn Quý	19/7/1978	
2	Lê Đình Tạo	8/8/1978	
3	Lê Văn Cường	25/11/1978	
4	Lê Văn Toan	19/01/1979	
5	Nguyễn Đình Lâm	10/5/1978	
6	Nguyễn Ngọc Hân	19/10/1978	
7	Lê Văn Thân	4/9/1983	
8	Lê Tiến Hùng	6/7/1985	

9	Thái Thường	24/3/1986	
10	Nguyễn Đình Phức	8/3/1985	
11	Lê Văn Thìn	10/4/1995	
12	Nguyễn Minh Vỹ	30/12/1978	

III. DANH SÁCH BÍ THƯ CHI BỘ, ĐẢNG BỘ XÃ QUA CÁC THỜI KỲ

TT	Họ và tên	Thời kỳ
Xã Đôn Mỹ - Dỹ Long, Mỹ Long		
1	Phan Thiều	1946 (Bí thư Chi bộ liên xã Đôn Mỹ - Dỹ Long)
2	Phan Thiều	1947-1948 (Bí thư Chi bộ Đôn Mỹ)
3	Thái Diệm	1948-1954 (Bí thư Chi bộ Mỹ Long)
Xã Sơn Trà		
4	Lê Hữu Vọ	10/1954-7/1956
5	Lê Đức Tính	7/1956-4/1958
6	Nguyễn Xước	4/1958-4/1963
7	Nguyễn Đình Lương	4/1963-3/1969
8	Nguyễn Đình Tương	3/1969-3/1972
9	Lê Tam	3/1972-9/1974
10	Nguyễn Đức Quang	9/1974-10/1980
11	Lê Đức Hạnh	10/1980-5/1985
12	Lê Xuân Trì	5/1985-10/1988
13	Văn Đình Tuyết	10/1988-10/1991; 5/1994-5/1996 5/2000-8/2005
14	Lê Thanh Lộc	10/1991-5/1994
15	Lê Văn Tân	5/1996-5/2000; 2006-2010
16	Nguyễn Quang Thọ	8/2005-2006
17	Lê Mạnh Hoàn	5/2010- 2015
18	Phạm Đình Quang	2015 - nay

IV. DANH SÁCH PHÓ BÍ THƯ TRỰC ĐẢNG QUA CÁC THỜI KỲ

TT	Họ và tên	Thời kỳ
1	Lê Văn Ngân	4/1958-3/1960
2	Lê Thị Hảo	3/1960-4/1963
3	Lê Đức Tính	4/1963-8/1966
4	Lê Ngọc Tài	8/1966-3/1969
5	Lê Đức Hạnh	3/1969-9/1974
6	Lê Hán	9/1974-12/1975
7	Lê Quang Sửu	12/1975-10/1980
8	Lê Văn Tôn	10/1980-10/1988
9	Lê Trọng Ngọc	10/1988-5/1991
10	Lê Đức Thủy	1991-1994
11	Nguyễn Văn Mận	1/1995-12/1995
12	Lê Tương	5/1996-5/2000
13	Lê Văn Tân	5/2000-8/2006
14	Phạm Đình Quang	8/2006-5/2015
15	Lê Thị Thanh Mai	5/2015- nay

V. DANH SÁCH CHỦ TỊCH UBND XÃ QUA CÁC THỜI KỲ

TT	Họ và tên	Thời kỳ
Xã Đôn Mỹ - Dỹ Long, Mỹ Long		
1	Lê Đình Huyền	4/1946-12/1948 (xã Đôn Mỹ)
2	Phạm Bân	12/1948-02/1951 (xã Mỹ Long)
2	Phạm Linh	5/1951-6/1952 (xã Mỹ Long)
3	Thái Đăng Quỳ	6/1952-10/1954 (xã Mỹ Long)
Xã Sơn Trà		
4	Lê Dượng	10/1954-4/1958
5	Phan Tiếp	4/1958-3/1960
6	Nguyễn Đình Lương	3/1960-4/1963

7	Lê Tam	4/1963-3/1969
8	Nguyễn Đức Quang	3/1969-9/1974
9	Lê Xuân Long	9/1974-10/1978
10	Lê Đức Hạnh	10/1978-10/1980
11	Lê Văn Đồng	10/1980-5/1985
12	Văn Đình Tuyết	5/1985-10/1988; 5/1996-12/1999
13	Lê Văn Tân	1988-1991
14	Lê Trọng Ngọc	10/1991-5/1996
15	Lê Xuân Quyền	12/1999-6/2004
16	Nguyễn Văn Hóa	7/2004-5/2012
17	Lê Quang Hồ	5/2012-5/2014
18	Lê Văn Bằng	10/2014-nay

CÁC KHÓA ĐẠI HỘI

Khóa 1:

Tháng 12/1946 thành lập chi bộ Đôn Mỹ - Dỹ Long.

Chi bộ gồm có:

Đồng chí Phan Thiều, Nguyễn Phan Viên, Thái Mợi, Đoàn Ngọc Dư, Thái Diệm, Phạm Táo, Cù Ngọc Ân, Phạm Ca.

Đồng chí Đinh Nho Liêm thay mặt Huyện ủy Hương Sơn về thành lập chi bộ.

Đồng chí Phan Thiều được bầu làm Bí thư Chi bộ liên xã.

Khóa 2:

Tháng 7-7-1946, hai xã tách ra thành lập 2 chi bộ. Đại hội chi bộ Đôn Mỹ lần I vào cuối tháng 2-1947.

Ban chi ủy gồm có các đồng chí Phan Thiều, Nguyễn Đình Dục, Nguyễn Phan Viên, Lê Đình Huyền, Thái Mợi, Nguyễn Đức Hạnh, Nguyễn Văn Huyên.

Đồng chí Phan Thiều được cử làm Bí thư chi bộ. Chi bộ lúc này có 24 đảng viên, Ban chi ủy có 5 đồng chí.

Khóa 3:

Tháng 02-1949, chi bộ Mỹ Long tổ chức Đại hội lần I. Xã Đôn Mỹ có 54 đảng viên.

Ban chi ủy gồm có các đồng chí Thái Diệm, Cù Ngọc

Ân, Phạm Bút, Lê Minh Cầu, Phạm Bân, Thái Đăng Quỳ. Đồng chí Thái Diệm được tín nhiệm làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Phạm Bân làm Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính.

Khóa 4:

Tháng 02-1951 Đại hội chi bộ liên xã lần II.

Xã Đôn Mỹ có 128 đảng viên.

Ban chi ủy gồm có 5 đồng chí: Phan Tạo, Nguyễn Cảnh, Lê Văn Viên, Nguyễn Phan Viên, Cù Ngọc Ân. Đồng chí Thái Diệm được cử làm Bí thư Chi bộ. Ông Phạm Linh làm Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính xã Mỹ Long.

Khóa 5:

Tháng 3-1952, Đại hội chi bộ liên xã lần III.

Đôn Mỹ có 103 đảng viên.

Ban chi ủy gồm có 9 người. Đồng chí Thái Diệm làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Thái Đăng Quỳ làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính.

Khóa 6:

Tháng 7-1954 chia xã

Đại hội chi bộ Sơn Trà lần I

Đại hội tiến hành vào tháng 10-1954

Đại hội có 109 đảng viên, chuyển đi 25 đảng viên.

Đại hội tín nhiệm bầu đồng chí Lê Hữu Vọ làm Bí thư, đồng chí Lê Dượng làm Phó bí thư, trực tiếp phụ trách chính quyền làm Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã.

Khóa 7:

Đại hội chi bộ Sơn Trà lần II vào tháng 7-1956

Tham dự Đại hội có 113 đảng viên

Ban chi ủy gồm có 7 đồng chí: Lê Đức Tính, Nguyễn Đình Tương, Lê Tam, Nguyễn Đức Hạnh, Lê Thị Hảo, Lê Dượng, Đoàn Huyền.

Đồng chí: Lê Đức Tính - Bí thư Chi bộ.

Đồng chí: Nguyễn Đình Tương - ủy viên trực

Đồng chí: Lê Dượng - ra chính quyền làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã

Đồng chí: Lê Tam - phụ trách Xã đội

Khóa 8:

Đại hội chi bộ Sơn Trà lần III tiến hành vào tháng 4-1958

Tham dự đại hội có 142 đảng viên.

Ban chi ủy gồm có 7 ủy viên:

1. Nguyễn Xước - Bí thư Đảng ủy;

2. Phan Tiếp - Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã;

3. Lê Đình Dục - Phó chủ tịch Ủy ban hành chính xã;

4. Lê Văn Ngân - trực Đảng;

5. Lê Tòng - Bí thư nông hội;

6. Lê Hán - Phó bí thư nông hội;

7. Lê Văn Hành - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân kiêm trưởng công an xã

Khóa 9: **Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, (nhiệm kỳ 1960-1963)**

Đầu năm 1960, chi bộ xã Sơn Trà chuyển thành Đảng bộ.

Đại hội vào tháng 3-1960

Tham dự Đại hội gồm có: 144 đảng viên.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có 5 ủy viên:

1. Nguyễn Xước - Bí thư Đảng ủy;

2. Lê Thị Hảo - Phó bí thư trực Đảng;

3. Nguyễn Đình Lương - Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính;

4. Lê Tam - Phụ trách Xã đội ;

5. Nguyễn Thị Cảnh - Phó chủ tịch Ủy ban hành chính.

Khóa 10:

Đại hội Đảng bộ xã lần thứ II, (nhiệm kỳ 1963-1966)

Đại hội vào ngày 20-4-1963

Tham dự Đại hội có 154 đảng viên toàn Đảng bộ.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có :

1. Nguyễn Đình Lương - Bí thư Đảng ủy;

2. Lê Đức Tính - Phó bí thư, trực Đảng;

3. Lê Tam - Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã;

Khóa 11:

Đại hội Đảng bộ khóa III, (nhiệm kỳ 1966-1969).

Đại hội vào tháng 8-1966

Tham dự Đại hội có 182 đảng viên trong Đảng bộ.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có 5 ủy viên:

1. Nguyễn Đình Lương - Bí thư Đảng ủy;

2. Lê Ngọc Tài - Phó bí thư, trực Đảng;

3. Lê Tam - Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã;

4. Lê Văn Viên - Trưởng công an xã (25-7-1967 hi sinh)

5. Lê Xuân Long - Bí thư Đoàn xã

Khóa 12:

Đại hội Đảng bộ khóa IV, (nhiệm kỳ 1969-1972)

Đại hội vào tháng 3-1969

Tham dự Đại hội có 190 đảng viên đại diện cho 219 đảng viên.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Nguyễn Đình Tương - Bí thư Đảng ủy;

2. Lê Đức Hạnh - Phó bí thư, trực Đảng;

3. Nguyễn Đức Quang - Chủ tịch Ủy ban hành chính xã

Khóa 13:

Đại hội Đảng bộ xã khóa V, (nhiệm kỳ 1972-1974)

Đại hội vào ngày 20-3-1972

Tham dự Đại hội có 198/221 đảng viên toàn Đảng bộ.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Lê Tam - Bí thư Đảng ủy;

2. Lê Đức Hạnh - Phó bí thư trực Đảng;

3. Nguyễn Đức Quang - Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã;

4. Lê Toàn - Chủ nhiệm HTX Trà Mỹ;

5. Lê Đức Tính - Chủ nhiệm HTX Hương Trà;

6. Phan Giảng - Chủ nhiệm cửa hàng mua bán;

7. Lê Ngọc Tài - Bí thư Đoàn xã;

8. Nguyễn Thính - Xã đội trưởng;

9. Lê Xuân Long - Phó Chủ tịch kiêm trưởng công an xã;

10. Lê Thị Hồng - Phó Chủ tịch phụ trách tài mậu;

11. Phan Thị Hòa - Bí thư Hội Phụ nữ

Khóa 14:

Đại hội Đảng bộ khóa VI, (nhiệm kỳ 1974-1975)

Đại hội vào ngày 20-6-1974.

Tham dự Đại hội có 104/208 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Nguyễn Đức Quang - Bí thư Đảng ủy;

2. Lê Hán - Phó bí thư trực Đảng;

3. Lê Xuân Long - Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã;

4. Lê Đức Hạnh - Chủ nhiệm HTX;

5. Phan Thị Hòa - Bí thư Phụ nữ;

6. Phạm Hữu Cự - Phó Chủ tịch nội chính;

7. Lê Đình Tỉu - Bí thư Đoàn Thanh niên xã.

Khóa 15:

Đại hội Đảng bộ xã khóa VII, (nhiệm kỳ 1975-1978)

Đại hội vào ngày 10-12-1975

Tham dự Đại hội có 105/205 đảng viên toàn Đảng bộ.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Nguyễn Đức Quang - Bí thư Đảng ủy;

2. Lê Quang Sửu - Phó bí thư trực Đảng;

3. Lê Xuân Long - Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã;

4. Lê Đức Hạnh - Chủ nhiệm HTX;

5. Lê Đình Tỉu - Bí thư Đoàn xã;

6. Lê Văn Đồng - Xã đội trưởng;

7. Lê Thị Sửu - Bí thư Phụ nữ;

8. Lê Văn Ngân - Phó chủ tịch;

9. Lê Văn Dụ - Phụ trách công an xã.

Khóa 16:

Đại hội Đảng bộ xã khóa VIII, (nhiệm kỳ 1978-1980)

Đại hội vào ngày 15, 16-10-1978.

Tham dự Đại hội có 182 đại biểu đại diện cho 201 Đảng viên

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Nguyễn Đức Quang - Bí thư đảng ủy;

2. Lê Quang Sửu - Phó bí thư trực Đảng;

3. Lê Đức Hạnh - Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã.

Khóa 17:

Đại hội Đảng bộ khóa IX, (nhiệm kỳ 1980-1983)

Đại hội vào ngày 5-10-1980.

Tham dự Đại hội có 191/205 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Lê Đức Hạnh - Bí thư Đảng ủy;

2. Lê Văn Tôn - Phó bí thư trực Đảng;

3. Lê Văn Đồng - Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;

4. Văn Đình Tuyết - Trưởng công an xã;

5. Lê Xuân Trì - Chủ nhiệm Hợp tác xã;

6. Lê Văn Dụ - Xã đội trưởng;

7. Lê Đình Tỉu;

8. Lê Trọng Ngọc - Bí thư Đoàn;

9. Nguyễn Thị Ái - Bí thư Phụ nữ.

Khóa 18:

Đại hội Đảng bộ khóa X, (nhiệm kỳ 1983-1985)

Đại hội vào ngày 5-3-1983.

Tham dự Đại hội có 98/196 đảng viên toàn Đảng bộ.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Lê Đức Hạnh - Bí thư Đảng ủy;

2. Lê Văn Tôn - Phó bí thư trực Đảng;

3. Lê Văn Đồng - Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã;

4. Văn Đình Tuyết - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;

5. Lê Xuân Trì - Chủ nhiệm Hợp tác xã;

6. Phạm Đức Vinh - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã;

7. Lê Thiện Sự - Bí thư Đoàn xã;

8. Lê Văn Tân - Phó chủ nhiệm HTX;

9. Nguyễn Thị Ái - Bí thư Hội Liên hiệp phụ nữ xã.

Khóa 19:

Đại hội Đảng bộ khóa XI, (nhiệm kỳ 1985-1987)

Đại hội vào ngày 20-5-1985.

Tham dự Đại hội có 96 đại biểu đại diện cho 198 đảng viên trong Đảng bộ.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Lê Xuân Trì - Bí thư Đảng ủy;

2. Lê Văn Tôn - Phó bí thư, trực Đảng;

3. Văn Đình Tuyết - Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;

4. Lê Văn Tân - Chủ nhiệm Hợp tác xã;

5. Nguyễn Khang - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;

6. Lê Trọng Ngọc - Xã đội trưởng;

7. Phạm Đức Vinh - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã;

8. Nguyễn Thị Cầu - Bí thư Hội Phụ nữ;

9. Nguyễn Văn Đường - Bí thư Đoàn xã

Khóa 20:

Đại hội Đảng bộ khóa XII, (nhiệm kỳ 1988-1991)

Đại hội vào ngày 25-10-1988

Tham dự Đại hội có 90/198 đảng viên trong toàn Đảng bộ

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Văn Đình Tuyết - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã;

2. Lê Trọng Ngọc - Phó bí thư trực Đảng;

3. Lê Văn Tân - Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã;

4. Lê Xuân Trì - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;

5. Lê Quang Sửu - Chủ nhiệm Hợp tác xã;

6. Nguyễn Văn Đường - Xã đội trưởng;

7. Lê Mạnh Hoàn - Bí thư Đoàn Thanh niên xã;

8. Lê Thị Thảo - Bí thư Hội Liên hiệp phụ nữ xã;

9. Nguyễn Đình Liệu - Trưởng công an xã.

Khóa 21:

Đại hội Đảng bộ khóa XIII, (nhiệm kỳ 1991-1994)

Đại hội vào ngày 20-10-1991.

Tham dự Đại hội gồm 86/190 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Lê Thanh Lộc - Bí thư Đảng ủy;

2. Lê Đức Thủy - Phó bí thư trực Đảng;

3. Lê Trọng Ngọc - Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã;

4. Nguyễn Ngọc Đạo - Chủ nhiệm Hợp tác xã;

5. Nguyễn Đình Thân - Xã đội trưởng;

6. Lê Đình Tỉu - Phụ trách Văn hóa - xã hội;

7. Lê Mạnh Hoàn - Bí thư Đoàn xã;

8. Lê Xuân Nhị - Phó chủ tịch, trưởng công an xã;

9. Lê Thị Hồng - Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã;

Khóa 22:

Đại hội Đảng bộ khóa XIV, (nhiệm kỳ 1994-1996)

Đại hội vào ngày 10-5-1994

Tham dự Đại hội có 100/213 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Văn Đình Tuyết - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã;

2. Lê Văn Tân - Phó bí thư trực Đảng;

3. Lê Trọng Ngọc - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã;

4. Đoàn Quang Vinh - Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã;

5. Nguyễn Văn Hóa - Chủ tịch Hội nông dân xã;

6. Nguyễn Văn Mận - Chủ tịch Hội cựu chiến binh;

7. Lê Thị Hồng - Bí thư Hội Liên hiệp phụ nữ xã;

8. Nguyễn Đình Thân - Xã đội trưởng.

9. Nguyễn Hữu Chỉnh - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã.

Khóa 23:

Đại hội Đảng bộ khóa XV, (nhiệm kỳ 1996-2000)

Đại hội vào tháng 5-1996.

Tham dự Đại hội có 102/204 đảng viên toàn Đảng bộ.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Lê Văn Tân - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng

nhân dân xã;

2. Lê Xuân Tương - Phó bí thư trực Đảng;

3. Văn Đình Tuyết - Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã;

4. Nguyễn Văn Mận - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã;

5. Nguyễn Hữu Chỉnh - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;

6. Lê Xuân Quyền - Trực Uỷ ban;

7. Nguyễn Văn Đường - Phụ trách Văn hóa - xã hội;

8. Nguyễn Văn Hóa - Chủ tịch Hội nông dân;

9. Lê Văn Thủy - Bí thư Đoàn xã;

10. Nguyễn Đình Thân - Xã đội trưởng;

11. Lê Thị Hồng - Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã.

Khóa 24:

Đại hội Đảng bộ xã khóa XVI, (nhiệm kỳ 2001-2005)

Đại hội vào tháng 12-2000

Tham dự Đại hội có 112/224 đảng viên trong toàn Đảng bộ

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Văn Đình Tuyết - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã;

2. Lê Văn Tân - Phó bí thư thường trực Đảng ủy;

3. Lê Xuân Quyền - Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã;

4. Nguyễn Văn Hóa - Phó Chủ tịch, phụ trách công an;

5. Nguyễn Văn Mận - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã;

6. Nguyễn Đình Quý - Bí thư Đoàn thanh niên xã;

7. Nguyễn Thị Loan - Bí thư Hội Liên hiệp phụ nữ xã;

8. Lê Đình Mạo - Chủ tịch Hội nông dân xã;

9. Nguyễn Hữu Chỉnh - Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;

10. Nguyễn Đình Thân - Xã đội trưởng;

11. Nguyễn Văn Đường - Phó xã đội.

Khóa 25:

Đại hội Đảng bộ xã khóa XVII, (nhiệm kỳ 2005-2010)

Đại hội vào ngày 12-8-2005 tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã.

Tham dự Đại hội có 90/219 đảng viên trong toàn Đảng bộ

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Nguyễn Quang Thọ - Bí thư Đảng ủy;

2. Lê Văn Tân - Phó bí thư thường trực Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã;

3. Phạm Đình Quang - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;

4. Nguyễn Văn Hóa - Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;

5. Lê Văn Ngọ - Trưởng công an xã;

6. Lê Khắc Toản - Phó Chủ tịch HĐND xã;

7. Nguyễn Đình Quý - Xã đội trưởng;

8. Lê Đình Mạo - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã;

9. Lê Mạnh Hoàn - Chủ tịch Hội nông dân;

10. Lê Văn Thành - Bí thư Đoàn thanh niên xã;

11. Nguyễn Thị Loan - Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã;

12. Lê Thị Thu - phụ trách chi bộ 6;

13. Phạm Thị Hà - Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ.

Ghi chú:

Tháng 7/2005, Huyện ủy Hương Sơn điều đồng chí Nguyễn Quang Thọ - Huyện ủy viên về công tác tại xã. Đến tháng 7/2006, Huyện điều động lên huyện, phụ trách mảng Chính quyền.

Ban Chấp hành Đảng ủy họp và bầu đồng chí Lê Văn Tân giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy; đồng chí Phạm Đình Quang - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân chuyển sang phụ trách công tác Thường trực Đảng ủy, đồng chí Lê Mạnh Hoàn Chủ tịch Hội nông dân chuyển sang làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Khóa 26:

Đại hội Đảng bộ khóa XVIII, (nhiệm kỳ 2010-2015)

Đại hội vào ngày 8, 9-5-2010

Tham dự Đại hội có 113/220 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Lê Mạnh Hoàn - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội động nhân dân xã;

2. Phạm Đình Quang - Phó bí thư thường trực Đảng ủy;

3. Nguyễn Văn Hóa - Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân

dân xã;

4. Lê Văn Ngọ - Trưởng công an xã;

5. Lê Văn Bằng - Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân;

6. Lê Văn Thành - Chủ tịch Hội nông dân xã;

7. Nguyễn Thị Loan - Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ;

8. Nguyễn Văn Quý - Xã đội trưởng;

9. Lê Song - Bí thư Đoàn thanh niên xã;

10. Phạm Thị Hà - Phó chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ;

11. Lê Thị Thu - phụ trách chi bộ 6;

12. Lê Đình Mạo;

13. Lê Khắc Toản - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.

Ghi chú:

- Đến ngày 16-5-2012, đồng chí Lê Quang Hồ được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thay đồng chí Nguyễn Văn Hóa (mất vào ngày 11-2-2012 vì bệnh hiểm nghèo). Ngày 16-5-2014, đồng chí Lê Quang Hồ được điều trở lại huyện - phụ trách mảng nông nghiệp huyện. Ngày 18/10/2014, đồng chí Lê Văn Bằng được bầu làm Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

- Đồng chí Lê Đình Mạo thôi Chủ tịch mặt trận xã vào tháng 5/2011. Đồng chí Nguyễn Đình Ngân được bầu làm Chủ tịch Mặt trận.

<u>Khóa</u> 27

Đại hội Đảng bộ khóa XIX, (nhiệm kỳ 2015-2020)

Đại hội vào ngày 19, 20-5-2015

Tham dự Đại hội có 130/235 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Ban Chấp hành Đảng ủy gồm có:

1. Phạm Đình Quang - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội động nhân dân xã;

2. Lê Thị Thanh Mai - Phó bí thư thường trực Đảng ủy;

3. Lê Văn Bằng - Phó bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân;

4. Lê Khắc Toản - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã;

5. Lê Văn Ngọ - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân;

6. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa - Chủ tịch Hội nông dân xã;

7. Lê Thị Hiền Trang - Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã;

8. Nguyễn Đình Quý - Xã đội trưởng;

9. Phạm Thị Kim Anh - Bí thư Đoàn thanh niên xã;

10. Lê Thị Hồng Thuận - Phó chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ;

11. Lê Hồng Lộc - Phó trưởng công an xã;

12. Đặng Thị Bích Nhung - Văn phòng Đảng ủy;

13. Phạm Xuân Thông - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Phần mở đầu: **Khái quát về vùng đất con người xã Sơn Trà**	9
I. Đặc điểm tự nhiên	9
1. Vị trí địa lý, địa hình	9
2. Khí hậu, thời tiết	11
II. Đặc điểm về kinh tế	11
III. Quá trình hình thành dân cư, làng xóm	12
1. Sự trình hình thành dân cư	12
2. Các di tích lịch sử - văn hóa	14
3. Tín ngưỡng, phong tục tập quán, lễ hội	19
IV. Truyền thống lịch sử	23
1. Truyền thống cần cù trong lao động, sản xuất	23
2. Truyền thống hiếu học	24
3. Truyền thống yêu nước	25
Chương I: **Chi bộ Đôn Mỹ ra đời, lãnh đạo các phong trào cách mạng, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền (1930 - 1945)**	29
I. Nhân dân Đôn Mỹ dưới ách thống trị của phong kiến, thực dân	29
II. Chi bộ Đảng ra đời, lãnh đạo phong trào cách mạng 1930 - 1931	34

III. Chi bộ Đảng phục hồi, lãnh đạo nhân dân tiến tới giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám 1945	43
1. Tham gia phong trào đòi dân sinh dân chủ 1936 - 1939	43
2. Quá trình chuẩn bị lực lượng, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945 ở Đôn Mỹ	45
Chương II: **Lãnh đạo nhân dân xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)**	51
I. Bước đầu củng cố tổ chức Đảng, xây dựng chính quyền cách mạng (1945 - 1946)	51
1. Xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền	53
2. Phát động phong trào thi đua "diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm", xây dựng đời sống mới ở nông thôn	57
II. Bảo vệ hậu phương, chi viện cho tiền tuyến trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954)	60
1. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ	60
2. Hưởng ứng phong trào thi đua ái quốc, tích cực củng cố hậu phương vững mạnh, chung sức chiến đấu với Bình Trị Thiên (tháng 5-1948 đến 1950)	63

3. Củng cố hậu phương, góp sức cùng cả nước đánh bại thực dân Pháp xâm lược (1951 - 1954)	69
Chương III: **Lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống mỹ cứu nước (1954-1975)**	79
I. Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954 - 1960)	79
1. Hoàn thành cải cách ruộng đất (1954 - 1957)	79
II. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)	
III. Xây dựng, củng cố tiềm lực hậu phương, chi viện cho tiền tuyến (1965 - 1973)	101
1. Nhân dân Sơn Trà góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)	101
2. Khôi phục và phát triển kinh tế đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1969 - 1973)	109
IV. Lãnh đạo nhân dân khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, chi viện miền Nam giành thắng lợi hoàn toàn (1973 - 1975)	116
Chương IV: **Đảng bộ xã Sơn Trà lãnh đạo nhân dân khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (1975-1985)**	123

I. Khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1980)	123
II. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện cơ chế quản lý mới trong sản xuất nông nghiệp (1981 - 1985)	133
Chương V: **Đảng bộ Sơn Trà lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986-2015)**	143
I. Trong công cuộc đổi mới quê hương và thực hiện kế hoạch 5 năm (1986 - 1990)	143
II. Đảng bộ Sơn Trà lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch 5 năm (1991-1995)	151
III. Sơn Trà cùng cả nước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996-2015)	165
Kết luận	208
Phục lục	213

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ SƠN TRÀ
(1930-2015)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
PHẠM ĐÌNH QUANG
Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã - Trưởng ban

Chịu trách nhiệm nội dung:
BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY XÃ

Biên tập và trình bày:
PHAN ĐỨC BÌNH

Sửa bản in:
LÊ HÒA

(Ảnh sử dụng trong tài liệu là ảnh tư liệu của xã)

In 100 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty TNHH in Hòa Nhơn. Số 6/6 đường Lê Khôi, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Giấy phép xuất bản số: 112-GPXB-STTTT ngày 08 tháng 12 năm 2017 do Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh cấp. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2017.